



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 63

Số: **52**

(2655)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 25 - 12 - 2010

CHUYỆN LẠ HOA ĐÀO

Truyện ngắn của DƯƠNG KỲ ANH



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

BÂY giờ đang là giữa thu? đúng không? mình không nắm mơ đấy chứ? Cầm chạy vào nhà tìm cuốn lịch. Đúng ngày lập thu! Hoa Đào nở giữa ngày lập thu! Không thể tin được.

Một người bạn đến chơi, thấy lạ, liền chụp ảnh, loan tin trên một trang báo mạng, thế là ồn ào cả lên.

Suốt mấy tuần, Blog của Cầm dày đặc thư làm quen, bàn luận, hỏi han, cả những lời mỉa mai cay độc, làm như thiên hạ bây giờ không có gì đáng quan tâm hơn những chuyện như thế.

Có người viết: thời buổi loạn rồi, hoa Đào lại nở vào mùa thu! Có người nói đó là bằng chứng hùng hồn của biến đổi khí hậu toàn cầu. Một người tự nhận mình là nhà khoa học xin được đến chụp ảnh, làm bản tường trình gửi đến các nguyên thủ quốc gia đang tham dự hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu tại Copenhagen... Một quá!

Rồi mùa xuân đến, cây Đào lạ lùng kia lại nở hoa. Một năm, cây Đào nở hoa hai lần, đồ thẩm.

Cầm đứng ngắm ngó dưới gốc Đào. Cây đào sau dịp tết Nhân Ngọ, người ta vứt ra đường, Cầm thấy đáng cây đẹp, mang về nhà, rồi đưa lên vườn trồng. Cây Đào

xanh tốt, lớn như thối, chẳng mấy chốc đã cao quá đầu người, mùa xuân đầu tiên đào không có hoa. Cầm hơi buồn. Năm thứ hai ở vùng đất mới, đào ra hoa, đẹp rực rỡ, một năm hai lần, vào giờ thu và đầu xuân, đúng mồng một tết. Vợ Cầm mừng lắm, bảo nhà mình có phúc. Có phúc thì có lộc. Nhà Cầm làm gì cũng thuận, con cái học hành giỏi giang, tiền bạc bắt đầu dư giả. Mấy lần trúng chứng khoán, mua được vài mảnh đất, tậu được ô tô. Vợ Cầm bảo chồng: Lộc trời cho, không thể ăn một mình. Cầm bảo: Phải.

Vợ Cầm góp tiền đúc chuông ở chùa Linh Sơn. Cầm mang cả trăm triệu, vào tận vùng đất nghèo ở miền Trung chia cho những gia đình bị lũ lụt cướp hết tài sản... Cả nhà lặng lẽ làm việc thiện, không cho ai biết.

Mảnh vườn ba mẫu hai sào ở vùng đất ngoại thành, Cầm mua lại của một người bà con xa khi cả gia đình họ chuyển vào Nam sinh sống. Thời ấy đất còn rẻ, ít ai nghĩ đến nhà vườn, đến trang trại, nhà Cầm thế cũng là có phúc, như người ta thường nói, ở hiền gặp lành.

Mình có ở hiền không? Ăn ở hiền lành ư? Đúng là mình không làm việc ác! Làm việc ác là làm hại người

(Xem tiếp trang 14)



ĐỀ NGHỊ GHI ĐÚNG TÊN “NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI”

Nhà thơ TRẦN NHUẬN MINH

NÓI ra điều này, có vẻ lẩn thẩn nhưng nghĩ đi, nghĩ lại không thể không nói. Đó là Danh nhân văn hoá Chu An, thời Trần, người dâng sớ xin vua chém tên gian thần đang ngự ở trong triều, vua không nghe, bèn bỏ kinh thành về Chí Linh Hải Dương mở trường tư, kiếm sống bằng nghề dạy học và bốc thuốc. Khi chết được thờ ở Văn Miếu và được vinh danh là: “Người thầy của muôn đời”.

Oái oăm thay, một người suốt đời bảo vệ cái đúng mà khi chết, ngay chính tên mình lại bị viết sai, in sai, sai lâu đến mức thành quen: tên đường phố, tên trường, tên làng xã, đặc biệt tên Đền thờ thờ mình cũng ghi sai tên mình. Cụ không phải là CHU VĂN AN (thực ra, cũng không có ai trong số những người nổi tiếng có tên là Chu Văn An cả). Cụ là CHU AN, mất năm 1370. Sau khi mất, Cụ mới được vua Trần Nghệ Tông truy tặng tước VĂN TRINH CÔNG. Như vậy, đương thời Cụ không biết mình có tên là Văn Trinh. Vì thế, ghi tên Cụ: CHU AN là đúng, hoặc CHU VĂN TRINH, cũng được, nhưng ghi là Chu Văn An thì sai; cũng như Trần Quốc Tuấn là tên, Hưng Đạo Vương là tước, ghi Trần Quốc Tuấn hoặc Trần Hưng Đạo đều đúng, nhưng ghi TRẦN HUNG TUẤN là sai. Giả sử bất cứ một người nào có tên thực như thế mà viết như thế, liệu công an của ta hiện nay có ghi vào sổ hộ khẩu hay cấp chứng minh thư cho không?

Theo thông tin tôi được biết thì sai lầm này là từ bác sĩ Trần Văn Lai. Ông là người thân Nhật. Sau khi đảo chính Pháp, Nhật đưa ông lên làm Thị trưởng Hà Nội. Trong thời gian rất ngắn cầm quyền (từ tháng 3 đến tháng 8 / 1945) ông đã làm được một việc rất có ý nghĩa là đổi lại tên cho nhiều tên phố ở Hà Nội, trước kia mang tên người Pháp. Ông bác sĩ yêu nước này, am tường lịch sử chống ngoại xâm, nên nhiều tên đường phố Hà Nội mang tên các vị anh hùng dân tộc, từ thời ông còn được giữ đến bây giờ, nhưng không hiểu sao, ông đã sai khi viết (hoặc cho viết) Chu An là Chu Văn An.

Cái sai này không biết đến bao giờ mới sửa được đây? Trong trường hợp của một người trung thực và tiết tháo như Chu An, thì điều này quả thực là rất không nên có.■

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM TỔ CHỨC TỔNG KẾT VÀ TRAO GIẢI THƯỞNG CUỘC THI TIỂU THUYẾT LẦN THỨ BA (2006 - 2010)

TIỂU THUYẾT VÀ THÁI ĐỘ NHẬP CUỘC CỦA NHÀ VĂN (*)

(Phát biểu của Nhà thơ HỮU THỈNH, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam tại buổi lễ trao giải)

Tại trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam sáng hôm 21-12-2010, Lễ trao giải thưởng và tổng kết Cuộc thi Tiểu thuyết Lần thứ Ba đã diễn ra trang trọng và đầy hào hứng. Gian hội trường siết lại âm áp với tiết mục trần thiết mới: những tấm poster chân dung các nhà văn cùng tác phẩm được giải thưởng của họ, một sự hiện diện nhân đôi hân hoan và ý nghĩa. Vây quanh, đông như các nhà văn và đại biểu tham dự, là các camera truyền hình và ống kính phóng viên: tiểu thuyết – đó là sự kiện.

Chủ tịch Liên hiệp các hội văn học-nghệ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam nhà thơ Hữu Thỉnh tổng kết cuộc thi mà theo ông đã nâng nền văn chương của chúng ta lên một tầm mức mới; và ông nhận xét, dù chưa đem tới những đột phá xứng hợp về hình thức của thể loại, các tác phẩm dự thi - nhiều nhất về số lượng từ trước tới nay với 247 cuốn tiểu thuyết – đã phản chiếu hầu như toàn diện đời sống xã hội đất nước, mang lại những khám phá văn học về những sự kiện quá khứ và kỷ ức tươi mới, về một thời đoạn đổi thay về giá trị.

Đại diện Hội đồng Lý luận-Phê bình văn học-nghệ thuật Trung ương, Gs.Ts Đinh Xuân Dũng bày tỏ sự vui mừng trước kết quả lao động đổ mồ hôi của các nhà văn qua cuộc thi này mà theo ông, chứng tỏ văn học chúng ta đã tới một tầm mức nhìn bao quát được cả lịch sử và hiện tại, bắt đầu một thời kỳ khám phá mới.

TRONG khoảng hơn một thập kỷ trở lại đây, tư duy phát triển văn học của Hội Nhà văn Việt Nam trở nên có đường nét hơn. Chúng ta quan tâm đến tất cả các thể loại, đồng thời không quên tạo ra những điểm nhấn. Ba cuộc thi tiểu thuyết liên tiếp được tổ chức từ năm 1998 đến nay đã thực sự tạo ra những sự kiện văn học được người viết và người đọc quan tâm. Cuộc thi lần thứ nhất có 176 tác phẩm tham dự, Cuộc thi lần thứ hai có 200 tác phẩm tham dự. Đến cuộc thi lần thứ ba đã lên tới 247 tác phẩm. Như vậy có thể thấy, từ sự đúng đắn của một chủ trương đã tạo ra bước phát triển bùng nổ của một thể loại. Tiếp tục tiến để mà hai cuộc thi lần trước tạo ra, thành công cốt lõi của cuộc thi này là tập hợp một đội ngũ đông đảo các cây bút tiểu thuyết thuộc nhiều thế hệ cầm bút và từ nhiều vùng đất khác nhau. Trong lúc văn học đang chịu nhiều áp lực, thị phần văn học đang bị thu hẹp một cách đáng lo ngại, thì số người trụ lại với tiểu thuyết không những không bị cạn đi mà ngày càng được bổ sung nhiều tên tuổi mới là một điều rất đáng vui mừng. Thực tiễn đã bác bỏ những dự báo nản lòng cho rằng "tiểu thuyết đã chết". Không, tiểu thuyết không bao giờ chết cũng như văn chương sẽ còn mãi như những bằng chứng cho sự thăng hoa của đời sống con người.

Thành công thứ hai của cuộc thi là độ mở về không gian nghệ thuật. Nhiều tác phẩm có tới hàng ngàn trang, bao quát cả một giai đoạn lịch sử khá dài với biết bao biến cố dồn dập, những xung đột gay gắt, những tình huống đầy kịch tính. Sự giàu có về vốn sống, khả năng xây dựng cả một đời sống nhân vật đồng đều mà sự vận động vừa mang tính chất tuyến tính vừa mang tính xâm nhập và tác động lẫn nhau tạo ra một không gian nghệ thuật phức hợp, là một cố gắng rất đáng trân trọng của tư duy tiểu thuyết. Tiêu biểu cho hướng tìm tòi này là Bùi Bình Thi với tiểu thuyết *Xiềng Khoáng mù sương*, Dương Hương với tiểu thuyết *Dưới chân tảng trời* và Nguyễn Phan Hách với *Cuồng phong*. Đặc biệt đáng quý trường hợp nhà văn Bùi Bình Thi với biên niên sử về tình bạn chiến đấu giữa quân dân hai nước Việt Lào. Cùng với việc mở rộng dung lượng sử thi là sự phong phú về thể loại. Tiểu thuyết lịch sử, tiểu thuyết thể sự, tiểu thuyết tự liệu, tiểu thuyết chiến tranh, tiểu thuyết

hoạt kê viễn tưởng... tất cả tạo ra những kênh riêng, những lợi thế khác nhau để tiếp cận nhiều tầng vỉa của đời sống. Dấu chiếm lĩnh đời sống theo kiểu nào, với những thao tác nghệ thuật nào, các tác giả cũng đều thể hiện sự triệt để trong xây dựng tính cách, đẩy nhân vật đến tận cùng trong xung sát, trong đối thoại và độc thoại, một sự phát triển mang tính định mệnh của những số phận khác nhau. Tính triệt để để còn thể hiện ở chỗ, đối với nhiều vấn đề, lịch sử đã giải quyết xong, cuộc sống cũng đã vượt qua rồi, nhưng nhà văn bảo nó chưa xong, và họ hăm hở khám phá lại sự khám phá phát hiện lại sự phát hiện, và mặc dù đã vấp phải khá nhiều sự nhạy cảm và gai góc nhưng được dẫn dắt bởi một tiền cảm nghệ thuật lành mạnh và khoẻ khoắn họ đem đến cho chúng ta những mảng sống nguyên khôi. Những cuốn tiểu thuyết *Mạc Đăng Dung* của Lưu Văn Khuê, *Đêm Sài Gòn không ngủ* của Trầm Hương, *Lý Công Uẩn* của Ngô Văn Phú, *Nguyễn Thị Lộ* của Hà Văn Thủy thể hiện khá rõ cho hướng tìm tòi nói trên. Đối với họ lịch sử là lịch sử của sự sống. Lịch sử ở đây không chỉ là cái được phản ánh mà còn là khúc biến tấu của bi ca và tráng ca với biết bao khắc khoải về số phận con người. Và vì vậy, tiếng nói nhà văn đâu có lúc cay đắng nhưng không vô vọng, đau đớn nhưng vẫn nồng ấm tin yêu. Sự phóng khoáng, táo bạo trong tư duy tiểu thuyết trong cuộc thi này là một biểu hiện sinh động tiến trình đổi mới của văn học ta.

Thành công thứ ba của cuộc thi này là thái độ nhập cuộc, thể hiện tinh thần tích cực xã hội của nhà văn. Dù xa hay gần, trực tiếp hay gián tiếp, các nhà văn đều có chung điểm xuất phát là muốn tìm câu trả lời cho những vấn đề của thực tại. Ý nghĩa đời sống thế nào? Giá trị thực của đời người ở đâu? Lấy gì làm điểm tựa cho con người trước biết bao xô dạt thiên di? Nhưng câu hỏi trên treo trước mắt con người bao lâu rồi. Nhưng sao hôm nay nó trở nên gay gắt, bức thiết, nóng bỏng đến như thế. Có lẽ đó là dấu ấn riêng của văn học trong những giai đoạn có sự chuyển đổi về hệ giá trị, một sự chuyển đổi buộc con người vừa phải nhận thức lại vừa phải sớm thích nghi.

Nguyễn Khắc Phê trong *Biết đâu địa ngục thiên đàng*, Nam Ninh trong *Khoảnh khắc đời người*, Nguyễn Một trong *Đất trời vẫn vũ* thể hiện khát vọng miêu tả



những số phận éo le trước một hiện thực vũ bão và ngổn ngang, có lý tán và đoàn tụ, có vinh quang và trả giá, nhưng không bao giờ để mất phương hướng sống. Một niềm tin không dễ dãi, một bản lĩnh sống vượt thoát qua biết bao thăng giáng của nhân thế, đó là tố chất cần thiết cho con người ngày hôm nay.

Với những thành công trên, **Cuộc thi tiểu thuyết lần thứ ba (2006-2010)** đã góp phần rất quan trọng nâng cái nền chung của văn chương hiện nay lên một tầm mức mới.

Vượt qua sự bình chọn công phu của vòng Sơ khảo, 51 tác phẩm vào Chung khảo tập trung vào ba mảng đề tài chính sau đây:

- Lịch sử
- Chiến tranh
- Sự nghiệp đổi mới đất nước

Đây là cách chia ước lệ để dễ khu biệt, thực ra, lịch sử theo nghĩa rộng nhất bao gồm tất cả những gì thuộc về thì quá khứ. Nguyễn Văn Thọ, Y Ban, Thủy Dương trở lại với một quá khứ gần, một quá khứ như một chảo than nóng của thời bao cấp với những nghèo khổ và thiếu thốn, tưởng như không thể nghèo khổ và thiếu thốn hơn. Nhưng trong chiếc áo rất chật, một cơ thể cường tráng vạm vỡ đang lớn lên. Đó là sự tích lũy âm thầm những năng lượng cho đổi mới. Bối cảnh thì giống nhau nhưng vấn đề mà ba tác giả đưa ra lại khác nhau căn bản. Nguyễn Văn Thọ dựng lên bức tranh kiếm sống khốc liệt nơi đất khách quê người. Đây là đề tài thấp thoáng đã có đôi người dụng bút. Nhưng *Quyên* của Nguyễn Văn Thọ là câu chuyện vỡ mộng bị thương rướm máu. Giữa biết bao nhiêu lừa đảo, chiếm đoạt, vô tình, ghen ghét, Quyên hiện lên như một ốc đảo rười rượi nhân tình. Cô bị đánh văng ra khỏi cộng đồng như một mảnh vỡ. Nhưng chính cô lại có sức hàn gắn hơn ai hết cho chính cái cộng đồng đang tự ru mình trong sự an toàn giả dối. Một thông điệp khác, Thủy Dương, với *Về để kiếm tiền*, nhưng có tiền lại tuột mất hạnh phúc. Và Y Ban, một cây bút ít thoải hiệp trong miêu tả những mặt xám của đời sống, với *Xuân Từ Chiếu*, tác giả lại dày công chăm chút cho những cuộc đời thường biết che giấu lấy nhau, và xem đó như là nền tảng là cội rễ của một xã hội bền vững.

Với đề tài chiến tranh, cuộc thi có cả một đội ngũ hùng hậu. Đó là Từ Nguyên Tĩnh với *Truyện thuyết Thu Bồn*, Đỗ Kim Cương với *Phòng tuyến sông Bố*, Nguyễn Hoàng Thu với *Một thời đã qua*, Nguyễn Quang Hà với *Vùng lôm*, Hữu Phương với *Chân trời mùa hạ*, Trầm Hương với *Đêm Sài Gòn không ngủ*. Công hiến quan trọng của mảng đề tài này là miêu tả chiến tranh vừa có chiều sâu của hiện thực vừa có tầm cao của tư tưởng. Đó là cuộc chiến tranh chia tuyến và không chia tuyến, chống lại kẻ thù dân tộc và sự tha hoá trong hàng ngũ chúng ta. Đúng, Nguyễn Quang Hà và Hữu Phương có phần gặp gỡ nhau ở chủ đề này. Nhưng Nguyễn Quang Hà độc đáo ở cái kết bất ngờ, khiến cho nhân vật kết hợp được hai yếu tố anh hùng và nhân văn. Sau Trần Văn Tuấn với *Rừng thưa nước trong* của cuộc thi trước, Nguyễn Quang Hà trong cuộc thi này lại đóng góp một cuốn tiểu thuyết hay về cuộc chiến tranh trong thế cái rằng lược tại chiến trường Thừa Thiên- Huế. Với *Chân trời mùa hạ* của Hữu Phương, cuộc sống chiến đấu của vùng quê Quảng Bình được hiện lên đầy ắp các sự kiện bình thường và phi thường với những con người mộc mạc như gỗ, rắn như đá, lửa đầy mà cũng là nước đầy, sống chết trong gang tấc, có những nhân vật xuất hiện từ đầu đến cuối tác phẩm, có những nhân vật chỉ xuất hiện trong vài trang sách mà để lại cho người đọc day dứt khôn nguôi. Đây là một bước bút phá của tác giả,



Các đại biểu dự lễ trao giải

Ảnh: HỮU ĐỒ

LÊ VĂN HIẾU Con chim sẻ trong sân bệnh viện

Này chim sẻ,
Nhảy nhót trong sân bệnh viện.
Nhảy nhót bên nỗi buồn.
Đấy những số phận.

Này chim sẻ,
Nhảy nhót trong vòng cung bệnh viện
Nơi không có hạt thóc.
Không phải sân phơi - cánh đồng
Ở đó có những khuôn mặt rười rượi.

Thấp thoáng,
Bức tường trắng, chiếc áo Blu trắng
Chim sẻ rơi không tiếng động.
Bước chân của người thăm nuôi, không tiếng động
Lặng lẽ nhắc bên lễ bệnh viện.

Bước chân hy vọng
Sẽ nhắc bay về với phận người.
Sẽ ngã khụy xuống lần số mệnh.

Này chim sẻ
Riu rạn bài ca hy vọng
lặng lẽ bay,
lặng lẽ rơi.
và cất cánh nhỏ nhoi lao ra ngoài bệnh viện.

Lay động

Khe khẽ bước chân
Khe khẽ mắt nhìn.
Tôi sợ động đôi chim bên cửa sổ
Đôi chim, trên cành xanh, như vẽ
Không nỡ làm người bồi bắn tranh

giữa trưa lặng im
Nghe gió mát lành.
giữa lúc buồn hiu
Tôi bỗng thấy hạnh phúc.
Đôi chim vô tư
Như cá đối nhảy nhót
Như cá dơi bên nhau.

khe khẽ nghe chân
kéo rộn niềm đau
khe khẽ nữa là tia nhìn của mắt.
Vô chừng, đôi cánh kia rụng mất
Làm sao tìm ngầy ngất những đường bay.

NGUYỄN THỊ THÚY NGOAN Vò rượu rỗng

Như là sóng xô bờ đá
Ngôi nhà nghiêng ngả tiếng cười
Cốc rượu đầy, rồi vơi!
Em cũng cạn cả một thời nông nổi.

Các anh về!
Còn lại em thôi!
Trăng hạ tuần ngoài thềm thao thức
Đôi thạch sùng đuổi nhau kêu:
Tiếc... tiếc...
Chiếc đồng hồ day dứt
Nghe như tiếng nhạc gặm buồn

Rượu đầy vò!
mà:
không đàn ông!
Ngôi nhà thành vò rượu rỗng.

Xin đừng

Xin anh đừng nhớ làm chi
Tuổi xuân đã cạn, tóc thì đã sương
Thơ buồn như sợi chỉ vương
Em ngồi khâu lại vết thương cuối mùa.

Bây giờ mặc kệ nắng mưa
Ốt cay cũng ngọt, chát chua cũng cười!
Một lần trâu đã quệt vôi
Một con đò vỡ sông đối phía sau.

Người ta một bến còn đau
Em mười hai bến sông sâu gầy chèo?
Bến nào cũng đứt dây neo
Cuối chiếu buộc chặt bến nghèo vào thơ.

(*) Mười hai bến nước - thơ Nguyễn Bính.

TÔ THI VÂN Làng

Mấy mươi năm ngụ cư thành thị
Mang máng số nhà, mang máng phố
Mắt vấy bụi đỏ
Ta là người cũ
Nhà, ừ nhà mình sao như ở trọ
Thân là cảnh buồm lang bang gió
Kìa hoa cải vàng lùm nhót đỏ cổ xanh đề

Ngọt ngọt nắng hè
Ngong ngóng tiếng sáo diều vi vu theo ngọn nồm thôn ở
Lênh loang trăng viễn bãi ngổ non
Gót mòn phố xá
Lối lối cờ vây, người xe mù mịt
Í ỏi, bề tổng đông hộp, bóng lòa
Sơn phấn bon chen, nước hoa lửa phỉnh

Mơ chiếu chiếu yên tĩnh
Ao làng bờ tre bóng cước
Cây ớt, cây râm cay đắng ngọt mà
Cốc nghiêng ràng đêm, trăng ngân hoa buổi
Lùa ngóng mưa rào để chờ tháng ba
Làng ơi! gai cầm cút thuở nào hàng nhai nhói trong ta

Đêm mất ngủ

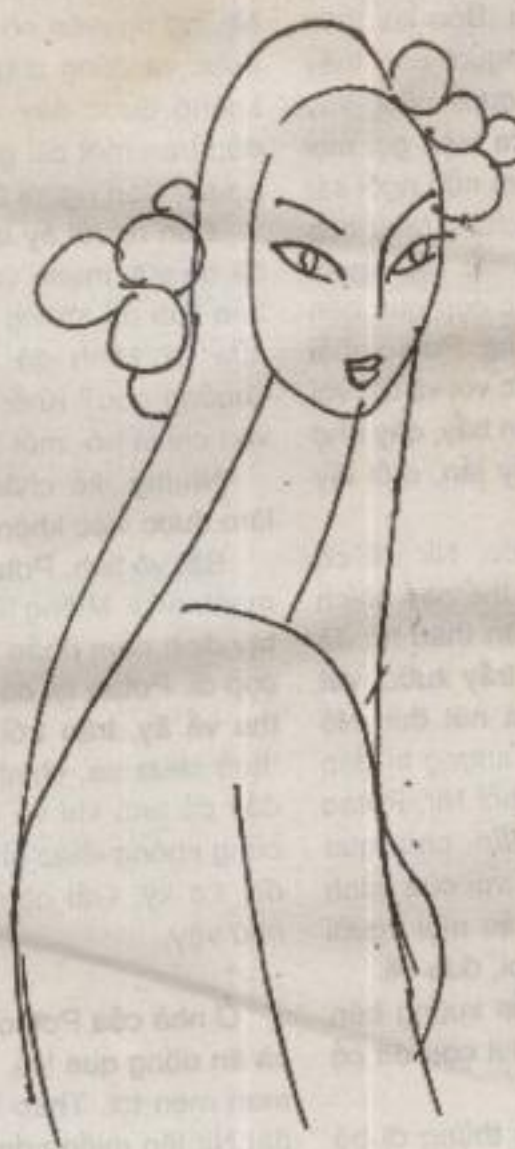
Đêm đổ ra những bóng hình quấy đảo
Tự nhủ mình... nhào nhấc vẫn hiện ra
Ngây thơ em, nhòang nhòang một bông hoa
Cây cầu tre, ngoằn ngoèo con rắn độc

Mấy mươi mùa hoa
Mấy mươi mùa bão lốc
Áp vào nhau lèo lèo chớp trời
Đêm Tam Đảo ú ớ sấm vờ
Hiên rừng ào ạt mưa rơi

Lò mẹt một thằng người
Không lẽ trộm? Cửa đã cài chốt chặt
Cò gì mà sợ mất
Mà? Hừ, ma ở đâu ra
Nhắm nhắm dăm ba tiếng chó

Ngủ thôi ngủ để mà mơ
Hoa nở mặt người, nét buồn dịu đẹp
Núi bỗng lèo rơi sét
Cầu tre ngoằn ngoèo, chiếu mẹt liều tư
Chó lại sủa, cái thằng người lên lên...

Chệnh choạng đêm vào bến
Thức hay mơ
Ổ nặng lên rồi



PHẠM DẠ THỦY Tinh mơ xuân

Tinh mơ
Bàng bạc sương
Hiu hiu gió
Ta cùng ta
Dung dăng dung dề
Chờ ông mặt trời

Tinh mơ
Lòng an nhiên sau đêm dài trần trọc
Bỏ lại sau lưng những muộn phiền giấu mặt
Đón đợi bình minh
Hứa hẹn nắng vàng
Tinh mơ
Hồn trong veo
Trút bỏ những ý nghĩ xam
Ném theo gió* những tứ thơ buồn
Nhẹ nhõm
Thênh thang

Lắng nghe
Tiếng chim hót vui
Lắng nghe
Nhẹ nhàng hoa thở
Thơ ấu chợt về
Xanh ngả ngàng một ban mai xuân!

* Ý thơ Bằng Việt

Ngày mai

Nhật từ lịch cuối vữa rơi
Nghe rưng rưng một nỗi đời lạ thay

Một chút tỉnh, một chút say
Thấy mình lạc giữa nửa ngày nửa đêm

Trăng nay loang lổ bên thềm
Bước chân chập choạng đi tìm trăng xưa

Tóc rối trắng tựa màu mưa
Môi rồi nhạt với lụa thưa nắng chiều

Chạm vào ký ức trong veo
Một thời hoa mộng bay vèo còn đâu

Trong tay tờ lịch đã nhàu
Ngày mai là một bắt đầu, mùa xuân...

DUY PHI Ghénh Ráng

Sáng ở Ghénh Ráng
chiều thăm Từ hữu Bàn Thành
một ngày trọn
trời biển xanh

bái tử tuyết Yến Lan
niềm thơ Chế Lan Viên, Quách Tấn
thơ Hàn trăn hừng
đâu khe nguyệt tâm lộ...
khuôn vàng?

tựa đá mang mang
thơ, hành khất

men rượu ngàn năm chôn dưới đất
còn mất
đầy vơi?

khát người
trắng
gió
đĩa đêm Thị Nại
hớp
trùng khơi.

Vấn thơ... đá

Đá vô tri đá một mùng
đá thành tượng thành, trúc tùng cúc sen

nổi chìm đá gặp người hiền
ngón linh chạm đá, đá thiêng cõi thường

nóc cao, đá nhô thượng nguồn
đá rằng, nước chảy không mòn mới hay

mãi mê với đá trọn ngày
những vần thơ đá giải bày nghìn xuân.

THẢ VÀO CỎI VÔ CÙNG

Truyện ngắn của NGUYỄN THỐNG NHẤT

C HỈ còn vài vạt nắng nhạt nhòa bịn rịn nơi đỉnh núi mờ xa. Sương mù đã chậm rãi dềnh lên từ lòng thung. Chợt... Cái không gian tĩnh lặng tưởng yên bình ấy... rách toạc, bởi tiếng cộp găm. Tất cả chết sững. Rồi, cùng với tiếng ào dội lại từ vách núi là tiếng chân chạy, tiếng kêu la thảng thốt như bị lũ cuốn của thú, của người.

Có bộ lông nhưng nhúc màu than ủ, con cộp ấy lớn bằng ba con bò đã xuất hiện từ mấy ngày nay. Có thể hình dung cộp đang tức tối lồng lộn vì những cú vỗ hất, còn con mồi của nó vẫn dềnh dai luồn lách và cứng cỏi chống đỡ. Trong lúc vờn giỡn con mồi, tiếng găm giữ riết róng phập phù qua kẽ răng của cộp làm mọi vật lạnh cứng.

Lại thốc tới tiếng cộp găm khủng khiếp. Rồi nhiều tiếng găm khủng khiếp nữa thốc tới. Và... và có một tiếng găm, hình như là tiếng găm cuối. Tiếng găm ấy lạ lắm cứ như bị vỡ ra... toang hoác... chìm dần... rồi tắt lặng. Mọi vật đang chú ý bỗng lên lên thở ra: Cộp đã vỗ được con mồi cứng đầu cứng cổ kia sao(?) Con mồi ấy đã bị phanh thây dưới móng vuốt cộp ư(?) Hay nó đang chằm chằm khoan thai dùng mõm dùng tay nghịch đùa với thịt tươi máu nóng(?)... Tiếng cây đổ, đá lăn cũng không còn nữa. Không gian bất ngờ tĩnh lặng. Xác xơ thật đấy, nhưng buồn làng và núi rừng sống sổi kể bên như chợt với nổi khiếp đảm. Bao nhiêu ám ảnh chết chóc dường như được trút bỏ cùng tiếng thở dài.

Có thể... chỉ là chốc lát. Nhưng vẫn đáng quý và cần thiết biết bao.

Sắc vàng nơi đỉnh núi không còn nữa. Vài tiếng oóc éc vời sữa của heo con dưới gầm sàn, vài tiếng cậm cạch lên lên nơi bậc thang bậc cửa đang đánh thức về muộn thuở của sự sống huyền hoặc nơi đây.

Càng huyền hoặc hơn khi con mồi tưởng đã phơi thây nát xác nọ vẫn sống. Và ác thú với sức mạnh quyền năng huyền hoặc kia lại bị đánh gục.

Đầu nó đang ngoẹo quặt trên đất. Rốt rồi của nó đang hoà máu đỏ thành đồng trùn khuất rặng cứng nanh nhọn. Cặp mắt như hai hòn than đỏ đang ngụi dần, rồi đại hẳn. Đuôi và hai chân sau của nó vờ vẩn giữa trời được một lúc cũng xịu xuống. Thân lao vừa dẻo vừa cứng thể vẫn không chịu nổi sức nặng toàn thân cộp, cũng nứt gãy ngoẹo theo.

Cựa quậy, cựa quậy mãi vẫn không rút được một chân bị con cộp ấy chặn dè, mệt quá, miếng mồi nọ thả lỏng toàn thân ngã soãi vai tay trên bờ đá. Nó thở hắt ra như cố quạt xua bụi đất đang lắng xuống. Hai mắt mệt mỏi nhắm nghiền phờ phạc. Những giọt mồ hôi vẫn tứa tứa thành dòng.

Không biết đã bao lâu.

Có tiếng chân người gấp gáp lao xạo trên đá. Tiếng chân ấy dừng lại rất gần. Tiếng thở khấp khìi hồi hồi của người ấy còn gần hơn nữa. Miếng mồi nặng nhọc hé mắt. Người ấy đang cúi xuống, thấp xuống, hai núm vú chắc mẩy như kẻ áp mặt nó. Nước từ đuôi tóc loà xoà của người ấy nhỏ xuống người nó dịu mát.

Miếng mồi tỉnh hẳn, nó mở to mắt: Noan!... Noan đấy à? Noan vẫn chưa về ư? Noan không sợ à? Nó nghĩ.

Potao đã lên được lưng voi. Con voi đang quì còn chưa kịp đứng thẳng lên, những chiến binh theo Potao ra chỗ đánh đuổi cộp còn chưa kịp cất bước... đã nghe tiếng thét gọi thất thanh từ hướng dẫn ra bên nước dành riêng cho đàn bà. Potao giật mình, thúc voi chồm tới. Người đang hốt hải chạy về cùng những tiếng thét gọi thất thanh đó là Noan- Con gái của Potao.

Cũng vì đã tìm gọi khắp nhà vẫn không thấy Noan nên Potao phải đích thân lên voi định dẫn quân ra chỗ cộp đã găm. Noan vẫn đang vừa chạy vừa gọi người trong lúc cố níu giữ mảnh váy bằng da báo quấn ngang hông. Potao và những người cùng đi vội tới. Là Noan chẳng có vẻ sợ sệt gì cả. Noan vừa kể vừa thở, vừa đưa tay chỉ ngược hướng mình về. Mỗi lần nàng thả tay, một bên miếng da báo quấn ngang hông lại xệ xuống, hé mở. Máu từ vết cào vết xước trên cổ trên vai Noan vẫn rỉ ra về thành dòng đỏ thắm rồi lượn xuống khe ngực.

Potao lại thúc voi và mọi người chồm tới. Những bước chạy như đã chùng chình hơn, bởi trong đầu ai cũng ngổn ngang bao điều nửa ngờ nửa tin sau những gì Noan nói.

Bến tắm của lũ đàn bà hiện ra: Một lạch nước cạn chảy giữa bãi cuội trắng phau được che chắn bởi hai bờ đá dựng cao và những bụi cây dày kín đáo. Đó là điểm tõe ra của hai triền đá. Những cây lồ ô dẫn nước từ mạch ra đã ngổn ngang gãy vỡ. Đất đá cỏ cây xung quanh xác xơ ngầu bụi. Cách đó chừng nửa khoảng quãng rạ, nơi một hốc đá nhăm nhở, mọi người đã thấy phần thân sau của con cộp lớn bằng ba con bò đang bị máu của chính nó vẫn ộc ra làm cho da lông không thể vàng sáng nữa. Bên kia thân xác chính ếch ấy, mọi người còn thấy một cánh tay- cánh tay người- cũng vậy đỏ máu đang vẫy ngoắc ra hiệu gọi mọi người tới. Nir đang nửa nằm nửa ngồi sát bên xác cộp vẫn dè trên chân. Máu cộp lẫn máu Nir đỏ loang nóng hổi. Mọi người xúm lại hết kéo rồi bầy xác cộp qua bên nhưng nó vẫn i ra. Cuối cùng, Potao phải lệnh cho nài dùng chính sức voi và cái vôi của nó, cộng với đòn kẻ đòn bẩy, dây nhợ và sức người xoay trở mấy lần, mới lấy được chân Nir ra.

Được người khác diu đỡ, Nir đã cố đứng lên nhưng vẫn không thể nào nhích chân đi nổi. Dường như toàn thân nó đã bị phủ kín bằng vô số vết trầy xước, vết cắt xé to nhỏ làm toác da nát thịt. Nó không bước đi được, chắc xương bị đập gãy?! Vẫn không rời mắt khỏi Nir, Potao nghĩ vậy. Một thoáng chần chừ qua nhanh, Potao lệnh cho con voi của mình quì xuống. Rồi khoát tay bảo mọi người đỡ Nir lên nằm trên bành voi, đưa về.

Xác cộp đã được chuyển xuống bên nước. Phần việc lột da xẻ thịt cộp đã có lũ tay chân chuyên việc lo.

Khi nhiều người đã lững thững đi bộ về làng với vô số lời bàn tán xuýt xoa, khi khá đông người già và con nít từ trong

làng chạy ngược ra hóng chuyện, khi hầu hết lũ người góp mặt đã bị hút về phía con voi đang chở Nir về hoặc ra nơi cộp dữ đang bị phanh thây xẻ thịt ngoài bên nước... chỉ có mình Potao còn ở lại. Chính tại đây, con cộp như hiện thân của Thần Chết, từng tàn sát và gieo rắc nỗi khiếp đảm cho cả làng, cho cả Tộc người và cho chính bản thân ông đã bị hạ gục. Potao đang đứng đó, một mình.

Khi xác cộp đổ vật xuống, thân lao làm bằng loại cây gò ruồi rất cứng nhưng khá dẻo cũng bị nứt gãy bởi một phần cán còn ngấp trong kẽ đá. Có thể hình dung ra cách thức, nhưng Nir đã bám sát con thú ấy bao lâu và tính toán mọi sự rất chi li để không bẫy mà cộp vẫn như bị sa bẫy? Kẽ đá để cắm cán và chĩa ngược mũi lao ra ngoài đã có sẵn hay được Nir chuẩn bị từ trước? Độ nặng thân xác và sức mạnh cú nhảy vồ của cộp cũng được tính tới ư?... Potao gục gặc đầu nhẹ.

Con cộp ấy đã bị giết chỉ bởi một người, một thân phận nhỏ nhoi, không ra gì. Oái oăm thay, sự việc đó nằm ngoài sự tưởng tượng của mọi người và của cả bản thân Potao. Vẫn xăm soi phần mũi lao đã xuyên qua thân cộp trên tay, đầu Potao ngúc ngoắc: Đã vậy, con người đó còn lấy cả mạng sống của mình để che chở bảo bọc, để cứu Noan thoát khỏi nanh vuốt của con ác thú ấy(?) Noan lại là con gái duy nhất của chính mình... Không thể nào hiểu nổi.

Không chỉ bằng sự cứng cáp bèn nhọn của cây lao, không chỉ bằng trí lực khỏi cần bàn cãi của người sử dụng cây lao ấy, chính sự tham lam đến ngu dốt cộng với sức mạnh khủng khiếp của con mãnh thú kia cũng đã tích cực dự phần tự hủy hoại nó. Vẫn phải nỗ lực nhất là người đã biết lợi dụng, biết biến sức mạnh áp đảo của địch thủ thành chiến tích có một không hai ngay giữa đường tơ kẽ tóc của sự sống và cái chết. Nhưng, những nguyên cơ đó cũng không thể có được và cũng chưa thể là gì nếu tất cả không được dày công nhen nhúm vun đắp trên một cái gốc- Đó là bản lĩnh con người. Con người ấy là Nir.

Con người ấy lại là Nir ư? Nó đã lớn, đã có sức mạnh và sự khôn ngoan, đã có bản lĩnh để không thể xem thường được nữa ư? Minh đã sơ suất để nó sống chuồng sao? Không. Nó phải là nó. Nó vẫn chỉ là nó- một kẻ chẳng đáng gì.

Nhưng, kẻ chẳng đáng gì đó lại đã làm được việc không có ai làm nổi.

Rất vô tình, Potao lại ngúc ngoắc đầu mạnh nữa. Miếng lăm bầm gì đó và vung tay định ném phần mũi lao còn dính máu cộp đi. Potao lại dán mắt vào mũi lao đã thu về ấy, trần trối, như nhìn thấy: Một thuở chưa xa, chính bản thân Potao với đầy đủ tinh khí và cách thức thể hiện... cũng không khác gì Nir, đang hiển hiện ở đó. Là kỳ. Oái oăm. Không. Không thể như vậy.

Ở nhà của Potao, Nir được đắp thuốc và ăn uống qua loa. Con buồn ngủ đang mon men tới. Theo lệnh Potao, người ta đặt Nir lên miếng da thú, bốn người nắm bốn góc khiêng ra chỗ được dành riêng cho nó mỗi rìa làng. Con buồn ngủ cũng

nhóc nhách oan khiên.

Không thể không nỗ lực sức mạnh, lòng can đảm và sự khôn khéo của Nir trong việc giết cộp. Đó là con cộp lớn nhất, ác nhất trong đời mà mọi người ở đây cùng với Potao từng biết. Nir là người đã cứu lũ làng. Và, trần trở ấy náy một tý khi Nir cũng là người đã trực tiếp cứu Noan. Nhưng... Nhưng cũng chỉ đến thế... rồi thôi. Potao nghĩ: Muốn thuở, Nir vẫn phải là Nir, vẫn chỉ là Nir. Nếu khác? Potao không nghĩ tiếp nữa.

Điều quan trọng nhất với Potao là con gái mình thoát chết. Ngoài những chuyện mãi mê chinh phạt xa gần, với Potao, Noan là niềm vui duy nhất còn lại.

Nhưng ngay đêm đó và suốt mấy ngày đêm sau, "Niềm vui duy nhất còn lại" ấy của Potao đều tìm đến cái chòi hiu hắt lẻ loi mãi rìa làng nơi Nir ở. Do lên lút theo bước những người khiêng Nir bằng tấm da thú mà nàng biết được nơi ấy. Nàng lấy từ nhà mình đi những gì có thể giúp Nir bình phục nhanh nhất. Nàng còn mang cả nệm da thú, cả tấm đắp của mình, cả những tấm xà rồng của cha ra cho Nir dùng. Không ngờ chỗ ăn ở của Nir lại tồi tàn đến vậy.

Ngày nhỏ, hai đứa ở chung nhà. Ông Ngoại thường cho chúng cùng ăn, cùng ngủ, cùng chơi đùa với nhau. Nhưng đây là những lúc cha Noan vắng nhà vì bốn ba chính chiến hay bận việc gì khác. Còn khi có cha Noan, Ông Ngoại lại ra hiệu cho Nir lui tránh đi. Có lần Noan hỏi: "Tại sao vậy?" Ông Ngoại chỉ ồm Noan vào lòng thủ thỉ: "Lớn lên con sẽ biết", rồi im. "Không! Con muốn biết bây giờ?" Mặc Noan khóc vùi nằng nặc, Ông Ngoại cũng đành bỏ đó mà đi. Nhưng nhiều lần, chính Noan cũng thấy, Ông Ngoại đã mang thức ăn có trong nhà cho Nir. Có đêm dậy đi tiểu, Noan còn nhìn thấy ông Ngoại đang nhóm lửa cho Nir ngủ thêm ấm dưới gầm sàn. Câu trả lời như đã hứa của ông Ngoại sẽ chẳng bao giờ Noan được nghe nữa. Ông Ngoại đi đã hơn chục mùa rẫy rồi. Noan vẫn còn nhớ có lần Ngoại dặn: "Con phải thương thằng Nir. Cha mẹ Nir đã chết từ khi nó còn khát sữa. Chẳng có ai là bà con với nó ở đây. Ngoại tiếc... Ngoại tiếc..." Rồi Ông Ngoại lại không nói rõ điều mình tiếc là gì... đã đi.

Ông Ngoại mất chưa lâu, hôm ấy, trời mưa to, nước đầy. Do mãi chơi ngoài rừng, Noan may mắn gặp và được Nir công qua suối về làng. Chưa lội tới bờ, nhìn lên, đã thấy Potao chằm vằm đón đợi.

Ngay sau đó, Noan bị cha nhốt kỹ vào buồng. Dưới gầm sàn, Nir bị ngút hơi tắt tiếng trong cơn mưa roi ngựa.

Sáng hôm sau ngủ dậy, Noan tìm mãi vẫn chẳng thấy Nir đâu. Cố hỏi, cũng không ai chịu trả lời. Ngày sau, ngày sau nữa và rất nhiều ngày sau nữa, cũng thế.

Không nhớ đã qua mấy mùa rẫy, khi mọi mong ngóng đã vượt ngưỡng thời khắc từ lâu, Noan lại nhác thấy xa xa ai đó giống Nir đang cầm cũi đi sau bảy voi ngựa về chuồng. Những người đi chăn thú cùng Nir đều đã lớn, đều đã cưới được ngựa được voi thuần thực. Riêng Nir nhỏ quá, chỉ lon ton vừa đi vừa chạy chìm lẫn giữa rừng cằn rừng chân vô tri vô

giác của bấy thú kia.

Ngay lúc đó, Noan đã nháo nháo chạy tìm kiếm Nir. Noan đã tìm gọi đến đứt cả hơi, đến không bỏ sót bất cứ nếp nhà hay bụi cây nào, đến cả rừng khuya cũng bị rạch ngang xổ dọc, đến cả trăng sao nơi đáy trời cao cũng phải nhiễu động... vẫn chẳng thấy Nir đâu. Nir cố tránh Noan ư? Việc gì Nir phải tránh? Hay ai đã cấm cản Nir? Tại sao họ không cho Noan gặp?... Yang ơi! Nir ở đâu?

Cách biệt. Tưởng không biết đến bao giờ...

Đến bây giờ, đã qua chục mùa rầy rồi, hai đứa mới được kể cận.

Nhưng đầu Noan hết mình, Nir vẫn chỉ lặng câm. Có lúc Noan phải vỗ như giận dữ để cố cạy miệng Nir. Chẳng ích gì. Tất cả vẫn bị ghim giữ dưới nét buồn cô cứng. Gắn thế mà sao xa quá vậy? Miệng Nir chỉ mở, chỉ thở hắt ra và cất thành tiếng rên rỉ trong cơn mê sáng giữa đau buồn quặn quại. Lúc tỉnh dậy, mặt méo xeo và người đầm mồ hôi, Nir chỉ đắm đắm dõi trông Noan, mắt đen thăm không lời.

Noan pha mật gấu cho Nir uống để tan bớt máu bầm. Noan nấu chim, nấu cá với nếp áo già rồi mớm từng chút cho Nir ăn. Noan già củ sâm lấy từ Ngok Ling vắt nước hòa với mật ong cho Nir uống... Nhưng, có gì còn lớn lao, sâu thẳm và mệnh mang hơn thế. Chẳng lẽ kỷ niệm không thể nào quên suốt thời thơ bé của hai đứa; chẳng lẽ thân phận lúc nào cũng nhỏ nhoi trầy trụa vì đòn roi hắt hủi của Nir; chẳng lẽ không biết bao nhiêu con trăng và những mùa rầy Noan phải mỗi mắt tìm kiếm đợi mong; chẳng lẽ tấm thân cứng cỏi lạ thường cộng với sự khôn ngoan và bản lĩnh xuất thần trong lần thoát lộ hào sáng của Nir ở bến tắm chiều ấy... lại không mệnh mang, không sâu thẳm và lớn lao ư?! Tất cả cứ xoắn xuýt vào nhau, cứ dồn dập hiện về lộng lẫy sắc hình như có thể ngắt hái được. Nhưng tay chân Noan vụng dại quá, đầu óc Noan nông nênh quá, làm sao có thể bó lại, có thể ôm giữ được bấy nhiêu hương hoa vị mật trước mưa tuôn gió táp dập vùi. Nir không chỉ là ân nhân... Phải hết mình tận tụy với Nir biết bao giờ cho đủ? Giữa cơn mê, vì đau, người ấy vẫn

nhăn nhó khổ sở. Noan áp môi mình như muốn liếm mút hết mồ hôi đang vồng vã trên trán Nir. Rồi mắt là chữa thương lo cùng tiếng thở ra nghẹn ứ.

Còn một chuyện nữa, sẽ chẳng bao giờ Noan dám hở cùng ai. Chuyện ấy, chợt nghĩ thôi, mặt Noan đã rần rần khó chịu. Ấy là đã mấy lần bầu ngực của Noan cứ cương cứng lên, hai đầu vú tề đại đi khi nó cứ thấy lấy cạ quệt trên người Nir do phải chồm qua để xoa bóp mật gấu. Sao lạ nhỉ? Ngày xưa, khi chơi đùa tắm táp cùng Nir, khi cười trên lưng và ôm thật chặt để Nir công qua vuốt, khi hai đứa rủ nhau cùng tè... Noan cũng có thấy gì đâu? Noan cười một mình và bóp nhẹ tay Nir trong tay mình vụng trộm.

Đang còn nắm tay Nir, Noan bỗng giật mình: Phải về thôi. Nàng vội xuống thang nhóm lại bếp lửa dưới sàn để đêm về Nir nằm thêm ấm. Nàng còn ủ thêm nhiều vỏ trái bơ bơ để xoa bớt muỗi. Khói đã toả đều, nàng vọt đi.

Hàng ngày, ra thăm Nir, không chỉ có mình Noan. Nhà nào cũng có người mang cho Nir những thứ cần thiết nhất. Ai đến đó cũng vội vàng len lét. Cũng phải thôi. Từ lâu, mọi nhà đều biết thái độ xử sự của Potaio đối với Nir như thế nào nên họ sợ. Nhưng mới tính rõ rồi đó: Công của Nir đem một mình xả thân giết được cộp dữ bảo vệ dân làng. Trước sự quả cảm của Nir, không ít người cũng biết soi vào đó để tự chỉnh sửa mình. Không ít người cũng biết tự trách đã đôi lần cư xử chưa tốt với Nir trong những ngày qua. Cũng không ít người phải nhờ chứng kiến sự việc tươi rói này mới tưới tắm cho bao kỷ ức đã cần trợ được sống lại. Càng không ít người rầu rĩ xót thương cho thân phận lở loét bèo bọt của Nir suốt bao tháng rộng năm dài trong cái rọ chẹn hom nhọt sắc của Potaio. Nhưng thân phận thấp hèn đó đã làm được việc cao thượng. Ai cũng náo nức vui mừng không chỉ vì nhờ có Nir đã thoát khỏi tai ương cộp dữ, họ còn háo hức đợi chờ một ân huệ hào phóng của Potaio dành cho kẻ đã làm được việc cao thượng kia. Giữa lúc nên hân hoan chào đón người lập được công hiển hách, giữa lúc cần phải ưu ái vỗ về một chiến binh quả cảm đang đầy mình thương tích, giữa lúc nổi háo hức đợi chờ kia có cơ may thành

hiện thực nhất, người ta lại thấy mấy người xám xịt nằm góc da thú khiêng Nir từ nhà Potaio ra và... đi về phía rừng xa hun hút?! Những ánh mắt dõi trông tất lịm giống mọi sự vẫn âm thầm như cũ. Đến thăm Nir, có người vô tình bắt gặp Noan đang ở đó, chợt bất ngờ, chợt tím tái mặt, rồi vỡ òa rạn rở vì vui. Họ quay về làng với bước thấp bước cao bởi niềm vui không được cười thành tiếng.

Potaio vốn nổi tiếng khắp làng, khắp vùng, khắp cả dòng tộc bởi tính nóng nảy. Noan không thể tận mắt thấy những chuyện đó, chỉ nghe qua người già kể lại. Nhưng Noan từng thấy rõ chuyện mình. Đó là những trận đòn bằng roi ngựa của cha, để hàng chục mùa rầy qua rồi, Nir vẫn còn đau. Để mỗi lần chỉ tình cờ thấy Noan là Nir đã sợ. Ngay cả bây giờ, phải nằm một mình giữa rừng với vô số vết thương không biết có chịu lành cho không, được Noan chăm sóc cận kề, Nir vẫn như có mắt phải nhìn chứ tuyệt nhiên không nói. Noan khổ quá. Noan oan ức quá. Phải chi Nir cứ vật vã đau đớn, cứ chìm trong cơn mê để một ngày còn có đám bạn Noan được nghe thấy tiếng Nir. Không. ác quá. Như vậy thành người ác mất. Yang! Yang ơi, con phải làm sao bây giờ?

Mấy ngày qua, để có thể vào rừng chăm sóc cho Nir, Noan đã vin đủ có hoặc trốn chui trốn nhủi mới ra được khỏi nhà. Vậy mà cũng đến lúc Noan phát hiện có người bám theo mình và không chỉ một lần, tất nhiên là theo lệnh của cha. Họ về bám báo ra sao, Noan không rõ. Cha vẫn tình bơ im lìm với vẻ như chưa biết gì. Noan vừa mừng vừa lo - không biết còn mừng được bao lâu nữa(?).

Trước mắt Noan, trời mỗi lúc một đen hơn. Noan vừa đi vừa chạy. Đêm tối, vấp vấp, gai cào... mặc. May quá, đã thấy thấp thoáng ánh lửa, đã nghe tiếng chó sủa và tiếng chày giã gạo từ làng rồi.

"Ơ...?" Noan đâm sầm vào ai đó. Noan chưa kịp la lên, người đó đã giữ chắc hai bờ vai Noan, gần giọng: "Con đi đâu về?" "Trời ơi. Cha!" Con giắt mình của Noan chỉ đến đó, rồi tan biến, nhường chỗ cho nỗi lo sợ lớn dần. Noan từ từ ngẩng lên. Đứng sau cha là gần

chục bóng người khác với giáo mác xanh lét hắt ánh lửa từ làng. "Con... Con..." Noan không biết phải nói như thế nào. Một tay vẫn giữ chắc bờ vai con, cha Noan đột ngột quay ngoắt: "Về!"

Suốt một đêm không ngủ. Mờ sáng, vừa đẩy cửa ra khỏi chỗ nằm, Noan đứng sững: Chết đứng rã rượi trước cửa buồng Noan là tấm đắp, là nệm da thú, là những vật dụng thiết yếu nàng đã mang cho Nir dùng. Noan ôm mặt, sụm xuống. Nhưng, không lâu. Nàng đứng phắt dậy rồi đạp lên đồng đồ ngổn ngang đó, chạy ra. Tiếng ván sàn rung giập dưới chân Noan xầm xập.

Nàng chẳng nhìn thấy ai, chẳng vấp vấp vào đâu và chẳng sợ bất cứ điều gì, chỉ chạy. Chim cất bắt mỗi cũng không thể nhanh hơn thế. Hoa Pơlang đỏ thắm cũng nhạt thêch trước những vết máu đang tứa đang vẽ trên da thịt nóng hừng nguyên khi nơi ngực nơi đùi tờ noãn kia.

Không tin ở mắt mình, Noan như bị vấp và đứng sững không khác tượng nhà mồ trước đồng tro tàn chỉ còn loe ngoe vài sợi khói. Có phải chời Nir ở chỗ này không? Lòng dạ chân tay Noan rối tung như đầu người mất trí. Mắt cũng điên đảo quơ quất soi mói nhìn quanh. Cây cột ấy... Đây rồi. Noan đã quen với nó được mấy ngày. Đúng rồi. Cây cột ấy vẫn còn găm đầy mũi tên và vết lao nham nhở... đang lơ lửng đứng đấy. Nàng lao đến như muốn ôm lấy cây cột ấy. Và rồi người chết lặng bên vật dùng làm đích để tập luyện hàng ngày của Nir.

Yang ơi! Nir đâu? Ai đã đốt chời của Nir? Sao phải đốt đi thế này? Cha? Đêm qua... chỉ có Cha. Cha mang Nir đi đâu? Trả Nir cho con? Yang ơi? Nir ở? Nir...

Rừng rộng mệnh mông, núi cao thung sâu nhiều vô kể, tiếng gào khóc thảm nào của Noan... thả vào cõi vô cùng.

&

Có thể Noan không biết.

Nhưng khi mọi người đều biết và chẳng lẽ Noan bị nặng tai?!

Hơn thế, lại có bao mùa rầy bao con trăng dẫn lối tới mạch nguồn: Nir là giọt máu cuối cùng của Potaio một dòng tộc thù địch. Tộc người ấy từng xâm chiếm chém giết cướp đoạt núi rừng sông suối này. Không biết bao nhiêu người, kể cả Ông bà Nội của Noan cũng bị chúng giết...

Noan biết. Vậy mà... Không nhớ đã qua bao nhiêu con trăng. Cũng có thể phải đến mấy mùa rầy sau, giữa bạt ngàn hầm hấp tro than của Rừng thiêng đã bị thiếu rụi theo lệnh của Potaio, người ta tìm thấy hai thân xác đã bị lửa đốt cháy đến đen nhem quắt queo- Rừng thiêng đã cháy suốt bảy ngày bảy đêm mà- nhưng tay vẫn níu riết lấy tay, chân vẫn đan bện với chân, thân vẫn quện chặt vào thân, miệng và lưỡi đã xoắn siết lấy nhau... đến không thể nào gỡ ra tách riêng được.

Đúng. Không thể nào gỡ ra tách riêng được.

Mới có chuyện chưa thấy từ thuở hồng hoang: Chỉ một phần mộ, chỉ một nhà mà được lập riêng cho cả hai người một gái một trai một Noan một Nir.

Noan biết. Nhưng chuyện đó vẫn cứ xảy ra... thả vào cõi vô cùng.

Và sự ưu ái của cả lũ làng cũng thế. ■

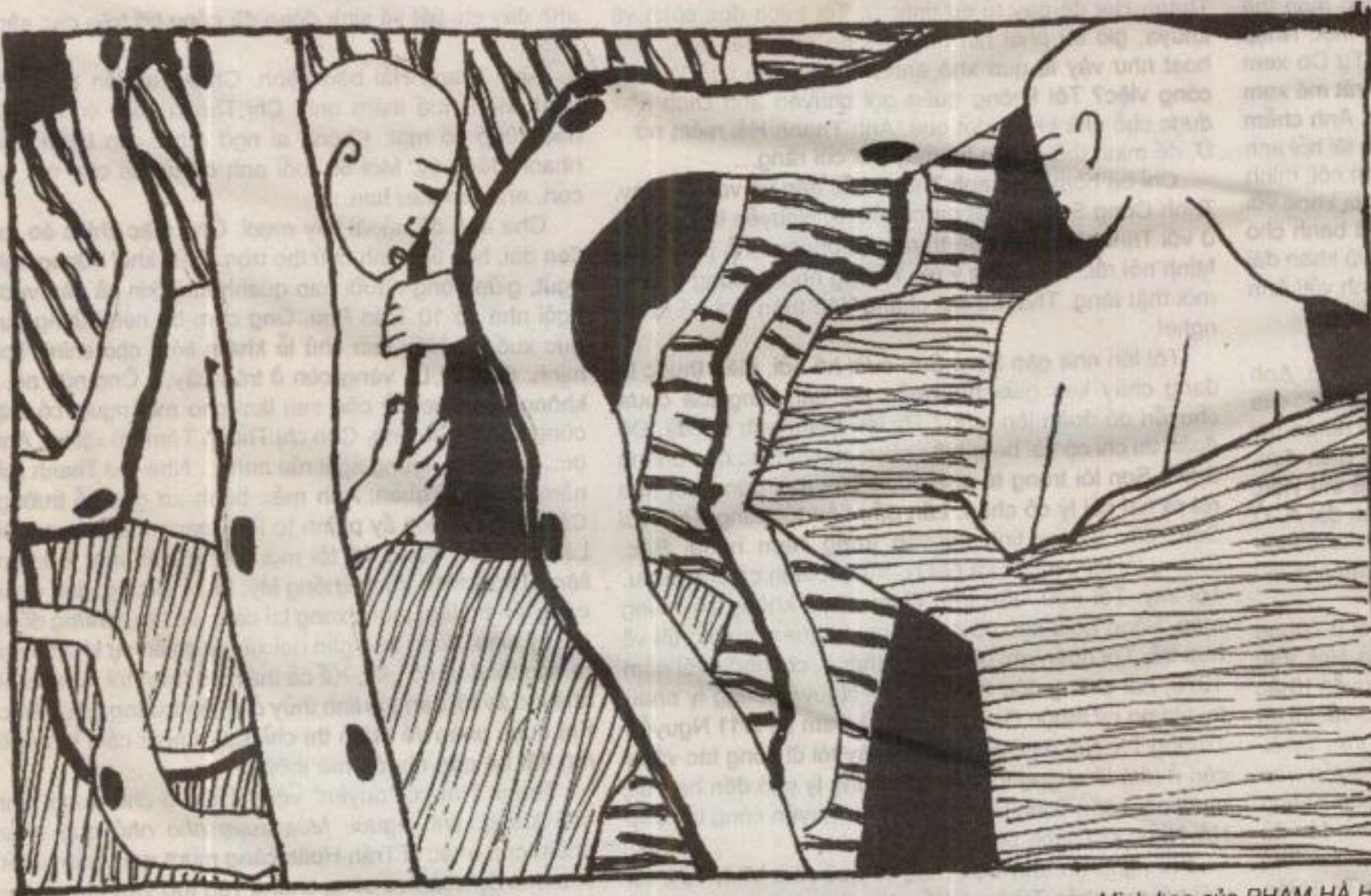
Đầu Mười Hai Lẻ Mười.

N. T. N.

Potaio: Vua, Tộc trưởng

Nếp áo già: Nếp than, nếp cẩm
Rừng thiêng: Nơi bất khả xâm hại của mỗi làng, nơi hành lễ của các Thầy pháp và già làng.

Minh họa của PHẠM HÀ HẢI



TỪ “MỒ ANH HOA NỞ” ĐẾN “MÙA XUÂN NHỎ NHỎ”

(Nhân đọc “Tuyển tập Thanh Hải” - Nxb Thuận Hoá, 2010)

NGUYỄN KHẮC PHÊ

NHÂN kỷ niệm 30 năm ngày mất nhà thơ Thanh Hải (15/12/1980 - 15/12/2010) và 80 năm sinh của nhà thơ (1930-2010), được sự tài trợ của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế và Hội Nhà văn Việt Nam, Nxb Thuận Hoá cùng với Chi hội Nhà văn Việt Nam tại Huế vừa cho ấn hành “Tuyển tập Thanh Hải”. Đây là tuyển tập đầy đủ nhất của nhà thơ Thanh Hải (TH), gần như là một “Toàn tập”, bao gồm toàn bộ tác phẩm chủ yếu của TH, từ thơ, trường ca, kịch thơ, văn xuôi. Cuốn sách dày gần 700 trang, in bìa cứng trang trọng này còn tập hợp khá đầy đủ những bài nghiên cứu phê bình thơ TH của nhiều tác giả, từ Hoài Thanh, Vũ Quần Phương... đến Phạm Phú Phong, Hoàng Vũ Thuật, Ngô Minh, Lê Khánh Mai, Hồ Thế Hà... và những kỷ niệm sâu đậm với TH của các bạn văn, các đồng đội cũ ở chiến trường Thừa Thiên Huế một thời gian khó như Nguyễn Quang Hà, Tô Nhuận Vĩ, Nguyễn Khoa Điềm, Võ Quê, Trần Nguyên Văn... Một số trang nhật ký của TH và thư của TH gửi chị Thanh Tâm (vợ nhà thơ TH), thư của các bạn thơ Giang Nam, Ngô Văn Phú gửi TH cùng nhiều ảnh tư liệu quý - trong đó đặc biệt có chùm ảnh ghi lại những cuộc gặp gỡ giữa TH với các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước khi TH (trong Đoàn đại biểu Mặt trận DTGP miền Nam) ra thăm miền Bắc - lần đầu được công bố trong cuốn sách này.

Với nhiều tác phẩm đã xuất bản như “Những đồng chí trung kiên”, “Dấu vồng



Trường Sơn”, “Huế mùa xuân”... và những trọng trách mà TH đảm nhiệm - TH từng là Tổng Thư ký Hội Văn nghệ Bình Trị Thiên, Ủy viên BCH Hội Nhà văn Việt Nam, Ủy viên Thường vụ Hội Liên hiệp VHNT Việt Nam, Ủy viên Thường vụ Hội Văn nghệ Giải phóng... vị trí của TH trong phong trào văn học cách mạng Việt Nam đã được khẳng định, như nhạc sĩ Trần Hoàn đã viết trong điệu văn tiến đưa TH vào một ngày mưa tròn 30 năm trước: “...Chỉ bằng thơ của anh, anh đã hoạt động suốt đời không phải chỉ cho quê hương Trị Thiên mà cho cả miền Nam; đã

đóng góp tích cực vào sức mạnh của miền Nam tấn công và nổi dậy; anh đã cống hiến xứng đáng vào tình cảm ruột thịt sâu thẳm giữa miền Nam-miền Bắc, thuở ấy đất nước còn xa cách hai miền...”

So với các nhà thơ cùng thời, TH viết ít hơn vì thường xuyên sống giữa vòng vây quân thù ở một chiến trường vào loại ác liệt nhất, đến giấy bút và cả muối ăn đều thiếu, 5 năm được sống trong hoà bình thì lại bị mắ m bệnh hiểm nghèo đe dọa, nên nhiều nhà phê bình và công chúng rộng rãi khi nói đến TH, thường chỉ nhắc đến 2 bài thơ “Mồ anh hoa nở”, “Mùa xuân nho nhỏ” và câu thơ tiêu biểu thể hiện tình cảnh đất nước chia cắt đau đớn suốt 20 năm trước đây: “Xa nhau chỉ một mai chèo / Mà đi trăm núi ngàn đèo đến đây.” Không phải nhà thơ nào cũng có tác phẩm được người đời nhớ đến, được in sâu vào tâm trí bạn đọc nhiều thế hệ như TH.

Tuy vậy, qua Tuyển tập TH vừa xuất bản, chúng ta nhận ra thơ và cuộc đời TH còn không ít những giá trị chưa phải ai cũng biết. Ví như bài thơ “Xác người lính Mỹ giữa rừng Việt Nam”, TH viết: “... Mẹ anh những ngày qua/ Vẫn ngồi cầu tượng Chúa/ - Ma-ri-a lay Mẹ/ Cho con tôi trở về/ Rừng Việt Nam vào hè/ Lá vàng bay xao xác / Người lính Mỹ ôm đất/ Có nghe tiếng kinh cầu?... / ... Người lính Mỹ giữa rừng / Mắt không còn mở nữa/ Tôi muốn hỏi bao lâu/ Trai Mỹ mắt còn xanh/ Còn thấy rõ trời trong/ Còn nhìn ra chân lý...”

TH viết bài thơ khoảng năm 1967. Hơn bốn thập kỷ đã qua, nhưng những năm qua, bi kịch ấy vẫn tái diễn, biết bao chàng trai “mắt còn xanh” vẫn tiếp tục phải “phơi thây” trên những miền đất xa lạ, khi “Vợ anh vẫn dạo phố / Và con anh nhỏ nhỏ / Vẫn viết thư cho cha...”

Xin dẫn một bài khác (“Con thuyền lênh đênh”) TH viết năm 1979, thời kỳ có rất nhiều số phận, cả ở miền Nam lẫn miền Bắc, phải trôi dạt vì những biến động, hoàn cảnh trở trêu của thời cuộc: “...Ôi con thuyền lênh đênh / Quên rồi mùa toác rơm / Quên rồi bông sen trắng / Quên rồi khi trăng lặn / Quên rồi con cá chuồn / Quên rồi những con đường / Tết nào về quê ngoại... / ...Ôi con thuyền lênh đênh / Sóng dối ngoài mặt biển / Đi về đâu, về đâu / Có nghe lời của bến... / ... Bến đợi thuyền dừng quên / Miền quê mình nhân hậu / Ôi con thuyền lênh đênh.”

Như vậy, thơ TH ngoài những giá trị hiển nhiên là “muốn thơ chuyển tải cả sự kiện, những sự kiện điển hình xúc động, tiêu biểu cho lòng quả cảm của miền Nam chiến đấu” như nhà thơ Vũ Quần Phương nhận xét, còn một dòng thơ đậm chất nhân văn, chan chứa tình cảm của một hồn thơ bình dị mà vẫn sâu sắc.

Những trang nhật ký, thư từ của TH gửi cho chị Thanh Tâm cùng những kỷ niệm bạn bè được chọn in trong tuyển tập vừa xuất bản cũng đã góp phần hoàn thiện bức chân dung một nhà thơ, một người đồng chí, một người chồng nhân hậu, thủy chung. Chính là với nhân cách đẹp đẽ ấy, TH tuy đã “đi xa” tròn 30 chục năm nhưng vẫn “sống” trong lòng bạn bè đồng nghiệp, bà con nội ngoại xa gần. Và ở đâu đó, trên *miền đất Núi Ngự* sống Hương mà nhà thơ đã yêu thương, gần bó trọn đời, trong những tháng ngày này, chúng ta tin là TH đã nghe được tiếng gọi tha thiết của chị Thanh Tâm: “...Anh ơi, một mùa xuân nhỏ gia đình chờ đợi / Một giọng ca Nam Bình em xin trao gửi / Với tất cả tình riêng em luôn đợi anh về...” ■

KỶ NIỆM NHỎ - TÌNH NGƯỜI LỚN

VĨNH NGUYỄN

THUỐC học trò, tôi ham chơi đá banh nên môn thể thao này đối với tôi đến giờ vẫn là số một. Nhập tỉnh Bình Trị Thiên 1976, tôi vào sân Tự Do xem trận banh đầu tiên. Nhà thơ Thanh Hải cũng rất mê xem đá banh. Không trận cầu nào vắng mặt anh. Anh chễm chệ ngồi ghế hạng sang khán đài A. Một hôm tôi hỏi anh làm sao mua được vé óch thế? - Đầu đó, anh nói, mình xin được thẻ vào coi thường xuyên. Và anh đưa khoe với tôi cái thẻ. Tôi nói: hồi ở bộ đội tôi có chơi đá banh cho nên bây giờ rất ham. Nhưng miễn chi có tiền vào khán đài A. Anh có cách chi kiếm cho tôi cái thẻ như anh với! Anh cười không nói gì.

Bằng đi một thời gian.

Lại sắp có trận giao đấu giữa Huế - Đà Nẵng. Anh Thanh Hải tươi cười thủng thẳng đi đến bàn làm việc của tôi đưa tôi cái thẻ xem bóng đá mang tên tôi (khán đài A). Ôi quý hóa quá! Cái thẻ bằng giấy cứng giản đơn, nhỏ hơn thẻ chứng minh thư, nó chỉ bằng thẻ thư viện. Từ đó, tôi thư thái chia cái thẻ vào cổng khán đài A. Ở đó còn có mấy gương mặt văn nghệ nữa. Họ nhanh thật. Minh là vé vớt. Anh Thanh Hải kiếm cho. Tôi vẫn còn giữ cái thẻ ấy cho đến tận bây giờ.

Hồi mới vào Huế tôi chưa có gia đình. Tôi ở chung cùng tầng hầm với nhiều “chàng” tại trụ sở Hội Văn nghệ 26 Lê Lợi. Nhưng khi vợ và con anh Nguyễn Khắc Phê từ ngoài chuyển vào giam tằm chắn ri-đô vài thì tôi phải lang thang đi ở nhờ. Nhà thơ Nguyễn Văn Đình, người cùng Hội Văn nghệ Quảng Bình cũ chuyển vào làm việc tại báo Bình Trị Thiên. Anh Đình ở căn phòng nhỏ xíu của nhà khách số 2 Lê Lợi. Nhỏ xíu mà đầy đủ tiện nghi, tôi thích lắm.

Tôi đi gặp Tổng thư ký Hội Văn nghệ Bình Trị Thiên

Thanh Hải để bày tỏ sự tình: ... Tôi thích đọc sách về khuya, giờ thì phải nín nhịn không dám bật đèn, sinh hoạt như vậy là quá khó anh nờ, làm sao còn làm tốt công việc? Tôi không quên gợi chuyện anh Đình nhờ được chỗ nhà khách tốt quá. Anh Thanh Hải niếm nở: - Ừ, để mình thử đi liên hệ mấy nơi coi rành...

Chỉ ba hôm sau, anh Thanh Hải đến vỗ vai tôi: Này, Trịnh Công Sơn có cái garconniere, Nguyễn lên đó mà ở với Trịnh. Nó đang để thừa một phòng nhỏ phía sau. Minh nói rồi. Sơn đồng ý rồi. Không những đồng ý, Sơn mời thật lòng. Thôi thì hai chàng độc thân tha hồ tự do nghe!

Tôi lên nhà gặp Sơn. Sơn cười hồ hởi, điều thuốc lá đang cháy kẹp giữa hai ngón tay dài: rằng *toa* chưa chuyển đồ đoàn lên luôn? Thì lên thăm anh cái đã. Đồ đoàn thì chỉ có vài ba quyển sách chuyển lúc nào chẳng được. Sơn lôi trong tủ chai rượu Tây mới dùng hết nửa rót ra hai cái ly có chân. Lần đầu tiên tôi uống rượu với Sơn, đặc ý tâm tình chuyện trong Nam ngoài Bắc. Chúng tôi lại cụng ly và hết ly. Và dứt luôn cả chai rượu. Tôi say. Tôi ngủ luôn trên chiếu rượu không có mừng màn. Sáng hôm sau có cuộc họp cơ quan, chúng tôi về họp trễ. Tôi quên ghi giờ, ngày, tháng, chỉ nhớ cuối năm 1976, hai chàng độc thân Trịnh - Nguyễn cụng ly nhau tại chung cư thuộc Giáo phận Phú Cam số 9/11 Nguyễn Trường Tộ. Nơi đây, trừ những ngày tôi đi công tác vắng còn ở nhà là chúng tôi đều cụng ly cho đến hơn ba mươi năm sau Trịnh Công Sơn mới chuyển công tác vào Hội Nhạc sĩ Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi nghe tin anh Sơn mất, từ quê nhà Vĩnh Tuy, tôi viết bài thơ khóc Trịnh và tiếp đến là hai thiên bút ký về

anh đầy chi tiết và sinh động đã công bố trên các sách báo.

Anh Thanh Hải bạo bệnh. Chúng tôi lên tầng bốn bệnh viện Huế thăm anh. Chị Thanh Tâm vợ anh lúc nào cũng có mặt. Không ai ngờ được cơn bệnh phát nhanh đến vậy. Mới 50 tuổi anh đã từ già cha mẹ, vợ con, anh em bầu bạn.

Cha anh đã ngoài bảy mươi. Ông mặc chiếc áo the đen dài, họa tiết hình chữ thập tròn. Giữa khói hương nghi ngút, giữa vòng người bao quanh chật kín cả sân vườn ngôi nhà số 10 Trần Phú. Ông cầm ba nén hương quý gục xuống chiếu làm chủ lễ khâm liệm cho chính con mình: Con ơi! Lá vàng còn ở trên cây... Ông nức nở... không còn đọc nổi câu sau làm cho mọi người có mặt cùng khóc theo ông. Còn chị Thanh Tâm thì xót xa: Anh ơi... rằng mà ngẩng ngời rứa anh!... Nhà thơ Thanh Hải nằm trong cổ quan. Anh mắc bệnh xơ gan cổ trướng. Cái bụng anh khi ấy phình to lên ngang thành quan tài. Lần đầu tiên trong đời tôi mới chứng kiến một lễ khâm liệm. Thời chiến tranh chống Mỹ, tôi bị thương, dân quân cáng lên bờ làm thuốc xông lại cáng về tàu. Những đồng đội hy sinh, đồng bào gần nơi xảy ra chiến sự khâm liệm ra sao tôi đâu có biết. Kể cả thấy, vù (mẹ) tôi mất ở quê nhà lúc ấy tôi đang là lính thủy ở chiến trường Đồng Bắc. Khi được phép về thăm thì chỉ ngậm ngùi cầm lên ngôi mộ đất ba que nhang mà thôi!

Thanh Hải có “duyên” với thể thơ 5 chữ được tình quê kiểng, tình người. *Mùa xuân nho nhỏ* qua nhạc phẩm của nhạc sĩ Trần Hoàn càng mượt mà, thấm thiết, cho mỗi độ xuân về công chúng yêu thơ yêu nhạc càng thêm nhớ thương anh... ■



Thanh Hải (1930-1980). Họ và tên khai sinh: Phạm Bá Ngươn. Sinh ngày 4 tháng 11 năm 1930. Quê quán: Hương Điền, Thừa Thiên Huế. Đảng viên Đảng CSVN. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam 1978. Mất ngày 15 tháng 12 năm 1980. Những năm kháng chiến chống Pháp nhà thơ Thanh Hải làm công tác văn nghệ ở địa phương (đoàn văn công tỉnh). Trong chiến tranh chống Mỹ, tiếp tục làm công tác văn hóa tuyên huấn ở chiến khu. Sau 1975: Là Tổng thư ký Hội Văn nghệ Bình - Trị - Thiên, từng là Ủy viên thường vụ Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam.

Tác phẩm chính đã xuất bản: Gồm các tập thơ *Những đồng chí trung kiên* (1962); *Huế mùa xuân* (tập 1 - 1970, tập 2 - 1975); *Đấu võng Trường Sơn* (1977); *Mưa xuân đất này* (1982); *Thanh Hải thơ tuyển* (1982).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật, đợt I, năm 2001.



THANH HẢI - CHƠN CHẤT MỘT HỒN THƠ KHÁNG CHIẾN

VÕ QUÊ

NHỮNG năm 70, khi còn là một sinh viên trong phong trào yêu nước đấu tranh của đô thị miền Nam, từ thành phố Huế, mặc dù bị chính quyền Sài Gòn kiểm soát nghiêm ngặt nhưng tôi cũng đã may mắn có nhiều cơ hội tiếp cận với văn học miền Bắc, vùng giải phóng qua những nguồn sách báo được bí mật gửi về từ chiến khu Thừa Thiên Huế. Làn sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh Giải phóng cũng là hai kênh thông tin cho tôi được hiểu biết, gần gũi hơn với những tên tuổi các nhà thơ, nhà văn "Trường Sơn" và ở bên kia dòng sông Bến Hải. Một trong những nhà thơ tài hoa "Trường Sơn" mà tôi mến mộ, yêu quý từ những tháng ngày này là nhà thơ Thanh Hải.

Tháng 9 năm 1973, sau một năm bị tù ở Côn Đảo, tôi được Thành ủy Huế đưa lên chiến khu một thời gian ngắn rồi ra Hà Nội. Chính nhờ chuyến đi này mà tôi có dịp gặp gỡ nhà thơ Thanh Hải tại Khu ủy Trị Thiên cũng như được tiếp xúc trò chuyện với nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, gặp lại nhà thơ Trần Phú Nhạc trước đó tại mật khu Thành ủy Huế mấy ngày. Thời gian đầu ngắn ngủi ở Trường Sơn tôi luôn có cảm giác phấn chấn, lâng lâng... Có lẽ do đã trải qua những ngày tù ngục gian khổ, khắc nghiệt, mất tự do ở hải đảo xa xôi nên khi được sống trong một không gian xanh của núi rừng hùng vĩ bên cạnh những người kháng chiến đầy hào khí cách mạng nên tôi có được trạng thái tinh cảm ấy. Khi nghe có các anh Trần Hoàn, Thanh Hải, Tô Nhuận Vỹ... đang có mặt tại Khu ủy Trị Thiên tôi vô cùng mừng rỡ. Với nhạc sĩ Trần Hoàn thì trong những năm 70, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ yêu nước ở đô thị miền Nam đang trở nên cao trào, từ vùng địch tạm chiếm, tôi cũng như tuổi trẻ học đường Huế đã vô cùng xúc động khi nghe trên làn sóng Đài Phát thanh Giải Phóng phát bài hát *Lời ru trên nường*, phổ từ bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm. Hình ảnh em bé Akay qua giai điệu mượt mà, sâu lắng, rất tâm cảm đã gọi lên trong tuổi trẻ Huế tình yêu núi rừng đang đau thương, quặn quại dưới làn bom đạn Mỹ. Và bài hát *Em thương người trong Huế* đấu tranh của nhạc sĩ Trần Hoàn với bút danh Hồ Thuận An. "*Mưa lâm thâm ướt đầm lá khế, em thương người trong Huế* đấu tranh..." với sự đồng cảm của anh dành cho phong trào đấu tranh chống Mỹ của sinh viên học sinh Huế đã rất kịp thời, hiệu quả. Những bài hát của nhạc sĩ Trần Hoàn trong giai đoạn này đã góp phần tiếp lửa cho những cuộc xuống đường đốt xe Mỹ trên đường phố Huế của đồng bào, thanh niên, sinh viên học sinh Huế. Với nhà văn Tô Nhuận Vỹ thì tôi đã rất quen tên anh bởi tôi cũng đã từng cầm trực tiếp trên tay các tập *Em bé sông Hương*, *Em bé làng chài* và thích thú đọc những truyện ngắn của anh để rồi sau này tôi cứ nhớ hoài một nhân vật thiếu niên có tên Phóng Tọa. Thế là, tôi hào hứng và chờ đợi một cuộc hội ngộ kỳ thú sẽ được diễn ra nơi chiến khu xanh thắm với các tên tuổi mà mình chỉ mới "văn kỳ thanh" mà chưa "kiến kỳ hình".

Vào khoảng 4 giờ chiều hôm ấy, nhà thơ Thanh Hải chỉ xuất hiện một mình bởi nhạc sĩ Trần Hoàn và nhà văn Tô Nhuận Vỹ đều có việc đột xuất nên tôi không có dịp diện kiến hai anh ấy. Một thoáng tôi buồn. Lòng như chùng xuống. Nhưng tôi kịp thấy lại niềm vui bởi tôi còn được đón tiếp nhà thơ Thanh Hải bằng xương bằng thịt. Trước mắt tôi là một Thanh Hải người tầm vóc nhỏ nhắn, đôi mắt sáng và nụ cười phúc hậu trên gương mặt hiền lành. Tôi không ngờ đằng sau nét đằm thắm, chơn chất ấy lại tiềm ẩn, chất chứa một nguồn thơ kháng chiến chống ngoại xâm, yêu nước nồng nàn, ngời ngời sắc lửa và máu. Cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa nhà thơ Thanh Hải và tôi diễn ra nhẹ nhàng, dễ thương, không sôi nổi, sinh động như tôi đã hình dung trước đó. Đầu tiên, anh trao cho tôi món quà của anh Trần Hoàn gửi tặng là hai cân đường trắng, hai hộp sữa, một hộp dao lam. Tôi biết món quà này thật vô cùng quý giá trong bối cảnh khó khăn của chiến trường lửa đạn, thiếu thốn đủ mọi thứ.

Nhà thơ Thanh Hải sau khi hỏi thăm tôi về tình hình thời sự, về chuyện bà con, chuyện phong trào đấu tranh đòi thống nhất hòa bình, đòi Mỹ rút quân, đòi quyền dân sinh dân chủ... của đồng bào, thanh niên, sinh viên học sinh dưới Huế đã cho tôi biết về cuộc sống của Trường Sơn kháng chiến, của những lần cán bộ tuyên huấn xuống công tác vùng đồng bằng; về những cảm xúc lắng sâu mỗi khi anh cùng các chiến hữu hoạt động bí mật trong dân; về công việc lặng thầm sáng tác... Giọng anh nhỏ nhẹ, chậm rãi, khúc chiết. Qua câu chuyện kể của anh tôi đã mừng tượng được sự khốc liệt, gian khổ, "truyền chuyên của chính bản thân anh cùng biết bao cán bộ, chiến sĩ, đồng bào dân tộc ít người ở Trường Sơn dưới làn bom đạn của kẻ thù. Ngồi lán mà tôi và anh Thanh Hải gặp nhau được cát bên cạnh một dòng suối lớn. Tiếng suối chảy róc rách, bỗng trầm; làn nước suối trong xanh xuyên qua những viên đá tảng tạo cho tôi - người vừa lên với núi ngàn - một cảm giác thú vị, lâng mạn. Tôi tự nghĩ thế nào đêm nay mình cũng sẽ có thêm một "đêm không ngủ" với nhà thơ Thanh Hải và tha hồ mà hàn huyên. Nhưng thật bất ngờ đối với tôi khi đúng 6 giờ chiều hôm ấy, nhà thơ Thanh Hải đứng lên chào: "Thôi, mình về đây! 6 giờ rồi, mình phải ngủ sớm. Mai lên đường ra Bắc mạnh khỏe nghe!". Tôi ngỡ ngàng, hụt hẫng, lúng túng một lúc rồi nói: "Em chúc anh ở lại bình yên! Em mong sẽ được gặp lại anh trong một ngày gần nhất". Nhìn nhà thơ Thanh Hải rời khỏi lán, lòng tôi không khỏi bồi ngùi. Tôi chợt nhận ra một điều, đúng là anh cần phải giữ gìn sức khỏe. Giấc ngủ đến sớm, điều độ là một sự cần thiết, dài lâu cho những người kháng chiến trường kỳ gian khổ như anh.

Tháng 3 năm 1975, thành phố Huế được giải phóng. Từ thời điểm này trở đi mái nhà chung là Hội Văn nghệ Thừa Thiên Huế rồi Hội Văn nghệ Bình Trị Thiên, 26 Lê Lợi Huế đã lần lượt tiếp nhận văn nghệ sĩ từ bốn nguồn: văn nghệ sĩ tại thành phố Huế, văn nghệ sĩ ở Trường Sơn, văn nghệ sĩ tập kết ra miền

Bắc trở về, văn nghệ sĩ sinh trưởng tại miền Bắc về với cố đô. Không khí thống nhất, đoàn kết, thương yêu thật sinh động rõ nét nơi này. Đầu năm 1976, theo sự điều động của tổ chức, tôi được rời Ban Tuyên huấn Thành ủy Huế để về công tác tại Hội Văn Nghệ Thừa Thiên Huế do nhà thơ Thanh Hải làm Tổng thư ký. Duyên văn nghệ đã cho tôi gần gũi, gần bó hơn với nhà thơ Thanh Hải. Được làm việc bên cạnh nhà thơ Thanh Hải tôi càng hiểu và thần phục nhân cách lớn của anh. Nhà thơ Thanh Hải không có một toan tính chỉ cho riêng mình trong cuộc sống. Cùng lúc với công tác quản lý, tập hợp văn nghệ sĩ chung sức chung lòng xây dựng phong trào văn học nghệ thuật tỉnh nhà ngày một lớn mạnh, anh lặng lẽ sáng tác những bài thơ mới. Một trong những bài thơ được người yêu thơ trong cả nước đồng cảm là "Mùa xuân nho nhỏ". Khi nhạc sĩ Trần Hoàn phổ nhạc "Mùa xuân nho nhỏ" thì tác dụng, hiệu quả tốt đẹp của bài thơ này càng lan tỏa rộng lớn trong đời sống văn học nghệ thuật của cả nước.

Bước sang năm 1980, nhà thơ Thanh Hải bị bệnh hiểm nghèo. Đây cũng là hệ quả tất yếu của một con người đã trải qua những năm tháng trường kỳ gian khổ nơi rừng sâu, núi thẳm. Thỉnh thoảng vào bệnh viện thăm anh, chứng kiến cảnh anh quặn quại trong cơn đau đớn tột cùng có khi tôi không cầm được nước mắt. Tôi xoa đôi bàn tay lên bụng anh đang căng phồng mà xót xa, thương cảm. Thương nhà thơ Thanh Hải với cơn bệnh nan y, thương chị Thanh Tâm và các con trai đang trong một hoàn cảnh ngặt nghèo.

Trên giường bệnh, dù cơn đau dày vò, hành hạ cơ thể mỗi ngày, nhưng nhà thơ Thanh Hải vẫn đã rất tinh tế khi hiểu được những nỗi nhọc nhằn của người vợ hiền là chị Thanh Tâm trong quá trình chăm sóc anh để viết nên những dòng thơ nồng nàn, sâu nặng về tình nghĩa vợ chồng:

*Khi anh nằm xuống đó
Giữa bát cơm em đơm
Giữa chén cháo em múc
Giữa bộn bề bếp núc
Em nâng cho anh nằm
Giữa những cơn khóc thẳm
Em quạt cho anh ngủ*

...

Năm 1983, khi tạp chí Sông Hương ra số đầu tiên, bài thơ trên của nhà thơ Thanh Hải đã được in trang trọng với lời tòa soạn: "*Đây là một trong những bài thơ của nhà thơ Thanh Hải trong những ngày cuối đời. Bài thơ này chúng tôi chép trong sổ tay của chị Thanh Tâm, vợ anh. Bài thơ không có dấu đề*". Khi tạp chí Sông Hương số 1 phát hành khắp thành phố Huế bằng hình thức dùng xe phát thanh lưu động, tôi đã rất xúc động khi đọc bài thơ ấy cho đồng bào bà con, bạn đọc Huế nghe. Và tôi hiểu, chính bài thơ giàu nghĩa tình vợ chồng của nhà thơ Thanh Hải đã góp một phần thành công trong việc phát hành tạp chí Sông Hương số ra mắt đầu tiên. ■

VĨNH BIỆT MỘT NGƯỜI HIỀN

TRẦN HỮU TÁ

NGÀY (16-12-2010), giữa lúc đang ăn cơm chiều, tôi liên tiếp nhận được mấy cuộc điện thoại và tin nhắn, nội dung là một: Giáo sư Trần Văn Giàu đã từ trần!

Miếng cơm trong miệng tôi tự nhiên đắng chát. Tôi bỏ dở bữa cơm dù chưa ăn hết chén đầu tiên. Buồn quá! Những học trò cũ của Thầy cũng như bất cứ ai biết và quý trọng Thầy đều hiểu ngày vĩnh biệt đây sẽ sớm đến, và đạt đến ngưỡng tròn 100 tuổi quả đã là đại đại thọ. Thế nhưng ai cũng muốn Thầy tiếp tục cuộc chiến chống lại Tư thần như Thầy đã vào cuộc một cách kiên cường gần 11 tháng nay. Bởi lẽ sự hiện diện của Thầy là ngọn cờ tinh thần lặng lẽ nhưng mãnh liệt, cổ vũ thế hệ hậu sinh sống sao cho trong sạch, thủy chung, dâng hiến hết mình cho lý tưởng cao đẹp mà mình đã chọn, mục tiêu tích cực mà mình muốn vươn tới.

Ước muốn là vô cùng, nhưng lẽ sinh tử lại khắc nghiệt. Và Thầy đã ra đi, nếu tôi không lầm thì lẽ ra sẽ là hoàn toàn thanh thản.

Nghĩ về người đã khuất, trước hết tôi tràn trề thiên chức. Người Thầy cao quý mà Thầy đã đảm nhiệm xuất sắc non 80 năm nay. Lúc mới hơn 20 tuổi, từ trường đại học Phương Đông (Liên Xô) về nước, Thầy nhanh chóng hòa vào dòng chảy sôi sục của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Bốn lần bị giam cầm, 12 năm ròng đã bị đày ải trong các ngục tù khét tiếng ác độc như Côn Đảo, Tà Lài; nhà cách mạng Trần Văn Giàu sớm nhận ra tầm quan trọng của việc nâng cao dân trí. Cùng với một số trí thức cách mạng khác, Thầy đã biến nhà tù thành trường học, đã giúp những người cùng lý tưởng với mình vốn xuất thân từ giai cấp áo nâu, áo xanh thoát khỏi mù chữ và có những hiểu biết sơ giản, tôi thiếu nhưng tưởng mình về chính trị. Rồi từ 1951 trở đi, vượt trên nghịch cảnh chuyển hẳn sang lĩnh vực giáo dục.

Ngẫm ra, cuộc sống luôn diễn ra cảnh "Tái Ông mất ngựa". Mất đấy, hóa ra lại được. Được đấy, chắc gì đó là may mắn, hạnh phúc. Nhiều chục năm qua, việc Thầy chuyển sang ngành giáo dục lại "rất hay". Thầy có niềm vui vì được góp phần đào tạo trí thức cao cấp cho một đất nước đang tự hậu về dân trí. Lớp lớp thế hệ trí thức khoa học xã hội bội phần sung sướng vì có được một người thầy tâm sáng, trí cao, thực sự mẫu mực về phương diện lối sống, phong cách sống.

Nghĩ về người đã khuất, tôi thành kính vọng tưởng đến một nhà khoa học suốt đời tận tâm tận lực sáng tạo những công trình có giá trị học thuật cao. Giáo sư Trần Văn Giàu trong 60 năm qua đã viết hơn 150 công trình nghiên cứu về triết học, lịch sử, tư tưởng, văn học.

Ngay lúc dạy trường Dự bị đại học (đặt ở Thanh Hóa và Nghệ An) thời kháng chiến chống Pháp, Thầy đã khởi thảo 3 công trình mang ý nghĩa tạo nền cho việc nghiên cứu triết học Macxit: *Biện chứng pháp*, *Vũ trụ quan*, *Duy vật lịch sử*. Ngay sau khi miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, 3 tập giáo trình in roneo bằng giấy thủ công kháng chiến ấy mới được bổ sung, chỉnh lý và in ấn chính qui.

Thầy cũng quan tâm đến lĩnh vực lịch sử tư tưởng của dân tộc. Không kể nhiều bài báo khoa học, Thầy cho công bố 2 công trình quan trọng: *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám* (1990) và *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam* (1993).

Trong cả 2 công trình này, Thầy đã có cái nhìn bao quát, giới thiệu và khẳng định những phẩm chất, đặc điểm tinh thần tốt đẹp của dân tộc ta suốt trong trường kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước.

Không đặt vấn đề chuyên sâu vào địa



Bí thư Thành ủy Tp. HCM trao huy hiệu 80 năm tuổi Đảng cho Giáo sư Trần Văn Giàu

hạt văn học, nhưng Thầy cũng đã có những đóng góp đáng quý qua một hệ thống bài viết giàu tính phát hiện về những tác gia đặc biệt và tác phẩm xuất sắc của văn học trung đại (Lý Thường Kiệt với *Nam quốc sơn hà*, Trần Quốc Tuấn với *Hịch tướng sĩ*, v.v...)

Tôi cũng không hiểu Thầy lấy đâu ra thời gian để theo dõi khá sát sao tình hình văn học của cả hai miền Nam Bắc, để rồi kịp thời có ý kiến về những tác phẩm đang được người đọc chú ý như *Bất khuất*, *Những ngày gian khổ*...

Với tinh thần "mắt xanh trí kỷ", Thầy đã có bài viết công phu sâu sắc về hai tập bút ký chính luận xuất bản ngay giữa Sài Gòn đầu những năm 70 của thế kỷ trước: *Cho cây rừng còn xanh lá* (của Nguyễn Ngọc Lan), *Bọt biển và sóng ngầm* của Lý Chánh Trung (Tập chí Văn học số 2, 1974). Sau này có dịp gặp linh mục Nguyễn Ngọc Lan, tôi biết ông tỏ ra rất tâm đắc với bài viết của nhà học giả Macxit Trần Văn Giàu.

Thầy dành rất nhiều thời gian cho lĩnh vực sử học và là nhà nghiên cứu hàng đầu về lịch sử cận hiện đại của dân tộc. Không kể những công trình Thầy tham gia với tư cách chủ biên, cần trân trọng nhắc tới ba bộ sách lớn - kết quả của nhiều năm làm việc hết sức cần mẫn: *Chống xâm lăng* (ba tập, 1956 - 1957), *Giải cấp công nhân Việt Nam* (bốn tập, 1961), *Miền Nam giữ vững thành đồng* (năm tập, 1964 - 1978).

Là học trò, chúng tôi cảm nhận sâu sắc động cơ cầm bút cao cả của Thầy. Viết về lĩnh vực nào, về đề tài gì, Thầy đều xác định

thế đứng vững vàng của một nhà yêu nước chân chính. Chúng tôi còn học Thầy ở tinh thần, thái độ lao động khoa học trung thực. Thầy chỉ viết sau khi tìm hiểu thấu đáo đối tượng nghiên cứu, tập hợp thấy đối đảo phong phú những tư liệu tham khảo cần thiết. Chính vì thế những trang viết của Thầy có sức cuốn hút đặc biệt.

Nghĩ về người đã khuất, tôi hiểu Thầy là một hình ảnh tiêu biểu cho những chiến sĩ cách mạng chân chính: kiên định lý tưởng vì dân vì nước, gian khổ không sờn lòng, hiểm nguy không nản chí. Tôi may mắn được Thầy cho đọc một số chương hồi ký về những ngày ở nhà tù Tà Lài giữa núi rừng âm u, mịt mù sương khói. Địa ngục nếu có thật, chắc cũng không thể ghê rợn hơn. Vậy mà Thầy vẫn giữ trọn phẩm tiết, tuyệt đối không để kẻ thù lung lạc. Chỉ cần một thoáng sơ ý của bọn giam ngục, Thầy đã cùng một số đồng chí vượt ngục, để rồi âm thầm bền bỉ gây dựng lại phong trào vừa bị địch khủng bố trắng. Tổ chức Đảng và các đoàn thể cách mạng được củng cố, kiên toàn, lớn mạnh hơn trước. Lịch sử trân trọng ghi nhận: nhân dân hơn hai mươi tỉnh thành Nam kỳ đã nhất tề đứng lên, phối hợp rất đẹp với hai miền Bắc và Trung của tổ quốc, tiến hành thành công cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Người lãnh đạo chủ chốt cuộc nổi dậy oanh liệt đó ở Nam bộ chính là Thầy - nhà cách mạng Trần Văn Giàu, với tư cách Bí thư Xứ ủy Nam kỳ. Sau đó, khi thực dân Pháp nổ súng gây hấn trở lại hòng chiếm nước ta một lần nữa, nhân dân lực lượng với vũ khí thô sơ trong tay, anh

đứng đứng lên chặn đứng bước tiến của quân thù. Những ngày đầu chống giặc hết sức sóng gió, tương quan lực lượng tuyệt đối chênh lệch có lợi cho thế lực ngoại xâm ấy, Thầy lại đứng mũi chịu sào với trọng trách Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam bộ.

Nghĩ về Thầy sau hơn nửa thế kỷ gần gũi, tìm hiểu, tôi mới ngộ ra một điều quan trọng: lớp lớp thế hệ học trò và biết bao đồng bào, đồng chí khâm phục Thầy về trình độ văn hóa uyên thâm, về những cống hiến đa dạng, lớn lao trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng cũng như trong khoa học. Thế nhưng chính nhân cách cao vời của Thầy mới khiến mọi người kính yêu, mến trọng. Từ con người Thầy, chữ TÂM chữ ĐỨC như luôn chói lọi, rõ ràng, cuốn hút, nhất là những lúc ngang trái, éo le.

Thầy có kể cho chúng tôi nghe một chuyện riêng tư. Trước khi sang Pháp du học, để cha mẹ yên tâm, 18 tuổi Thầy đã lập gia đình. Sống bên nhau không lâu, đôi vợ chồng trẻ ấy đã phải xa nhau. Ngày xuống tàu Thầy đã kiếm hai cuốn truyện thơ Lục Vân Tiên, một tặng vợ, một cho mình. Thật cảm động, 12 năm trời Thầy bị giam hãm trong ngục tù đế quốc và một khoảng thời gian dài tương đương như thế Thầy thoát li gia đình hoạt động bí mật, bà Đỗ Thị Đạo - vợ của Thầy - vẫn thủy chung chờ đợi. Và ngược lại, Thầy cũng thế. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Thầy có một thực sự được sống bên nhau, thăm nghĩa đậm tình cho đến lúc răng long đầu bạc.

Còn nhớ, có dịp đến thăm đại tướng Võ Nguyên Giáp đầu xuân năm 1994, tôi đã giật mình và suy nghĩ mãi về chữ NHÂN thù chỉ vàng trên nền vóc đỏ *treo* ngay trong phòng khách của nhà đại tướng. Tôi hiểu và hết sức kính trọng phẩm chất đặc biệt này của vị tướng huyền thoại, thiên tài. Trong ngôi nhà của Thầy Trần Văn Giàu không có chữ NHÂN, nhưng chắc Thầy đã khắc tạc chữ đó trong tim. Vì thế suốt nhiều chục năm đằng đẳng con người vốn mang khí phách hiên ngang "uy vũ bất năng khuất", phảng phất phong cách Hồn Minh - Tử Trực này đã bình tĩnh, nhẫn nại, chờ đợi sự xác minh của tổ chức. Cho đến nay mọi văn bản giấy tờ khẳng định phẩm chất khí tiết trong sáng tốt đẹp của Thầy có hay chưa, chúng tôi không rõ, nhưng căn cứ vào tình hình thực tế, mọi chuyện phải trái trắng đen cơ bản đã được phân định; Thầy được tôn vinh với những danh hiệu cao quý - Nhà giáo nhân dân, Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, Giải thưởng Hồ Chí Minh và Huân chương Sao vàng.

Thầy tròn một trăm tuổi - thế là đại đại thọ, là cực hiếm. Thầy có hơn tám mươi năm tận tụy hết lòng vì hạnh phúc của nhân dân - thế là cực quý. Liệu mấy ai có được cuộc đời chất lượng rất cao như thế? ■

MỘT KẺ SĨ THỜI NAY ĐÃ RA ĐI

THÁI DOÃN HIỂU

GIÁO sư Trần Văn Giàu bệnh lâu. Cái ngày ấy sẽ đến đã đến. Nghe tin tôi rụng rời thương cảm. Còn nhớ năm 1996, khi in xong bộ sách, nghe lời cô giáo Phan Thị Minh Châu (Cháu gọi ông Phan Đăng Lưu bằng chú ruột), tôi mang quyển *Kẻ sĩ Việt Nam* với chân dung của 94 danh nho đến tặng bác Giàu ở đường Phạm Ngọc Thạch. Bác rất vui nheo nheo cặp mắt không kính đọc dòng đề tặng "Kính tặng một kẻ sĩ của thời nay TRẦN VĂN GIÀU. Vợ chồng cháu Thái Doãn Hiểu" Bác bỗng mỉm cười hồn hậu nói "Kẻ sĩ là người đạo cao đức trọng, cô chú thương thì gọi thế chứ thực ra bác chưa xứng đáng đâu". Tôi lẩm nhẩm "Trời đất, bác Giàu không dám nhận mình là kẻ sĩ thì ở nước ta thời nay mấy ai xứng đáng đây?"

Là người mang dòng máu trực hệ thức bá với ông Phan Đăng Lưu, tôi hỏi chuyện bác Giàu về quan hệ tình bạn giữa hai người. Bác Giàu đính chính ngay "Sao lại gọi là bạn được. Thầy chứ. Ông Lưu ổng là thầy tôi. Những năm thập niên 20 của thế

kỷ trước tên tuổi ảnh lẩy lừng tả xung hữu đột trên mặt trận báo chí ở Sài Gòn. Chính anh Lưu dạy, đui dắt tôi viết báo và làm cách mạng, nên người hôm nay là nhờ anh."

Bác say sưa kể cho tôi nghe ngày đọc lập ở Sài Gòn năm 1945 bằng cái giọng hào sảng của một người đứng đầu chính quyền cách mạng lâm thời ở Nam Bộ. Bác nói rất hay về triết học, về chủ nghĩa Mác. "Cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa thành công vì người ta không hiểu chủ nghĩa Mác, làm sai nó, biến nó thành thứ chủ nghĩa xã hội trại lính, chứ nó là một học thuyết bách chiến bách thắng. Riêng triết học macxit với phép *Duy vật biện chứng* và phép *Duy vật lịch sử* sang nửa thế kỷ XXI nhân loại vẫn loay hoay chưa có một triết thuyết nào thay thế được". Bác buồn rầu nói.

Ra về, để đáp lễ, bác Giàu đến trước giá sách rút một cuốn dày ngót ngàn trang về Chủ nghĩa Mác và cách mạng Việt Nam vừa in xong 500 bản tặng tôi với lời đề từ thân mật và chữ ký ngay ngắn. Bác cười vui "Nhuận bút 5 triệu đồng, không đủ ăn sáng và uống cà phê cho 5 năm ngồi viết nó". ■



ĐI TRONG PHỐ CỔ HÀ NỘI

Chân đi trong phố, hồn trên mái xưa
Mái rêu âm dương nắng chiếu ngả bóng
Mùi thơm hoa mộc hay hoa móng rồng
Mùi thơm bằng khuâng thơm từ trí nhớ

Hàng Đường, Hàng Ngang cái thời voi ngựa
Xa đã rất xa gần lại rất gần
Chân đi trong phố, hồn trên mái xưa

Những cửa bức bàn những đèn dầu lạc
Mái tóc đuôi gà trên vai lụa bạch
Người như trong tranh ta như trong mơ
Hồn trên mái xưa những căn nhà cổ
Lòng ta vẫn ở tại ta vẫn nghe
Hồi em vẫy đám tóc xoắn mắt tím
Cổ về xa thăm nón thúng quai thao

Thời nào thời nao tiếng gà giữa ngõ
Má em thì hồng môi em thì lửa
Cha mẹ thì già nắng ngả cảnh đầu

Hồn ta là nhà thân ta đến ở
Đi đâu về đâu hồi vắng ngôi cổ
Phố thành giấc ngủ cho ta nằm mê

VŨ QUẢN PHƯƠNG

Lời bình của PHẠM ĐỨC

Có thể nói, nhà thơ đưa ta vào cõi mơ màng bằng sự "nằm mê" của chính mình khi "chân đi trong phố, hồn trên mái xưa". Phải tìm một tâm thế để có thể thấy phố cổ ở đâu và như thế nào. Ta cũng chia sẻ được những cách nhìn, cách nghe, cách nghĩ để dường như thấy nét riêng của phố cổ; không có những cách ấy, khó mà nhận ra phố cổ.

Chân đi trong phố, hồn trên mái xưa
Mái rêu âm dương nắng chiếu ngả bóng

Chỉ có trên mái âm dương trong bóng chiếu đã ngả nhập nhòa kia mới có thể nhìn thấy, cảm thấy những gì "xa đã rất xa gần lại rất gần".

Hương thơm cũng là hương thơm của trí nhớ, lan tỏa từ những cánh hoa giản dị nhất, màu sắc nhạt nhòa nhất. ấy là hoa mộc chẳng, hoa móng rồng chẳng? Phải, mà như không phải loài hoa nào cả, nó chỉ thơm lên, dâng lên từ cõi xa tiềm thức.

Cảnh voi ngựa dạo trên Hàng Đường, Hàng Ngang là tự thuở nào? Rồi "những cửa bức bàn, những đèn dầu lạc"? Và:

Mái tóc đuôi gà trên vai lụa bạch
Người như trong tranh ta như trong mơ

Câu thơ đọc thấy chênh choáng, bằng khuâng. Thực và ảo xen nhau, mà cái nét ảo, màu ảo tuy sương khói lại bao trùm tất cả, lan tỏa và nhận chìm. Con người như trong tranh bằng biến mất, giống như bức rèm lụa cuốn lên để xuất hiện duy nhất một hình ảnh hiện tại, hiện đại: Em vẫy đám tóc xoắn mắt tím.

Sự xuất hiện chỉ tích tắc thôi rồi đã là ảo với nón thúng quai thao, với "Thời nào thời nao tiếng gà giữa ngõ".

Và chịu không phân biệt đây là em của thời gian nào, em tóc xoắn mắt tím hay em nón thúng quai thao.

Má em thì hồng môi em thì lửa
Cha mẹ thì già nắng ngả cảnh đầu

Cái thú vị của bài thơ chính là ở sự "nhập nhòa". Ở cảm giác "lên đồng" của từng hình ảnh, từng đoạn: Ở cả cách chọn gần như độc vận và không dấu ở những chữ cuối dòng nhấn (dòng đầu bài, dòng cuối bài, dòng cuối từng đoạn...). Và vấn đề rất gần với vấn đề của chữ mờ.

Bài thơ được tung thả trong sự ảo, trong sự mê, trong giấc mơ... Phải chăng để nhủ rằng: Muốn đến với phố cổ, nhận biết ra phố cổ phải có tâm thế của mơ mộng, tưởng tượng. Phải chăng để báo rằng: Phố cổ đang trong nguy cơ mất dần đi trong thực tiễn cuộc sống nếu nó cứ tự trôi nổi, gồng sức, mệt nhoài, mòn mỏi...■

LÊ TUẤN LỘC

Thăm làng dân tộc Triều Tiên

Chẳng lẽ về mãi tận Yong Won
Tôi mới yêu tổ quốc
Chẳng hề những gì quanh tôi thân thuộc
Bây giờ tôi mới hiểu ra
Để tôi nhớ lại quê nhà
Tôi có một làng quê nghèo như thế
Mẹ tôi ngồi đập vải mỗi ven sông
Mãi tranh nghèo lửa đốt suốt đêm đông

Quê người có con sông xưa
Có lá buồm nâu
Cây cầu độc mộc
Cho tôi nhớ người yêu cũ
Sông xưa người đã qua cầu

Quê người có cối xay đá
Nặng nề như ngày xưa lam lũ
Để tôi nhớ mẹ tôi
Còng lưng xay thóc một đời
Bây giờ còn xay chưa thôi

Quê người nghèo hơn cả quê tôi
Nhà xưa lợp toàn lá cỏ
Giường sang làm chỉ có
Sân thông nằm đón trăng thanh
Bây giờ cao ốc lung linh
Người đi, giàu sang nhanh thế

Người biết nghĩ ra nét chữ cho riêng mình
Cho cháu con học để làm người
Tôi lại nhớ ông tôi xưa
Nhà nghèo đi ở đợ
Làm chỉ được học chữ Nho

Quê người có cổng làng xưa
Cong cong chạm hình long phượng
Cửa gỗ đan ô vuông
Cho tôi nhớ lại quê nhà
Cổng làng xưa cây đa bến nước
Người đi thăm thúy quá chừng!

Quê nhà xa xưa của tôi đi
Làng cũ còn không?
Bao giờ ta trở lại
Cơm nắm

Muối vùng
Xóm trại

Cây cầu gỗ qua sông
Khóm tre cong mềm mại
Con tôi thời hiện đại
Nhớ gì non nước xa xưa

Gửi chị vong niên

Chị có đa đoan không
Mà thương em đa đoan
Chị có cách trở không
Mà thương em cách trở
Đời bao nhiêu duyên nợ
Nợ tình dài lê thê

Chị có tình cũ không
Mà thương em tình cũ
Tình cũ đã thành cù
Không rủ thì cũng về

Cái ngày xưa rất quê
Cái ngày xưa rất mộc
Tình xưa như đũa lệch
Chị ơi thương em không

Nước đã chia đôi giòng
Biết bao giờ hợp lại
Tuổi ngày xưa vụng dại
Bây giờ khôn hơn ai?

TRẦN ĐỖ LIÊM

Hẹn...

Hẹn về nơi ấy bờ đê
Con sông cong nước tràn trề giữa thu
Hẹn về nơi ấy lời ru
Đan trên mắt võng, cúc cu gọi đàn
Hẹn về nơi ấy hội làng
Hồn mê mãi giữa hàng hàng tò le
Hẹn về ông ả hàng tre
Nắng vàng rót mật tiếng ve trong ngần
Có buồn không hỏi cổ nhân?
Xa nơi cất giữ chín phần tuổi thơ
Hãy về cho tình giấc mơ
Đang cay tử nhục bây giờ đã xa
Hãy về tụ dưới gốc đa
Một ly rượu ấm chia ra tháng ngày
Sống quê khi cạn khi đầy
Hồn quê mãi mãi còn đây chữ tình

Lời đã

Lô giang xuôi mãi về đông
Muốn tìm em cứ ngược dòng lên đây
Sông Nho Quế nước còn đầy
Mà Pí Lèng vẫn đêm ngày ngóng trông
Về trong ấy nhớ đây không?
Bắp non mọng sữa, núi Rồng nhận bay.
Địa đầu cực Bắc heo may
Chợ phiên họp lại sáng nay thiếu người
Xin đừng để nước mãi xuôi
Để xuân mãi đợi, để người mãi xa
Để buồn riêng một mình ta
Để em hòa đã mẹ cha xót lòng.
Lô giang xuôi mãi về đông
Trọn đời em đứng đầu dòng đợi anh.

TRƯỜNG ĐÀ

Nhớ

Anh muốn viết về em nhiều lắm
Nhưng sợ viết ra trong lòng rỗng mất
Sợ viết ra
Chẳng giống chút nào
Lời trong ngực anh đau

Thôi...
Anh khua em rồi
Khua em xanh biếc
Dấu cây kia đôi lúc nở hoa vàng
Nhưng buồn lắm
Vì anh quên tiếng hát
Ngôi ca hoa
Khi vắng em
Anh ngạt thở

Buổi chiều tĩnh
Chợt cho anh thanh thản
Anh viết mấy dòng này
Thay lời gọi tên em.

Côn Sơn rừng trúc

Đi trong rừng Côn Sơn
Khó ngờ được đây nơi ở của một người nổi tiếng
Người ấy nhà vua giận
Người ấy nước nhà thương
Dân thường ngưỡng mộ

Người ấy là đường dẫn đường
Cho muôn đời sau lễ sống

Người đã ẩn mình nơi đây
Ở lối mòn cổ nhân
Chỉ có rừng trúc là theo được
Trúc ơi!
Có phải trúc ơi!
Người đã đứng thẳng thay người!



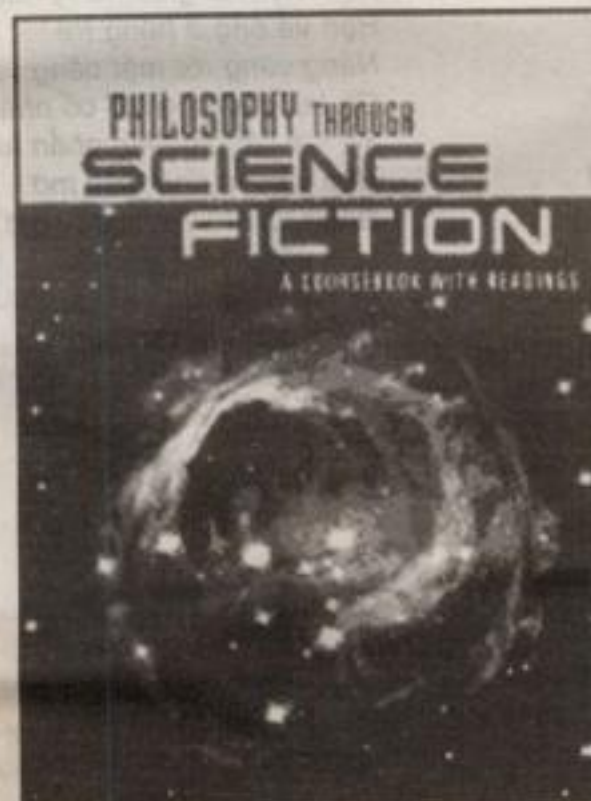
TRIẾT HỌC TRONG VĂN HỌC VIỄN TƯỞNG

TRIẾT học với tư cách là khoa học về các quy luật thật ra không dễ "nuốt" với bất kỳ ai. Nhưng, theo tiến sĩ Liz Stillwaggon Swan ở Viện Nhân học Oregon, Mỹ, thì có cách để học được triết học mà... học say mê. Xác tín đó càng rõ ràng khi vị tiến sĩ này có trong tay cuốn **Triết học qua văn học viễn tưởng** (Philosophy Through Science Fiction) do Nichol chủ biên. Ông tâm sự: Là một giảng viên triết học, tôi thường cảm thấy mình dành khá nhiều thời gian và sức lực, đặc biệt là trong các khóa học mà tôi phụ trách, để thấy được việc học sinh hiểu triết học là một hình thái khác của hoạt động trí tuệ - loại hoạt động yêu cầu ở họ một kiểu thức tư duy mới. Tôi tự thấy mình thành công trong nỗ lực này, nếu trong học kỳ, một vài người trong số họ thời thốt lên câu hỏi "Sắp đến kỳ kiểm tra chưa?" - kỳ trắc nghiệm với những câu hỏi có liên quan đến bản chất của sự tồn tại, về tư tưởng, Chúa trời và vị trí của con người trong thế giới này. Nghĩa là họ không còn sợ triết học nữa.

Để làm được điều đó, cần có một cuốn sách giàu sức tưởng tượng, sâu sắc và vui nhộn dành cho khóa học. Cuốn sách mới nói trên của Nichol là một cách thú vị để cho các sinh viên không chuyên triết đến với những tư tưởng và khái niệm triết học lần đầu tiên. Tiểu thuyết khoa học viễn tưởng có một lịch sử phát triển lâu dài, đa dạng trong việc giải quyết các khái niệm và lý thuyết khoa học và các vấn đề triết học kèm theo trước khi khoa

học tự làm điều đó. Tiểu thuyết khoa học viễn tưởng và những cuốn sách học theo cách đó để cập đến dòng thời gian, sự nâng cao tư tưởng, những nhân vật viễn tưởng đầy sức gợi, về Thiên Chúa và sự lập thuyết, v.v... tất cả những khái niệm trên đều có sức hấp dẫn trực quan đối với sinh viên triết học. Tiểu thuyết khoa học viễn tưởng cũng có lợi thế ở chỗ dễ được tiếp cận hơn so với triết học hàn lâm ở cách kể chuyện sáng tạo của nó.

Cuốn sách được chia thành bảy chương chính, mỗi chương bàn về một lĩnh vực quan trọng của triết học, chẳng hạn như kiến thức và thái độ hoài nghi, tôn giáo và Thiên Chúa, không - thời gian, bản chất của tư tưởng, sự thống nhất cá thể và khát vọng tự do. Mỗi chương có một lời giới thiệu cô đọng và cần thiết về đề tài, một mẫu chuyện khoa học viễn tưởng có tác dụng minh họa cho chủ đề và một số gợi ý "lấy" ra từ triết học lịch đại và đồng đại những khía cạnh có liên quan đến chủ đề được viết bởi các nhà tư tưởng trong tiểu thuyết khoa học viễn tưởng và các triết gia. Người đọc dễ dàng bị hấp dẫn trước bộ sưu tập tuyệt vời những câu chuyện trong cuốn sách và gần như quên rằng mình đang đọc một cuốn sách triết học. Bên cạnh ích lợi về mặt sư phạm có tính đặc thù như nghiên cứu và thảo luận các câu hỏi thì nó - việc đọc sách - còn giới thiệu những danh sách truyện đọc, tiểu thuyết, khoa học viễn tưởng lẫn triết học có liên quan đến chủ đề của chương sách và những phần ngôn bản hữu ích chứa đựng những



nội dung quý giá. Những công cụ này cho phép người đọc kết nối kiến thức của tiểu thuyết khoa học viễn tưởng với văn hóa đại chúng và triết học. Những tác phẩm văn học viễn tưởng loại này được tạo ra bởi các nhà văn trứ danh và những nhà văn ít danh tiếng hơn như Michael Resnick, Philip K. Dick, Ted Chiang, Robert Heinlein, Cory Doctorow, Greg Egan và Timons Esaias. Và các tác phẩm triết học nổi tiếng trong lịch sử của các triết gia như Plato, Descartes, Anselm, Hume, Augustine, Locke, và Hobbes và những nhà tư tưởng đương đại như Mary Midgley, Alasdair Richmond, Stephen Wykstra, Franz Kiekenben, John Searle, Eric Olson, và Kevin Timpe.

Cuốn sách này có thể được sử dụng cho sinh viên tốt nghiệp và chưa tốt nghiệp như một chuyên đề bổ sung về thời triết, vật lý, hoặc triết học và khoa học đại cương, cũng có thể xem đây là chuyên đề về siêu hình học bao gồm tri thức, Chúa trời, thời gian, ý chí tự do, vấn đề tâm hồn và thể xác con người, bản chất con người. Nhưng sức mạnh thực sự của cuốn sách nằm ở khả năng của nó trong việc giới thiệu những tư tưởng và thể nghiệm triết học sáng tạo đến các sinh viên không chuyên triết. Dạy sinh viên ở các khóa học đại cương về khoa lịch sử và triết học hay siêu hình học đều cần trang bị nền tảng hoàn hảo để sinh viên nắm bắt được triết học trong tiểu thuyết khoa học viễn tưởng. Các khóa học như vậy có thể và có lẽ cần sử dụng các bộ phim có liên quan như *Solaris*, *The Matrix*, *I, Robot*. Và dĩ nhiên, cuốn **Triết học qua văn học viễn tưởng** sẽ là cuốn đọc giả vốn không phải là người của học thuật, để họ quan tâm hơn đến các nền tảng triết học trong các tiểu thuyết khoa học viễn tưởng.

Tiểu thuyết khoa học viễn tưởng thỏa mãn được trí tưởng tượng của công chúng bằng những câu chuyện kích thích trí não và đôi khi ám ảnh. Triết học thật hấp dẫn nhưng sự quyến rũ của nó có thể bị mờ nhạt đi bởi những cách giới thiệu nghèo nàn trong lớp học (ví dụ như quá nhấn mạnh sự nghiêm nghị của nó, cách sử dụng thuật ngữ chỉ người trong giới mới hiểu, khô như ngói) thay vì sử dụng những phương pháp hấp dẫn thông qua việc đưa học viên đến sự thấu thị: **chúng ta là ai và tại sao chúng ta ở đây**. Việc gì cũng vậy, vấn đề là ấn tượng đầu tiên. Tập tiểu luận **Triết học qua văn học viễn tưởng** cung cấp cho triết học một cách thức bay bổng về việc tạo ra một ấn tượng tốt đẹp ban đầu cho những ai chớm "đưa chân" vào triết học. ■

ĐẶNG NGỌC HÙNG

(Tổng hợp từ sách báo nước ngoài)

QUỶ LỚN VÀ QUỶ NHỎ

VIÊN THỰC (Trung Quốc)

CÓ một tiểu quỷ, vì mới trở thành quỷ nên nghèo rớt mồng tơi. Lại có một đại quỷ, vì làm quỷ lâu năm nên giàu nứt đố đổ vách.

Thấy đại quỷ giàu có, tiểu quỷ mang một mâm lễ vật tới xin được làm đồ đệ và xin được chỉ giáo để cũng có thể trở thành giàu có. Hải lòng với món quà đàn em mang tới, đại quỷ thổ lộ tuyệt chiêu của mình: "Muốn phát tài thì quá dễ. Chú em chỉ cần tới đến, chọn một con đường nhỏ tới tằm, rồi nấp vào bên đường. Khi thấy có người đi qua thì đưa chân ra ngang một cái. Kẻ đó sẽ ngã nhào, sinh sợ hãi, hôm sau sẽ đốt vàng, mã tủa lùa, chú em tha hồ mà sai".

Y lời sư phụ, tới đó tiểu quỷ tìm được một con đường tắt vừa tối vừa nhỏ, liến nấp kín ở vệ đường. Chờ mãi chẳng thấy ai, đến khi sắp ngủ gật thì bỗng nghe tiếng chân bước huỳnh huých. Tiểu quỷ mừng rỡ khê reo "À! Có người tới rồi". Hẩn tình cả ngủ, lập tức giơ chân phải ra ngang ngang đường. Chỉ nghe "cộc" một tiếng, nhưng quái lạ! Kẻ đi đường không bị ngã, mà "ống đổng" của tiểu quỷ thì lại gãy làm đôi.

Đau, tiểu quỷ khóc hu hu, hẩn vội tha cái chân bị gãy về gặp sư phụ để hỏi cho ra nhẽ. Thấy đồ đệ rơi vào cảnh thảm thương, đại quỷ hỏi: "Nhà người nghe thấy tiếng bước chân của kẻ đi đường như thế nào?" Tiểu quỷ nói "Tiếng huỳnh huých ạ". Đại quỷ phát tay: "Ta quên

chưa nói hết với người. Tiếng chân bước "huỳnh huých" chứng tỏ kẻ đi đường là kẻ vừa có khí vừa có lực, làm sao người có thể làm cho hấn ngã được. Người phải chọn những kẻ có tiếng chân bước rón ra rón rén, tức là những kẻ chỉ có khí mà không có lực kia, mới mong thành công được".

Tiểu quỷ ghi nhớ lời dạy của sư phụ. Khi "ống đổng" đã liến, hẩn lại đi tìm một con đường nhỏ và tối. Chờ mãi, chờ mãi, tới quá nửa đêm thì may quá, có bước chân người rón ra rón rén đi tới. Tiểu quỷ bèn giơ chân ra ngang. Quả nhiên người đó ngã lăn ra đường, một lúc sau mới lồm cồm bò dậy. Rồi tiểu quỷ thấy người đó có ý như tìm vật gì đó đã làm mình ngã. Tiểu quỷ khoái chí cười ha ha, rồi hét vào mặt người đó: "Cứ tìm đi, tìm xem có thấy ta không?". Tất nhiên người kia không nghe thấy tiếng của quỷ, cũng không thể nhìn thấy quỷ. Người ấy quả thực tin rằng chính hòn đá trên đường đã khiến mình ngã đau nên lầu bấu: "Chỉ tại mày mà tao ngã một cú chết điếng", liến vác hòn đá vút sang vệ đường rồi bỏ đi. Không ngờ hòn đá lại rơi trúng vào chân tiểu quỷ!

Tiểu quỷ thét lên đau đớn. Đang than thân trách phận, hẩn cảm thấy mặt đất hình như rung rinh với những tiếng "huỳnh huých" của chân người đi tới. Biết là kẻ "vừa có khí vừa có lực" xuất hiện, tiểu quỷ sợ hãi, im bặt, không dám khóc nữa, co rúm lại, nép vào vệ đường vì sợ va phải người đó. Thế nhưng cái người "huỳnh

huých" ấy lại vấp phải hòn đá và ngã bổ chửng ngay bên cạnh chỗ tiểu quỷ đang nấp. Tiểu quỷ sợ đến mức xón cả ra quần. Hú vía! Người đó không thấy tiểu quỷ nên vùng đứng dậy rồi vội vã đi thẳng.

Thấy yên yên, tiểu quỷ nhẹ nhàng lúi về gặp sư phụ tường thuật những việc vừa xảy ra. Nghe xong đại quỷ cười hơ hớ: "Chú em phát tài rồi, tới mai ta sẽ giúp chú cùng đi đếm tiền!". Tiểu quỷ nghe vậy bán tín bán nghi, nhưng không dám nói gì.

Tối hôm sau tiểu quỷ dẫn đại quỷ tới con đường xảy ra chuyện hôm trước. Quả nhiên thấy có người đang đốt một đồng tiền mã to đùng. Định thần nhìn kỹ, tiểu quỷ há hốc mồm kinh ngạc vì người đang đốt vàng mã kia không phải người "rón ra rón rén" mà đích thị là cái gã "huỳnh huých" hôm qua.

Quả hoang mang, tiểu quỷ thì thảo hỏi sư phụ sao lại như vậy? Đại quỷ cười he he, bảo: "Thằng rón rén không tin là có quỷ, nên dù bị nhà người ngang ngã, hẩn tin rằng do hòn đá gây ra, bèn vác hòn đá ném đi, coi như xong chuyện. Còn đứa huỳnh huých lại là kẻ có cái gan bé tí, hẩn cố tình dậm chân huỳnh huỳnh để lấy khí thế, chứ thực ra trong lòng hẩn đang sợ phát khiếp. Hẩn tin rằng hẩn ngã là do bị quỷ ám. Vì thế hôm nay hẩn mới vội vàng mang vàng mã tới đây cúng cho nhà người".

Tiểu quỷ vẫn không hiểu: "Thế thì làm sao nhận biết kẻ nào hẩn tin có quỷ, kẻ nào không?". Đại quỷ nhìn tiểu quỷ ra chiều thương hại bảo: "Điều này thì tự người phải tìm hiểu".

Tiểu quỷ thở dài: "Hoá ra làm quỷ còn mệt hơn cả làm người, Than ôi!". ■

NGUYỄN TIẾN CỬ dịch
(Trung Quốc văn đàn 10-2010)

ĐÂU RỒI NHỮNG CUỘC CHIẾN?

LÃ THANH TÙNG

Trong những hình thức và khuynh hướng của văn chương thế giới đương đại, những tác phẩm viết về những cuộc chiến tàn khốc có vẻ đang ngày càng ít dần. Các nhà văn như thế đã bằng lòng (hay bất lực?) trước những sự kiện "đầu rơi máu chảy", cho đó như là những trò chơi đã thuộc về quá khứ. Liệu đã đến cái ngày hình ảnh một nền Hòa bình của Thế giới đang ca khúc khải hoàn?

Khi xét về điều kiện xã hội, một số người đã cho rằng, nếu một đất nước bị chìm trong chiến tranh hoặc xung đột triền miên thì sẽ không thể có được những tác phẩm văn học đỉnh cao. Họ bảo cứ lấy giải Nobel làm ví dụ, có bao giờ được trao cho những dân tộc kiểu như Israel, Palestin, Afghanistan, Iraq, hay Nam Bắc Triều Tiên đâu?

Nhưng luận điểm đó dường như ngay lập tức bị nhiều học giả bác bỏ. Mà thực tế cũng đã chứng minh rằng, chẳng những người nói câu đó đã quên, mà các tác phẩm văn học do họ viết ra cũng đã được trao thưởng trong những năm tháng đầy máu, hoặc trong các xã hội sống dưới chế độ độc tài khắc nghiệt, không nhiều hơn thì cũng chẳng kém cạnh gì so với thời trời yên biển lặng.

Cứ lấy ví dụ ngay như dân tộc Do thái chẳng hạn. Dĩ nhiên mảnh đất Israel có quá ít hòa bình, nhưng họ vẫn có những nhà văn lớn như Shmuel Yosef Agnon, người được trao giải Nobel văn học năm 1966 vì "nghệ thuật kể chuyện độc đáo một cách sâu sắc, chứa đựng các mô típ dân gian Do Thái". Nhà ông bị đốt 2 lần. Ông sống qua thời nổi dậy của người Arab năm 1936, Đại chiến Thế giới lần thứ II, rồi Chiến tranh Trung Đông ngay sau đó. Vậy mà ông vẫn sáng tác ra được những tác phẩm làm say đắm lòng người.

Rồi thật nhiều những ví dụ khác. Nhà văn Đức Thomas Mann viết *Núi thiêng* trong và ngay sau Đại chiến Thế giới lần thứ I, mà so với nó, Chiến tranh Trung Đông chẳng là cái gì đáng kể. Nếu nói đến những trường hợp khác của giải Nobel thì thật kỳ quặc. Phần nửa các tác giả Nobel thế kỷ XX đã rơi vào quên lãng, trong khi biết bao nhà văn khác vẫn sáng ngời như Kafka, Joyce, Musil, Virginia Woolf, Lỗ Tấn... những nhà văn đi xuyên qua những thời kỳ tạo loạn. Có nhà văn đã từng nói rất hay, rằng khi đại bác gầm lên, nòng thơ còn cất giọng cao hơn. Nhân loại không cần phải viện dẫn đến bệnh ung thư hay tai nạn giao thông để mô tả cái chết bị thương của những vị anh hùng, bởi chiến tranh và xung đột đã làm xong việc đó, một cách "tốt hơn nhiều". Hay nói cách khác, những xung đột ngoại cảnh vẫn thường biết cách đẩy con người vào những tình thế gay gắt, buộc họ phải bộc lộ những giá trị nội tâm, qua đó những giá trị văn chương sẽ bùng phát, lộ diện. Ngay từ thời cổ đại, các nhà văn như Aeschylus, Sophocles, Tư Mã Thiên... đã biết cách chộp lấy những mảnh vỡ của đời sống đó, làm nên những tác phẩm tuyệt diệu.

Còn những cuộc hủy diệt khiến các nhà văn phải thiệt mạng, chưa kịp để lại tác phẩm gì, thì đó lại là chuyện khác. Cuộc chiến nào chả để lại mất mát. Nhưng kể cả trong những sự tàn diệt tàn bạo nhất, những dấu tích tro tàn của chúng vẫn còn vương vất, và các nhà văn hậu thế luôn biết cách đào bới vào quá khứ để làm ra những công trình vĩ đại. Nhân loại đã chẳng từng phải ngã mũ trước sức mạnh vô song của những S. Yizhar, David Grossman, La Quán Trung, Solokhov... đấy sao!

Mọi người đều biết rằng, cá tính sáng tạo và trải nghiệm văn hóa thì vẫn luôn được tạo khởi thông qua những cuộc xung đột. Và loài người từng đã trải qua biết bao những cuộc bom rơi đạn nổ như thế kể từ lúc bình minh. Vấn đề nảy sinh là: Kể từ nay thì có ý nghĩa giúp những trải nghiệm kia đơm hoa kết trái?

Xung đột nhằm mục đích giành giật không gian sinh tồn thì đương nhiên sẽ rất điển hình và rất cụ thể, ví dụ giữa Pháp và Đức là vùng đất Alsace-Lorraine. Nhưng cũng có những cuộc xung đột chỉ nhằm giành giật một chân lý nào đấy, ví dụ một niềm tin. Tưởng như kiểu thứ hai chẳng mấy liên quan đến sự bức thiết phải thể hiện một cá tính bản thể. Nhưng hãy bình tĩnh. Cái niềm tin kia dai dẳng đến nỗi, từ đời này qua đời khác, các thế hệ đã lần lượt xúc phạm nhau, không bao giờ biết tự dừng lại, để rồi không chỉ niềm tin mơ hồ bị tàn sát, mà cả chính những mục tiêu cụ thể trên mặt đất cũng bị xâm hại. Tập quán lối sống của cộng đồng này bị áp đặt lên cộng đồng khác, những di sản của dân tộc này cũng bị chiếm đoạt bởi dân tộc kia. Vậy là những mối thù truyền kiếp cũng hình thành. Các dân tộc như thế bị rơi vào những cái bẫy không đáy, những vòng xoáy định mệnh, không bao giờ có lối ra.

Từ những cuộc chiến tranh cụ thể, các nhà văn dẫn dắt nhân loại đến với những cuộc xung đột vô hồi kỳ trận trong nội tâm của mỗi con người. Ngày nay, thực tế là, văn học chuyển tải những cuộc xung đột bên trong và bên ngoài mỗi cá nhân ở mức độ ngang bằng nhau. Thậm chí, các thế chế chính trị còn biết cách nấp đằng sau những tác phẩm nổi tiếng để giải thích cho các định chế vốn lúc nào cũng "trên mây" của mình. Để rồi, đến lượt mình, các nhà văn lại tiếp tục cuộc hành trình soi xét kỹ vào mỗi động thái của các nhà chính trị, nói lên tiếng nói đích thực của mỗi cá thể trước những biến thiên của dâu bể cuộc đời. Đây là kẻ chủ động? Câu hỏi này chưa bao giờ có một lời giải đáp triết học rốt ráo, bởi đó thuộc vào loại câu hỏi tương tự như câu chuyện con gà và quả trứng.

Nhưng có một câu hỏi khác gần gũi hơn nhiều, tác phẩm văn học như thế nào thì đi sát hơn vào cốt lõi bản thể của cái văn được coi là Tính Người?

Có hai kiểu tác phẩm như thế, theo ý kiến của Giáo sư Yehoshua, Đại học Tel Aviv, Israel. Một, là những tác phẩm chỉ mượn cơ những cuộc chiến tranh, hay xung đột giữa các nhóm người, để nói về bản chất của những toán tính, mang chiều kích phổ cập. Và hai, là cuộc truy lùng những thế lực giấu mặt luôn muốn xô đẩy loài người vào những cuộc hỗn chiến sinh tử, dù con người có muốn điều đó xảy ra hay không.

Loại thứ nhất, đây chính là những tác phẩm được đặt trong bối cảnh của những cuộc chinh chiến, bởi khi bom rơi đạn nổ, con người cá nhân dù muốn dù không thì vẫn luôn phải xử cánh xử lòng như thế phản ứng tự vệ, nhằm thoát khỏi cái chết, cho mình và cho những gì mình hằng tin tưởng, bảo vệ.

Loại thứ hai, lại tìm về cái rốn của sự việc, là lúc trời yên biển lặng, nhưng luôn có những nhiễu động tinh thần sao đó, để chẳng bao lâu nữa, sẽ bùng lên những đám cháy oan nghiệt.

Người anh hùng sẽ đứng ở đâu trong hai bối cảnh ấy? Chẳng ở đâu xa, mà ngay tại chính giữa vòng xoáy của mỗi sự kiện. Nói như nhà văn, nhà thông thái Luba Eliav của Nhà nước Do thái cổ, thì "Đừng lo, rồi nhất định chàng thủ kho sẽ trở lại, người đưa thư sẽ trở lại, ông giáo làng sẽ trở lại, và cả cô nhân tình đồng đánh của quan bố chính sở tại nữa. Họ sẽ ngăn không cho kẻ thù của chúng ta tự do can quấy". Nghĩa là gì? Là cái đích của văn chương vẫn không xa tầm ngắm của mỗi thành viên cuộc sống, còn phương tiện để vươn đến cái đích ấy thì cũng lại được tin tưởng trao vào tay chính mỗi cá thể biết ý thức và có khát vọng giữ gìn cái đẹp.

Tất nhiên, nhân loại sẽ còn những cuộc đấu tranh sinh tồn dữ dội nữa, sẽ còn mãi. Và các nhà văn sẽ còn rất nhiều việc phải làm để đưa những kẻ chủ mưu, những con virus khát máu ra trước ánh sáng.

Nhưng cũng tất nhiên, nhân loại sẽ không thể tiến bộ được nếu chỉ nhằm nhằm đối phó một cách thụ động với những kẻ hủy diệt, bởi chúng không gì khác hơn chính là tình trạng u tối trong nhận thức và tình cảm của mỗi cá thể loài người.

Hắn đã có lúc một nhà văn nào đó từng phải hét lên:



Chiến tranh Việt Nam, một âm ảnh vẫn luôn thôi thúc các cây bút

"Tôi muốn quên hết những điều vô lý, những âm mưu và phản nghịch, những ngu xuẩn và tàn độc, để ngồi ca về đẹp con người". Nhưng chính ông ta, hay bà ta, đâu biết rằng những nguy cơ tai họa đó lại từng ngày từng giờ nảy sinh và ẩn nấp từ trong chính những khiếm khuyết lệch lạc của đầu óc của mỗi con người mà chúng ta đã tưởng là hoàn thiện nhất. Vậy thì sứ mệnh của các nhà văn phải chăng cũng không thể xa rời sứ mệnh của mỗi thành viên thông thường nhất của cả xã hội: Tìm ra và hóa giải kịp những cơ chế mù lòa đang vận hành trong mỗi con người, gần gũi và cấp thiết nhất là trong chính bản thể mình, để chúng không thể cản đường khi chúng ta muốn tiến tới sự hoàn thiện. Cuộc đấu tranh đó có kèm cam go và khốc liệt hơn so với những cuộc binh đao khói lửa chăng? Câu trả lời sẽ tùy vào chính khát vọng vươn tới của mỗi cây bút.

Nói một cách ngắn gọn, khi nhà văn viết, họ sẽ luôn dẫn mình vào những cuộc xung đột. Chỉ có điều, không có cuộc xung đột nào dữ dội và dai dẳng bằng cái điều xảy ra trong chính chúng ta.■

11.2010

Thơ KIM KWANG KYU (Hàn Quốc)

Kim Kwang Kyu sinh vào năm 1941, tại Seoul. Ông được đánh giá là một trong 100 nhà thơ tiêu biểu của Hàn Quốc trong nền thơ hiện đại.

Ông tốt nghiệp đại học Seoul, khoa Văn học Đức, và nghiên cứu sinh, nhận bằng Tiến sĩ cũng tại đây. Hiện ông là giáo sư tại trường đại học Hanyang, Seoul.

Với tinh hiện thực sâu sắc, nhiều tác phẩm của ông được bạn đọc trong và ngoài Hàn Quốc yêu mến và là một nhà thơ tiêu biểu hiện nay của xứ sở Kim chi.

Nhân dịp kỷ niệm 18 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam- Hàn Quốc, Văn nghệ xin giới thiệu một số bài thơ trong tập *Vì ai* của nhà thơ Kim Kwang Kyu, do Lê Đăng Hoan sưu tầm và chuyển ngữ.

Như một kẻ nhỏ mọn

Khi tôi đi đến ngân hàng,
Để nhận mấy đồng xu lẻ nhỏ,
Giò lạnh thổi, tung lên tóc rối.
Hình dáng người cho vay khệnh khạng đang ngồi,
Trong góc phòng tiếp đón kẻ đến vay.
Không thể đi đến vùng Sinchon, nếu không qua

Nơi bông loáng đá hoa cương nhân tạo ghép thành hàng,

Nơi những dấu vết kẹo cao su lộn lộn trắng vàng,
Mà dưới đó là đường tàu điện ngầm đang chạy miết,
Và dưới nữa là nước ngầm chảy xiết
Sâu hơn là suối đá lửa chảy thành sông.
Được sống trên đất nước không bao giờ động đất,
Cũng là điều may mắn nhất trần gian,
Năm tỷ người trên mảnh đất nhân gian,
Mười triệu người sống ngộp tràn chen chúc
trên mảnh đất Seoul chật chội ghê người.
Một mảnh đất không để lọt vào kết sắt nhỏ nhoi,
Trên mảnh đất mà bọn con buôn vẫy vùng- bất động

Chúng mua bán thế chấp, chúng tung hoành ngang dọc.

Cũng trên đó tôi suốt ngày đêm cực nhọc,
Kiếm từng xu, như một kẻ nhỏ mọn thấp hèn,
Tiết kiệm từng hào để sống, để bon chen...

Đông Tây Nam Bắc

Trong mùa xuân làn sóng xanh đi về phía Bắc,
Trải dài ra, lên miền Bắc, dài ra.
Cả mạng thép gai, cả đường phân giới tuyến thẳng băng,
Cũng hướng về phía Bắc.
Qua dãy núi,
Qua cánh đồng,
Đến hoa Kenari, hoa Jin talle (*) cũng vươn về phía Bắc
Cứ đến ngày hè, chim quốc kia lại nhắc,
và con ếch kêu lên tiếng ồm ồm
Ở đâu mà chẳng vậy.

Trong mùa hè ánh sáng hoàng kim đi về phương Nam,
Trải dài ra, về phương Nam, dài ra,
Vùng phi vũ trang đường ngăn cách vào ra,
Cũng thẳng băng hướng thẳng cả về phương Nam.
Qua sông,
Qua thung lũng,
Những bông hoa bướm, cây thu phong cũng vươn về Nam.
Cứ mùa đông, vị kim chi củ cải thật ngọt thanh,
Vị canh Hae jang cay nồng ấm áp.
Ở đâu mà chẳng vậy, như nhau.

Không phân biệt Nam Bắc hay Đông Tây,
Trên thế gian này chỉ là một mà thôi,
Bão tuyết trắng bao phủ mặt đất tinh khôi,
Ai ngăn cản được dấy trời bão tuyết.

(*) Hoa Kenari, hoa Jin talle: Hai loại hoa nở sớm nhất, báo hiệu mùa xuân ở Hàn Quốc.

(Tiếp theo trang 1)

ta. Nhưng... mình đã làm những việc mà xét về lâu dài là có hại? Đúng thế không? biết là có hại, mình đã...

Bế khổ vô biên... Quay đầu lại là bờ. Phật đã dạy.

Cầm đã đưa giống hoa Hồng xứ lạnh, trồng thử nghiệm thành công ở vùng đất ngoại thành, giúp cho người dân ở đây khá giả hẳn lên. Khi có thể hốt bạc nhờ một dự án trồng hoa Hồng do người nước ngoài trợ giúp, Cầm đột ngột rút lui, xin nghỉ hưu sớm. Nhiều người cho rằng Cầm muốn làm ăn riêng, không liên quan gì đến viện nghiên cứu, nơi Cầm đã công tác gần hai mươi năm. Nhiều người chửi Cầm: Cái thằng trông tử tế thế, hóa ra cũng là dân ăn mảnh. Bao nhiêu người góp sức với nó, giờ nó ôm hết ư?

Cầm chỉ cười.

Khi Cầm làm một cái đơn gửi viện trưởng và các cơ quan chức năng xin chuyển toàn bộ để tài nghiên cứu cho tập thể, để nghị xóa tên Cầm khỏi dự án, mọi người ngó ra, chẳng hiểu làm sao. Cầm tạm biệt bạn bè chỉ bằng một câu "Hữu danh vô thực, hữu sắc, vô hương, đời là vậy"

Thời buổi bây giờ, danh với thực, sắc với hương cái gì cơ chứ! Có tiền là có tất cả. Có thể mua được cả chức tước, danh vọng, chả thiếu cái gì. Cầm biết. Nhưng, Cầm đã bị một thứ mà thời nay hình như người ta không cần đến... Thứ mà người xưa gọi là Lương Tâm. Lương Tâm cần rút! Nói ra nghe nó buồn cười.

Khi những luống hoa rực rỡ, tươi tốt, sắc hồng tươi, tràn ngập những ruộng hoa ngoại thành, báo chí không ngớt lời ca ngợi, gọi Cầm là "Tỷ phú hoa hồng", tung

"Nhà nào? Cầm hỏi, rồi giật mình nhìn quanh, không thấy cô gái đâu nữa! Một chiếc xe ô tô bóng loáng lao ra từ ngôi biệt thự, chạy ào qua chỗ Cầm ngồi... để lại tiếng nhạc xập xình, tiếng cười đùa của đám thanh nữ ngồi trong xe!

"Mình mơ ngủ hay sao ấy" _ Cầm đứng dậy, mở cửa xe, nhả phanh, ấn số... Thôi kệ! Mình cũng chẳng làm gì được. Ngồi vào xe, mở nhạc Trịnh, cố không nhìn ra hai bên đường, ấy vậy nhưng... những ruộng hoa hữu sắc vô hương vẫn hiện ra trước mắt Cầm.

Đêm ấy, Cầm ngủ mê mết. Giấc ngủ không sâu, triển miên mộng mị.

Cầm lại mơ thấy cô gái ở Dinh Đào. Lần này, cô gái không khóc, đôi mắt ráo hoảnh: "Sao anh không bảo vệ đến cùng cái mà anh thấy đúng? Anh cũng vì lợi ích chứ gì?" "Không! chuyện hoa Đào chẳng liên quan gì đến tôi cả" "Anh nghiên cứu về hoa, anh thừa biết, hoa Đào, không chỉ là hoa, nó còn là văn hóa, là cội nguồn, là hồn vía xứ này... Thế mà anh lại đi mang thử hoa hữu sắc vô hương ở xứ người về đây?" "Không có dự án của tôi, người ta cũng phá Dinh Đào!" "Chính những dự án ngoại lai đã khuyến khích người ta tàn phá không thương tiếc những giá trị văn hóa ngàn đời!" "Tôi cũng đã lên tiếng bảo vệ Dinh Đào!" "Anh hô lên một tiếng, rồi khi người ta bảo thôi... Anh thôi ngay" "Tôi đã từ bỏ dự án Hoa Hồng rồi"

"Anh tỉnh ngộ muộn quá... Cũng phải thôi... Anh đã kiếm được... tiền...Không phải sao? Lương ba cọc, ba đồng viện trả cho anh, có đủ cho anh và vợ anh mua đất đai, chứng khoán không?" "Cô..." "Tôi nói đúng rồi chứ gì?" "Cô là..." "Tôi đi đây, hẹn gặp lại anh" "

cát dẫu trên gác bếp. Ngày cưới cô cháu gái ông, Cầm đã đến bàn thờ thấp hương, tự hứa với linh hồn ông rằng, Cầm sẽ phát triển giống hoa mà ông vẫn trồng ở vùng hoa Cống Ô.

Lời hứa với người đã khuất cũng chỉ là lời hứa. Bởi khi Cầm hứa, Cầm chỉ là một nhân viên quen, vừa hết thời gian tập sự. Rồi Cầm được cử đi học nước ngoài. Rồi thì dự án Hoa Hồng xứ lạnh cuốn hút Cầm. Khi Có điều kiện để trở lại vùng Cống Ô, đất trồng hoa xưa kia đã thành khu chế xuất. Thay cho những ruộng hoa là những nhà xưởng lợp tôn, mịt mờ khói bụi... Vợ chồng Cầm đi viếng mộ ông, oái oăm thay, khi họ ghé cửa hàng hoa phố huyện, chỉ thấy rất một loại hoa do chính Cầm tạo nên, cái loại hoa hữu sắc vô hương! Cũng phải mua thôi! Vợ Cầm cầm hoa, còn Cầm đứng như hóa đá! Có lẽ những loài hoa ngàn đời mà thừa còn sống ông đã trồng, đã mơ ước phát triển nó, giờ chỉ có thể mọc dưới âm tào, địa phủ mà thôi!

Cầm thường mơ thấy cô gái ở Dinh Đào. Lúc thùy mị đoan trang, đứng bên Cầm, hai má cô ửng đỏ như cánh đào tơ. Lúc hồn nhiên nhí nhảnh, cô trèo lên một cành đào, hái mấy quả đào non, cô vừa ăn, vừa cười như nắc nẻ, ném cả hạt đào xuống, bảo Cầm đưa áo ra mà hứng. Có lúc, cô gái giận dữ, mặt đỏ bừng, bảo Cầm là đồ hèn... chẳng dám đứng ra bảo vệ cô trước những kẻ tham lam, độc ác, phá cả nhà ở của cô ở Dinh Đào... Cầm còn mơ thấy cô đang cùng người ông ngoại của vợ Cầm đứng trò chuyện bên một gốc đào trơ cành, héo ngọn...

Cầm thấy nhiều chuyện lạ lùng. Đúng là hoa cũng có hồn. Hoa cũng biết cảm nghĩ như người. Vui, buồn như người. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh! Trời đất sinh ra muôn loài, ngay loài hoa cũng muôn hình vạn trạng.

Có loài hoa ăn thịt. Có loài hoa ăn sương, ăn nắng, ăn các loại côn trùng... Có loài hoa to như cái thúng, như cái nong. Có loài hoa bé như hạt bụi. Cầm đã tận mắt chứng kiến loài hoa Sen lạ ở một ngôi chùa Nam Bộ, to như cái nón ba tầm lật ngửa, người có thể ngồi trên đài hoa, bơi ra giữa hồ như bởi thuyền.

Một chuyện lạ xuất hiện trên Blog Cầm. Người con gái tự xưng là Đào viết rằng cây đào một năm nở hoa hai lần ở vườn nhà Cầm là cây đào của cô bị mất cắp. " Khi đọc bài viết và nhìn ảnh cây đào trên mạng tôi nhận ra đây chính là cây đào tôi bị mất sau tết Nhâm Ngọ. Cái năm Ngọ xúi quẩy ấy, sau tết, tôi bị cầm, phải về nhà mẹ đẻ, không hiểu ai đã vào căn phòng của tôi lấy đi cây đào. Đó là cây đào tôi đi tìm cả ngày ở vườn đào Nhật Tân trước khi vườn đào bị phá để cho một công ty nước ngoài xây nhà cao tầng. Cây đào đã ở với tôi năm cái tết. Nó đã trở nên thân thiết với tôi như một người bạn. Như một người thân. Tôi thường ngồi nói chuyện với cây đào cả tiếng đồng hồ. Từ ngày cây đào bị mất, tôi thấy buồn khốn tả, cứ ngẩn ngơ ra vào... ăn không thấy ngon, ngủ không yên giấc! Giờ tôi đã nhìn thấy cây đào, nhưng nó lại ở trong vườn nhà người khác! Tôi không hiểu vì sao nó lại ở đây. Tôi rất muốn gặp anh để làm rõ nguyên nhân. Tôi tin là có điều gì ẩn khúc ở đây. Một người mà tôi biết có chút danh phận như anh hẳn không làm điều gì khuất tất. Mong anh lượng thứ".

"Nếu cô chứng minh được... đó là cây đào nhà cô, tôi xin trả lại...". Cầm trả lời. Vợ Cầm "Anh điên à, cây đào đang đẹp thế, nó là phúc lộc nhà ta...". Cầm không nói gì. Thấy buồn cười. Rồi tò mò. Đời thật lắm chuyện lạ.

Cô gái tìm đến nhà Cầm vào một buổi sáng chủ nhật. Vừa nhìn thấy cô Cầm sững người, đứng ngẩn ra một lúc. Hết cô gái Cầm đã gặp trong mơ, ở Dinh Đào. Gương mặt trái xoan được buồn. Đôi vai tròn, thon thả, áo màu hồng như cánh đào tơ. Cô đi tấcxi, chứng tỏ nhà khá giả.

Cầm hơi lúng túng, không biết vì sao. Lại thấy hồi hộp, tim đập khác thường. "Mời cô ngồi" _ Cầm chỉ cái chông tre. Bàn tre, chông tre, cô gái ngược nhìn những chiếc chao đèn cũng bằng tre. Bốn phía của ngôi nhà sàn gỗ, cả mảnh vườn trước cửa, toàn hoa. Gần như đủ các loại hoa. Đôi mắt cô dừng lại ở cây đào. Cây đào nở hoa giữa mùa thu. Rực rỡ. Bất giác, cô gái thốt lên: " Đào hoa y cựu... tiểu thu phong"! Phải một lúc, Cầm mới hiểu " Hoa đào năm ngoái, còn cười gió thu".

- Không phải hoa đào năm ngoái đâu, hoa đào năm nay...

- Em biết, thật không thể tin được!

Họ ngồi im lặng một lúc lâu. Cầm đứng dậy rót nước, nhìn phía sau lưng... Ôi trời, giống hệt...

Họ đi về phía cây đào. Cô gái bảo : Em có khắc tên mình dưới gốc cây, đó là bằng chứng duy nhất.

Đến bên gốc đào, cô gái giang rộng vòng tay như muốn ôm thân cây vào lòng.

Cô bới đất, chỉ cho Cầm xem cái tên Hồng Hạnh được khắc dưới gốc cây.

CHUYỆN LẠ HOA ĐÀO

Truyện ngắn của DƯƠNG KỲ ANH

hồ Cầm lên tận mây xanh... Cầm bắt đầu cảm thấy sự ghen ăn, ghét ở bao quanh mình. Một lần, Cầm nhận được túi quà phong bao rất đẹp, khi vợ mở ra, là những cánh hoa hồng trộn với phân, thối hoắc. Từ đó cả nhà nơm nớp lo sợ bị khủng bố!

Nhưng, tất cả những cái phiền nhiễu ấy không làm Cầm nản lòng nếu Cầm không tự mình phát hiện ra loài hoa Hồng biến đổi gen, sắc màu tuyệt đẹp ấy không hề có mùi hương thơm. Nó còn độc hại nữa! Nếu để lâu trong phòng còn làm ta tức thở, buồn nôn. Vì sắc màu tuyệt đẹp, nở hoa bốn mùa, dễ trồng, ít sâu bệnh, nên lợi ích rất cao... Các loài hoa khác gần như bị phá đi, người mua hoa vì rẻ nên cũng đổ xô vào loại hoa này. Cầm cảm thấy mình có tội với những ruộng hoa đa sắc màu, ngào ngạt hương thơm, những loài hoa cả nghìn năm nay vẫn chung thủy với ruộng đồng và người dân nước Việt.

"Mang một thứ cha căng, chú kiết từ ngoài về, rồi tự cho là sáng tạo, là hay ho, mà cái thứ ấy bây giờ ở xứ họ người ta cũng vứt đi rồi... Ta làm sao thế này? Rồi ta còn được tung hô, được ca ngợi nữa chứ! _ Cầm tự dằn vò mình.

Một hôm, Cầm lái xe ra ngoại thành, nhìn loài hoa hữu sắc, vô hương, đang mọc tràn những những thửa ruộng mà trước đây là lúa, là ngô là những loài hoa quen thuộc nghìn đời... Lòng Cầm quặn thắt.

"Chẳng thể làm gì được nữa rồi! Người ta làm tất cả vì lợi ích của mình" Cầm nghĩ.

"Mọi quy luật, đều phục tùng quy luật lợi ích" Ai bảo mình thế nhỉ?

Cầm dừng xe trước khu nhà mà cách đây chưa lâu còn là Dinh Đào.

Cầm xuống xe, ngồi bệt ở vệ đường xi măng, tay chân bần rần. Cầm đã từng viết mấy bài báo lên tiếng bảo vệ Dinh Đào. Báo chí, dư luận rộ lên một dạo, rồi đầu lại vào đấy. Làng đào không còn. Dinh Đào thành dinh thự! Cầm ngược nhìn những biệt thự tráng lệ, những ai ở trong ấy nhỉ?

Cầm thấy đôi mắt mình díp lại, buồn ngủ. Cầm lác lác đầu, cổ xua tan cảm giác mệt mỏi. Lạ chưa, một cô gái trẻ đang đi về phía mình. Cô gái cúi đầu e lệ, áo màu hoa đào, đôi mắt đen như đang khóc. Cô ngồi xuống bên Cầm, nói trong tiếng nấc nghẹn ngào "Em giờ chẳng biết đi đâu nữa, nhà cửa bị người ta phá hết rồi..."

Này...Tôi..."

Cầm ốm một tuần, nằm mê mết, chẳng biết bệnh gì. Sau trận ốm, Cầm ngẩn ngơ như người thất tình. Tự nhiên, Cầm muốn đi gặp mấy người bạn ở trung tâm nghiên cứu về tiềm năng con người.

Ngày còn ở viện, Cầm đã có ý định đăng ký một đề tài về tâm linh. " Hồn hoa" _ tên đề tài. Người ta cười ầm lên. Bây giờ, Cầm muốn trở lại đề tài này.

Chẳng ai bắt bẻ, chẳng ai quấy rầy, giờ, Cầm một mình một cõi. Khu vườn ba mẫu hai sào Cầm trồng đủ loại cây, loại hoa. Vợ Cầm, buổi đầu cũng tiếc tiền, thuê hai người làm vườn, bỏ ra bao nhiêu tiền mua các loại giống, rồi phân gio... Cầm bảo : Tiễn mình làm ra có một ít, còn thì trời cho... Nay ta cho lại trời, rồi trời lại cho ta... có mất đi đâu mà lo! Vợ Cầm thấy cũng phải. Và lại, thị cũng là người thích hoa, Thị lấy Cầm cũng bắt đầu từ chuyện mê các loài hoa.

Cái lần Cầm mới về viện, đi thực tế ở vùng hoa Cống Ô, ở nhà một người dân. Thời đó, tất cả là của hợp tác xã. Vùng hoa Cống Ô nghìn đời biến thành ruộng khoai lang. Hoa khoai lang nở tím một vùng. Ông chủ nhà, một nông dân vùng quan họ rất vui tính, bảo " Cháu nhìn hoa khoai lang có thấy no bụng không?" " No à". Ông gọi cô con gái lúc đó đang học năm cuối bậc phổ thông ra sân : " Tối nay, chú Cầm không ăn cơm, con bớt suất gạo của chú ấy nhé, chú ấy ngắm hoa khoai lang no bụng rồi". Cầm ngó ra.

Đến bữa cơm, Cầm đứng ngoài sân đọc " Cơm con không đủ, chơi hoa nổi gì!". Ông già cười ha ha, bảo cô con gái : Được lắm, thằng ấy được lắm, bảo nó vào ăn cơm đi!

Họ đến với nhau từ những chuyện tào lao như vậy. Rồi Cầm cũng biết rằng ông nội của cô gái xưa kia có hàng chục mẫu ruộng vùng Cống Ô trồng hoa, cung cấp hoa cho cả vùng kinh Bắc, đưa hoa về tận Hà Nội. Đạn cải cách bị quy địa chủ, bị mang ra đấu tố, cũng nhờ có anh con út, là bố cô gái đi bộ đội, ông mới không bị xử bắn, chỉ đi cải tạo mấy năm. Có lẽ vì quá mê trồng hoa, nên khi hợp tác xã phá những ruộng hoa trồng khoai lang, ông lên tận huyện để nghị đừng phá. Lần nữa, ông lại bị quy cho cái tội tư sản, phản động. Lại đi cải tạo. Ngày ông ốm nặng, sắp mất, ông gọi người nhà đến, bày tỏ nguyện vọng cuối cùng : khi khâm liệm ông, nhớ bỏ vào quan tài mấy gói hạt giống hoa mà ông vẫn

"Có lẽ, những ngày em ốm, phải về nhà mẹ đẻ, họ đã mang gốc đào vớt ra đường... Anh nhật về sau Tết Nhân Ngọ phải không?". Cẩm gật đầu.

"Cô có thể thuê người mang nó về nhà, nhưng không phải hôm nay, tôi muốn bảo với vợ tôi một tiếng". Cô gái ngược nhìn Cẩm, khiến anh phải quay đi.

"Anh đã tái sinh cho cây đào, bây giờ nó là của anh, có phải thế không đào? Tôi đã quá ích kỷ khi biến nó thành của riêng mình, vì tôi, nó đã khổ sở sống bó buộc trong cái chậu cảnh, thiếu nắng, thiếu gió, thiếu ánh mặt trời. Nó sống lắt lay, đứng ra là sống trong sự giam cầm vô hình... Năm năm trời. Thật kinh khủng. Tha lỗi cho ta, đào nhé! Đến đây ta mới hiểu thế nào là tự do. Là cuộc sống tự do, điều mà bao nhiêu loài ao ước! Đứng không? Người con e ngại gì nữa. Có thể chứ. Người hiểu ý ta rồi ...". Thật lạ lùng, Cẩm thấy cây đào rung nhẹ, như đang gật đầu với cô gái.

- Cô thường nói chuyện với cây đào thế à?
- Nó hiểu đấy, chỉ tiếc là không nói được!
- Mỗi loài đều có ngôn ngữ riêng...
- Anh cũng tin như vậy?
- Tin chứ! Tôi đang nghiên cứu về Hồn Hoa!
- Hồn hoa?
- Cô có tin không?
- Tôi chưa hiểu lắm...
- Chuyện cô với cây đào là một bằng chứng sinh động!

- Chuyện của tôi thì có nghĩa lý gì.
- Rất có ý nghĩa là đằng khác, thật là... số phận!
- Tôi chỉ xin anh một điều?
- Điều gì vậy?
- Mỗi tuần một lần, anh cho tôi đến nói chuyện với cây đào.

- Trừ những tuần tôi đi vắng.
- Anh có thể nói với vợ anh và những người làm vườn ở đây...
- Thế cũng được.

Cẩm kể cho vợ nghe. Vợ bảo: Em đoán cô ta là người không bình thường" "Ý em là?". "Là không bình thường... bị một căn bệnh nào đó, như là bệnh tâm thần chẳng hạn...". Cẩm thờ dãi!

Mùa thu đi qua rất nhanh. Giờ đã là mùa xuân. Mùa của cỏ hoa, muôn loài tác thành và sinh nở. Những đêm như vậy Cẩm rất khó ngủ. Trước đây, Cẩm rất ghét những ngày xuân ẩm ướt, nhà cửa nhớp nháp, áo quần ẩm mốc, đất trời mù mịt...Bây giờ, những ngày xuân làm Cẩm rạo rức, băng khuâng, mơ mộng... Cẩm ngày ngất trước những luồng hoa ngào ngạt hương thơm. Nhìn những cánh ong bay rù rì, những cánh bướm như cánh hoa ngũ sắc hỗn nhiên và ngây thơ lạ lùng.

Cô gái đến vườn nhà anh nhiều hơn. Giờ một tuần hai lần. Thứ bảy và chủ nhật. Cẩm cũng ở nhà thường xuyên. Đôi khi cô gái không nói chuyện với cây đào, chỉ nói chuyện với Cẩm. Họ nói đủ thứ chuyện trên trời, dưới biển, rồi quay về chuyện hoa. Hoa cũng như người. Hoa Đại thanh cao. Hoa Nhài ẻo lả. Hoa Cúc hồn nhiên. Hoa Bưởi, hoa Chanh dân dã. Hoa Cau tình kiết. Hoa Hồng nhí nhảnh, đầy khát khao... Hoa Đào, hoa Mai là hồn vía của người Việt, ẩn chứa trong sắc hoa vừa có vẻ tươi mới của mùa xuân, vừa cổ kính nghìn đời...

Từ chuyện hoa trở về chuyện người. Dần dà Cẩm cũng biết được đôi điều về cô gái. Bố mẹ cô khởi nghiệp từ cán bộ nhà nước, rồi khi hết " Bao cấp" họ quay ra làm ngoài. Buôn bán đất đai, nhà cửa, góp vốn mở khu chế xuất...Trở thành một trong những người giàu có, thế lực. Từ đó lại quay về tìm mọi cách thành người nhà nước, thành quan chức cấp cao, quyền lực càng lớn. Thời buổi người có tiền, liên kết với người có quyền, để tạo ra những thế lực vừa có quyền, vừa có tiền, nghiêng cả thiên hạ. Nhưng ở đời, trời không cho ai tất cả. Người anh của cô gái, được nuông chiều từ nhỏ, nhưng ít được quan tâm dạy dỗ, đã trở thành một kẻ chơi bời, nghiện thuốc phiện. Từ lúc còn học phổ thông, cô đã tình cờ chứng kiến những cuộc cãi vã giữa bố mẹ cô. Mẹ cô thành lập một công ty riêng, có người tình là một quan chức cao cấp, đầy quyền uy. Bố cô cũng không kém, cũng có chỗ dựa từ trên, thay người tình như thay áo. Cô được nuôi dưỡng như một đứa trẻ đặc biệt trong nhà mẫu giáo. Có bảo vệ, có vú nuôi, có người phục vụ... Bố mẹ cô chỉ đến thăm cô, bế bồng một lúc, rồi ai đi đường nấy. Lớn lên, cô đi học cũng có người đưa đi, đón về, có " Mật vụ" theo dõi vì bố mẹ cô sợ kẻ xấu bắt cóc, tống tiền. Từ tuổi thơ, cho đến khi đi học phổ thông, rồi đại học, cô gần như không có bạn. Có lẽ bố mẹ cô cho rằng họ đã không quan tâm đầy đủ, để cho anh cô bị bọn xấu lôi kéo, giờ họ quyết tâm chăm sóc cô bằng cách không cho ai đến gần. Họ đã đi từ thái cực này đến thái cực khác. Khi anh cô sinh ra, họ quá mải mê làm giàu, mải mê vì quyền lực không có thì giờ quan tâm đến con cái. Giờ có quyền lực, tiền

bạc lại phải lo giữ. Lo hưởng thụ. Cô gái đã bị bệnh trầm uất, nhiều khi cô ngồi hàng tiếng đồng hồ trong phòng, quay mặt vào tường nói chuyện. Nhưng, bố mẹ cô không hay biết. Họ yên tâm là cô chăm chỉ học hành, khác hẳn với người anh, không chịu ở trong nhà, suốt ngày tụ tập bạn bè quậy phá, gây gỗ ngoài đường, dù đã bắt đưa đi Úc, vẫn tìm cách lộn trở về... để rồi đi hết trại cai nghiện này, đến trại cai nghiện khác. Cô gái hết nói chuyện với bức tường, lại quay sang nói chuyện với búp bê... Từ khi có cây đào, cô gần như nhập thân với nó! Rồi bố mẹ cô cũng biết việc không bình thường đó. Khi cô ốm, phải đưa về nhà bố mẹ, những người giúp việc đã lên vào phòng mang cây đào vớt đi. Họ không biết rằng, nhờ có cây đào mà cô đã gần như khỏi bệnh trầm uất. Nhà mua một cái xe đất tiên, thuê người lái, bảo vệ, nhưng cô không đi, ai đi theo cô là cô đuổi... Cô chỉ đi xe tắc xi.

Cô đã tái sinh từ ngày gặp Cẩm. Giống hệt cây đào kỳ lạ. Mùa xuân, rồi cả mùa thu... hoa nở xum xuê, đỏ thắm.

Bây giờ cô giống hệt một đứa trẻ. Cô chạy nhảy cả ngày trong vườn nhà Cẩm. Đuổi bướm, ngắt hoa, nắm xoài ra đám cỏ hát nghêu ngao... Cô lần cô chạy vào nhà, ôm lấy cổ, hôn vào má Cẩm, làm anh đỏ dừ mặt. Vợ Cẩm loáng thoáng biết chuyện, nhưng lại nghĩ cô ta tâm thần, vô hại!

Những ngày đầu tuy có chút rung động, Cẩm vẫn coi cô như một con bệnh, như một người em gái. Xét về tuổi tác, cô kém anh gần hai thập niên.

Nhưng rồi Cẩm nhận ra rằng, những ngày vắng cô, anh cảm thấy nhớ da diết, cảm thấy như thiếu hụt một thứ gì đó. Hình ảnh cô càng ngày càng in đậm trong tâm hồn anh.

Anh bỗng nhận ra rằng, những người lâu nay anh gặp, những người thân quanh anh đều rất thực tế, đều bị cuốn vào cơn lốc làm ăn. Chuyện gì rồi cũng quay về chức tước, tiền bạc. Bàn đến chuyện con cái cũng làm sao cho con vào học được trường này, trường khác, tương lai sẽ lên chức này, chức khác. Anh đã chứng kiến những người có chức, có quyền, lúc đang công tác có bao kẻ vây quanh, đến khi nghỉ hưu, tự nhiên họ tàn đi đâu hết.

Ngay quan hệ bạn bè, anh em, đến cả người thân trong nhà khi hết chức, hết tiền, hết quyền, thái độ cũng khác. Chẳng lẽ trên đời này không có tình cảm vô tư, trong sáng đơn thuần ư?

Trở về với cây cỏ, thiên nhiên anh mới nhận ra điều đó, hay chính cô gái mà người đời cho là tâm thần đã thức tỉnh anh?

Người ta quan hệ tới nhau vì lợi ích. Lợi ích vật chất. Lợi ích tinh thần. Hết lợi ích là hết quan hệ. Nghĩ mà rung mình. Cái cô Đào này bố mẹ giàu có, thừa cái ăn cái mặc, mới tìm nơi đuổi bướm, ngắt hoa. Có bao nhiêu người đầu tắt, mặt tối, làm không đủ ăn, tiền học cho con không có, mở mắt là lo tìm cái gì cho vào mồm... Còn đầu óc đâu mà nghĩ đến chuyện này chuyện khác.Tối mắt vì mưu sinh, bướm với hoa cái

nổi gì. Giá như mình đây, Cẩm nghĩ, không có tiền gửi trong ngân hàng, vớt vào chứng khoán liệu vợ con có để yên cho mà ngồi nói chuyện cây với hoa. Ở đời ai cũng có mối quan tâm riêng, chả ai giống ai, kể cả vợ con mình... nghĩ ngợi làm gì cho mệt!

Cẩm lao vào sách vở, cố quên người con gái đang hiện hữu trước mắt.

"Cũng là rừng mở khi cuộc sống vật chất thừa thãi mà thôi" "Thiếu gì nơi ăn chơi cho những kẻ rừng mở? sao cô ta lại đến đây?" "Cô ta cũng lạ, mắc phải căn bệnh thời đại chẳng?" "Con người vốn cô đơn, càng ngày càng cô đơn trong cái thế giới tận thu, tận diệt này".Cẩm trở nên mất ngủ. Đầu óc cứ quẩn quanh những ý nghĩ như vậy.

Dù cố quên đi, tìm mọi lý lẽ biện minh, nghĩ xấu về cô gái, nhưng hình ảnh cô vẫn không rời tâm trí anh.

Ở đời,mọi chuyện rồi cũng đến hồi kết.

Chủ nhật. Hôm đó là mồng năm. Hai người làm vườn về quê ăn tết vẫn chưa lên. Vợ Cẩm và các con đi du xuân. Cẩm ở lại một mình trông vườn. Thật lạ lùng. Bốn bề rào lên tiếng chim khách. Cây đào nở bung hết nụ, rục rịch một gốc vườn. Chưa bao giờ Cẩm thấy trời đất của mùa xuân đẹp thế. Cô gái xuất hiện bất ngờ. Cô chạy vào nhà, nắm tay Cẩm, lôi anh ra vườn, cả hai chạy dưới những gốc cây đầy lộc xuân. Cô hát, hết bài này đến bài khác, Cẩm cũng hát theo. Đôi dầy bết đất, cô tháo ra, quần xắn cao, Cẩm cũng tháo dầy, cảm thấy gan bàn chân mát lạnh. Chạy nhảy chán, họ nắm dài trên cái ghế xi măng giả gỗ ở góc vườn.

Cô gái luồn những ngón tay nhỏ nhắn, mềm mại vào mái tóc dày, còn đen nhánh của Cẩm. Cẩm nắm yên, thờ ơ đều đều như đang ngủ. Bỗng anh ngẩng bật dậy, ôm lấy cô trong vòng tay nóng rục như một sự vô thức.

Đêm ấy, anh mơ thấy mình làm tình với cô gái.

Một hôm, có hai chiếc xe sang trọng đến khu nhà vườn của Cẩm. Bố mẹ cô gái. Họ đến cùng một lúc, nhưng hai người đi hai xe riêng. Họ đến cảm ơn Cẩm và thông báo sẽ đưa cô con gái ra nước ngoài học. Ra về họ còn tặng Cẩm hai chai rượu ngoại đắt tiền.

Cẩm thấy tim mình nhói đau. Hai tai Cẩm ửng lên khi nghe họ nói tháng sau "Chúng tôi sẽ đưa cháu sang Mỹ học". Sang Mỹ học? Cô ta đi thật à? Sao mình lại trở nên ủy mị thế này! Cẩm chạy đến, vịn lấy gốc đào, hai chân cứ muốn quy xuống.

Một tuần sau, người nhà cô gái mang đến cho Cẩm một phong thư dán kín.

Cẩm bóc thư, tay run run, bức thư phảng phất mùi nước hoa chỉ có vệt vệt mấy chữ "Vĩnh biệt anh_ vĩnh biệt HỒN HOA".

Cây đào kỳ lạ, một năm nở hoa hai lần bỗng nhiên héo rụi. Những cánh hoa đỏ như màu ứa rục lên trong nắng chiều rồi rụng lả tả xuống gốc đào.

Cô gái sang Mỹ du học, hay đi lấy chồng, hay chỉ là ảo ảnh? chẳng ai biết. Chỉ biết anh chàng Cẩm một thời nổi tiếng là " Tỷ phú Hoa Hồng" thường ngồi ngoảnh mặt vào tường nói chuyện với khoảng không...!■

Nhà vườn Sóc Sơn 2010





Bùi Bình Thi sinh ngày 24 tháng tư năm 1939; quê quán tại xã Liên Bạt, huyện Ứng Hoà tỉnh Hà Tây. Năm 1969 – Bùi Bình Thi sang công tác Lào, chủ yếu ở Xiêng Khoảng, với tư cách là phóng viên mặt trận. Khi ấy anh vừa tròn ba mươi tuổi. Năm năm sau – vào khoảng cuối năm 1972 – anh trở về Hà Nội. Và từ đó, trong cuộc đời sáng tác của anh, đến nay, Bùi Bình Thi đã có 5 tác phẩm viết về Xiêng Khoảng, về nước bạn Lào, qua các thể loại ký sự, truyện ngắn, tiểu thuyết. *Xiêng Khoảng mù sương* là cuốn sách thứ năm, vừa tái bản lần thứ nhất, và có lẽ là cuốn tiểu thuyết dày nhất, chân

frabang... Còn như mất XK-CĐC thì cả hệ thống bố trí ở phía bắc Thượng Lào (kể cả Luông Phrabang) bị cô lập và lung lay – Viên Chăn bị trực tiếp uy hiếp)... Từ XK - CĐC có thể kéo quân xuống chiếm đóng đóng bằng ven biển Nghệ An làm cắt đôi miền Bắc Việt Nam, cô lập Trung bộ và Bắc bộ là cửa ngõ gần nhất để xuống Viên Chăn và Luông Phrabang... Đối với Thái Lan, cao nguyên XK-CĐC cao hơn hẳn vùng đông bắc Thái, thế uy hiếp với vùng này là rất lớn... Từ 1953, khi Thượng Lào bị ta tấn công, địch đã tập trung về đây thành lập một tập đoàn cứ điểm gồm 11, 12 tiểu đoàn bộ binh và cơ giới...

Và một đoàn chuyên gia quân sự Việt Nam do Thiếu tá đoàn trưởng Nguyễn Đình San (có nguyên mẫu là thiếu tá Nguyễn Bình Sơn, sau phong quân hàm Thiếu tướng), đã đến Xiêng Khoảng làm nhiệm vụ giúp quân đội Pathet Lào giải phóng XK-CĐC, nhằm tạo hậu thuẫn cho

7A thôi... (tr.108).

Sương trở thành người bạn đồng minh tốt nhất, làm lộ địch nhanh nhất:

...Hôm nay sương ở toàn bộ trung tâm Cánh đồng Chum xuống rất thấp và loãng. Từ mặt đất đo lên có lẽ chỉ cao khoảng từ 3 đến 5, 6 mét, nên các đầu mồm đối mà các tiểu đoàn địch chốt đó, nổi lên hết... (tr.271).

Sương không chỉ xuất hiện như một hiện tượng đặc biệt của Xiêng Khoảng mà còn hiện diện như một thực thể tự nhiên bất khả kháng, một phương tiện tác chiến, mà nếu nắm được nó, thì toàn thắng.

Sự thực, chỉ có bậc trí dũng mới làm được như vậy. Cần có một, một, và nhiều bài nữa viết về những con người trí dũng song toàn trong cuộc chiến Thượng Lào. Họ chính là tập thể những chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam sát cánh bên những chiến sĩ quân đội Pathet Lào trong cuộc kháng chiến trường kỳ đánh phi, đẩy lui các lực lượng phản động cùng lính

5 vạn quân Xiêm. Từ phía đối phương, trên nòng pháo AM của Tham mưu trưởng trung đoàn Hắc Hổ, cờ trắng xin hàng đã kéo lên.

Ái đã từng xông pha trận mạc mới thấy hết cái quý giá của khoảnh khắc ngưng lại sau những âm thanh chiến tranh. Trong trụ sở của Bộ Tư lệnh tác chiến, Chính uỷ Lê Văn âm choàng lấy Đoàn trưởng Nguyễn Đình San mà nói: *Thế là bão đã tan và cảnh vật lại xanh tươi trở lại. Và cái còn lại sau cùng là tin hiệu, những tín hiệu rút quân của kẻ thù và là những dư âm mênh mông hùng vĩ của chiến thắng. Xin hãy đọc những dòng trong trang viết đầy xúc cảm này của Bùi Bình Thi:*

21 giờ.

Trong đêm mông lung vọng về to đản, to đản tiếng máy bay T28 và kia, bùng nổ một quả pháo sáng xa tít tận phía sông Mê Kông, quả thứ hai bật sáng, quả nữa, quả nữa, rồi quả nữa, một hàng dài

BÙI BÌNH THI VỚI XIÊNG KHOẢNG MÙ SƯƠNG

PHỤNG HOÀNG

thực, trữ tình, nồng nàn và hay nhất viết về Xiêng Khoảng.

Được khởi công từ 12 tháng bảy năm 2004, và hoàn tất trong 13 tháng, tức đến 12 tháng tám năm 2005, *Xiêng Khoảng mù sương* đã chứng tỏ nội lực, trường tưởng tượng và sức sáng tạo mạnh mẽ của nhà văn. Và hơn thế, là khả năng sống lâu dài với những hồi ức và kỷ niệm về một thời tuổi trẻ. Từ một cuốn sách viết về chiến tranh, tác giả đã kết hợp và hoà trộn một cách uyển chuyển hai thể loại, hai phong cách ký sự và tiểu thuyết, vừa gìn giữ được tính chân thực – lịch sử của ký sự vừa thể hiện được tính hư cấu lãng mạn của tiểu thuyết. Những sự kiện, những tư liệu cá nhân và tài liệu quân sự, những tên đất, tên người hầu hết được giữ nguyên, qua ngòi bút trữ tình của tác giả, đã biểu hiện trọn vẹn những hồi ức say mê và niềm yêu dấu đối với đất nước và con người, Lào, Hơmeo, cũng như người Việt.

Dùng nhật ký nhân vật như một phương tiện hữu hiệu để truyền đạt tính chân thực, Bùi Bình Thi đã gián tiếp làm hiện lên hình ảnh một vương quốc Ai Lao nghèo khổ, loạn lạc, hoang sơ của những năm 60 thuộc thế kỷ trước trong con mắt một người ngoại quốc – một người Mỹ gốc bản địa:

Tôi đến Vạn Tượng thủ đô của Vương quốc Ai Lao. Thành phố như hoang phế, rừng cây ngoại ô tràn cả vào trong phố xá, nhiều đường không trải nhựa, ngập từng đoạn trong bùn nước, những chiếc xe hơi cũ kỹ từ thời Pháp đô hộ chạy qua chạy lại kêu ầm ĩ bên những chiếc xe bò kéo và cả những con trâu vồ chủ hay sao đó, đi lững thững giữa những người dân bộ hành. Nhà cửa tường gạch ló lói; áo quần loè loẹt của dân phố phơi đầy dọc vỉa hè, trước hiên nhà.

Còn Xiêng Khoảng? Xiêng Khoảng đã được giới thiệu như thế nào trong tiểu thuyết? Tư liệu chiến tranh cho ta thấy đây là một miền đất giàu có và chiếm một vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong vùng tam giác Đông Nam Á:

Nếu miền Thượng Lào được xem là do những cao nguyên hợp thành thì Xiêng Khoảng – Cánh đồng Chum (XK-CĐC - viết tắt) hơn đâu hết, mới là nơi có địa mạo đầy đủ nhất các tính chất của địa hình, địa chất, khí hậu và thực động vật của một cao nguyên...

Nhìn ra toàn cục miền Thượng Lào, Xiêng Khoảng – Cánh đồng Chum có một vị trí hết sức quan trọng. Nó là cửa ngõ gần nhất để xuống Viên Chăn và Luông Phrabang. Nếu giữ được XK-CĐC, có thể tiếp vận cho Mường Sỏi – Luông

Xiêng Khoảng mù sương họa lại cuộc chiến kiêu hùng của những chiến sĩ QĐND Việt Nam quả cảm sát cánh bên những chiến sĩ Pathet Lào với khát vọng độc lập tự do, về tình đoàn kết thủy chung đặc biệt của nhân dân hai nước. Tác phẩm đã đạt giải Sông Mê Công lần thứ nhất năm 2007 và giải C cuộc thi tiểu thuyết lần thứ 3 của Hội Nhà văn Việt Nam 2006 - 2010.

việc giải phóng Viên Chăn, giành chính quyền trên đất nước Lào và đồng thời, bảo toàn được miền Bắc và miền Trung của lãnh thổ Việt Nam! Cuốn tiểu thuyết đã trở nên sống động và nên thơ một cách đặc biệt khi những tư liệu chiến sự lại trở thành một bộ phận của cốt truyện, và bị cuốn đi trong dòng chảy của không gian thời gian, của cảnh vật, của vô số sự kiện và tình cách. Trong khắp không gian rộng dài của cuốn tiểu thuyết, ta có thể gặp những đoạn văn miêu tả xen vào những câu chuyện hành quân mà hiệu quả của nó là để lại một ấn tượng về sự mênh mông vô tận của sương mù và những dãy núi điệp trùng của vùng cao nguyên Thượng Lào:

Rừng Xiêng Khoảng mùa này có một thứ sương mù không ở đâu như thế. Màn sương dày và đặc giăng phủ như không có giới hạn nào... Sương trắng quanh như bột nếp... khi đi trong màn sương mà trò chuyện thì tiếng người nói vang đi rất xa, âm lượng của giọng nói vang tăng lên gấp bao nhiêu lần, so với lúc trời không có sương.

Sương quả là đặc sản của miền đất Xiêng Khoảng, nhất là khi sương dày đặc trong các hẻm núi, che phủ các cứ điểm và làm mờ mịt những con đường. Có đến vài chục trang trong tiểu thuyết nhắc đến sương: lạnh, huyền bí, và nguy hiểm - đặc biệt nguy hiểm khi chạm giặc; nhưng có khi nhờ sương, nép vào mù sương mà lặng lẽ hành quân chờ lương thực, súng ống và đạn dược qua những triền núi cao ngàn mét; khi đó sương bao la trập trùng lại là tấm màn che an toàn nhất. Và, cũng chính ở đây, tại xứ sở mù sương đang ngày đêm chuẩn bị cho cuộc chiến sinh tử này, những chiến sĩ quân đội Việt và Pathet Lào đã chứng tỏ khả năng bám sát địa hình và tài trí thao lược của mình:

...Ngoài rừng bỗng nhiên ánh sáng mờ xạm dần, xạm dần, và ủa vào, thôi vào cuốn cuộn những đụn sương đặc sệt nhồi lên hồi tôi mức không còn ai nhìn thấy ai, và hai lỗ mũi của mọi người bỗng thấy ngón ngọt dần, và cảm giác của toàn thân giây phút này, như đang lơ lửng bay trong một cõi hồng trần nào đó. San nói nhỏ: *Sương sa tận chân rừng thế này, có lẽ sắp có nắng trong chiến thắng hay hoặc ngày mai... Chỉ độ một ngày là xe ta đi lại nhanh chóng trên đường*

đánh thuê Thái Lan, và đập tan những âm mưu phá hoại lâu dài của đế quốc Mỹ với Cách mạng Lào và Đông Nam Á.

Cứ như thế, hình tượng một Xiêng Khoảng mù sương và kiên dũng in rất đậm, rất ấn tượng trong tiểu thuyết. Viết về chiến tranh, nhưng ngòi bút Bùi Bình Thi có những lúc trở lên hết sức dịu dàng. Đây là khi người phóng viên mặt trận, nhà tiểu thuyết gia nhìn mù sương trong nhân quan của một cuộc chiến đã đến hồi kết với tâm trạng hân hoan của chiến thắng:

Sương mù buổi chiều tuy không đặc như buổi sáng, nhưng vẫn giăng giàng và trải dài từng mảng, từng mảng lớn buông thướt tha từ đỉnh rừng.

Trong thiên tiểu thuyết, hàng bao nhiêu sự việc, bao nhiêu sự kiện đã được miêu tả, mà sự kiện lớn nhất là việc tiêu diệt và làm thất bại 5 trung đoàn lính tinh nhuệ Thái Lan mang tên Hồ Lửa, Mang Bành, Hồ Vàng, Hồ Xám và Hắc Hổ. Quân số của mỗi trung đoàn là 1200 quân. Ngòi bút của Bùi Bình Thi sáng khoái vô cùng khi miêu tả chiến thắng có tính chất quyết định nhờ vào tài chỉ huy và sức mạnh của hàng loạt vũ khí hiện đại qua cảm nhận của một chiến sĩ:

...Trên một dải cỏ dài dằng dặc bằng phẳng lẫn mưa và sấm, những chiếc Môtô-tôva tiếng máy nhỏ lừ lừ cán đuổi nhau bò vào bãi cỏ, chiếc nào đằng sau cũng kéo một rơmóc... Trên mỗi mớ cỏ ấy có lấp 40 ống chênh chênh và ngẩng 40 cái miệng tròn vồ lên trời. Đó là Cachiusa 3... Bắn 2000 quả; Bắn công tác điện lần thứ nhất thì 1000 quả lần lượt vọt ra khỏi nòng và bay đến mục tiêu trong khoảnh khắc. Sức công phá của nó là không có pháo nào và tên lửa nào sánh được.

...Ồi chào! Những con chim ưng lửa vùn vụt lù lút bay lên. Tiếng rít gió cất lên dồn dập lần lượt vọng tới. Và mặt đất ngay dưới chân anh khẽ rung rung... Rồi chợt ngưng...

Trận tổng công kích vào 5 trung đoàn lính Thái Lan bằng hỏa lực pháo cao xạ 155, 105, cối 120 và tên lửa Cachiusa 3 trên chiến trường Xiêng Khoảng - Cánh đồng Chum đã kết thúc. Các sĩ quan chỉ huy trận đánh gọi đó là một trận Rạch Gầm - Xoài Mút của Tổng Tư lệnh Quang Trung, vị Hoàng Đế oai hùng đã đánh tan



dẫn, to dẫn, sáng rõ dần... Hai mươi quả. Máy bay T28 vẫn tiếp tục thả pháo sáng. Hàng pháo sáng rồi! Sáng lắm. Còn dưới đất, chúng đang chất những bao xác lính lên xe tải, hàng trăm xe, đang chạy đến, toàn xe không tải. Số còn lại hoảng loạn vội vã rút chạy về phía bên kia dòng sông Mê Kông.

Kết thúc cuốn sách phẳng phất như phần vĩ thanh của những trang tiểu thuyết cổ điển viết về chiến tranh. Từng thực tập tại Nga và say mê văn học Nga, đặc biệt là Đostôievski và Sôlôkhốp, Bùi Bình Thi đã đem được cái chất thơ mênh mông ngọt ngào và bí ẩn của một *Sông Đông êm đềm* vào Xiêng Khoảng - mảnh đất có một bình nguyên bằng phẳng tuyệt đẹp như cánh đồng Chum và có nhiều những ngọn núi trùng điệp mù sương của Thượng Lào. Những tư liệu lược ghi cuộc trao đổi lịch sử giữa đồng chí Cay Xôn Phôn Vi Hân, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và đồng chí Lê Duẩn, Bí Thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã nói thay cho hiện thực và viễn tượng của cách mạng Lào sau chiến thắng Xiêng Khoảng. Và phần miêu tả cuộc gặp gỡ của tác giả với những nhân vật đặc biệt của thiên tiểu thuyết - Thiếu tướng Nguyễn Đình San và gia đình anh - hai người vợ và các con anh - đã một lần nữa tạo thành mạch vững vàng và vẻ đẹp có hậu của thiên tiểu thuyết ký sự hùng mạnh và cũng rất trữ tình: *Xiêng Khoảng Mù Sương*. ■



NHỮNG CHIẾC GAI BÊN VỰC NỖI BUỒN

(Đọc Những chiếc gai trong mơ, tập thơ, Nguyễn Bảo Chân, Nxb Thế Giới, 2010)

TẤN PHONG

ĐẦU "Qua bao nắng mưa / Vẫn ngơ ngác con đồ xanh thiếu nữ... / Cậu bé tò mò của em... / Minh buộc vào nhau những nút thắt dịu dàng /" (Ký ức; Giản đơn; Tình yêu) Dấu "Em vụng về gõ gió/ Se tình yêu cặm cũi một mình... / Đốt tằng là khổ kỷ niệm... / Mùa thu đánh rơi nước mắt xuống chiều/ Ngọn gió vu vơ gọi về trang viết cũ/ Hoa tự mua/ Sinh nhật ủa trên bàn" Và "Anh chẳng thể nhận ra em/ Ký ức anh chống chọi bao khuôn mặt đàn bà" (Đan áo; Thơ viết cho mình; Một mình; Tình lặng) Và gọi ai đó nhiều lần, xin chàng nán thêm một phút để hái một bông hoa, "Chỉ một bông hoa nữa thôi" vì "Em đã chờ suốt đời/ Chỉ một bông hoa nữa" (Chỉ một bông hoa nữa)... Thì cũng là Nguyễn Bảo Chân ấy qua những nhúng nhỏ, khát khao, kỷ niệm, qua lớp lớp những sóng gió của cuộc đời, vẫn là một thiếu nữ đích thực, với những kỷ ức còn xanh, những quá vãng như mới chợt xảy ra.

Sau các tập Dòng sông chảy và Chân trần qua vết rết, tập thơ này có những bài rút từ hai tập trên cùng nhiều bài chỉ viết trong mười một năm qua, có thể tạm coi như tiểu kết cho một chặng dài, và lần này lại được tác giả tự chuyển sang Anh ngữ tương đương.

Qua ba phần của tập thơ, ta bắt gặp những bức tiểu họa (miniature), những khúc tự sự (ballade), những đối khúc (duo) và những bản tình ca - những romace thật sự. Những mảnh vụn của đời thực, những vết khắc trong tâm khảm, những nét hồn nhiên cùng những trải nghiệm rất nữ tính - là những ánh xạ bằng bạc, mơ hồ, đã được chất chiu trân trọng, gìn giữ nhưng không sa vào tiểu tiết, chỉ khơi gợi những cảnh ngộ, có thể đâu đó là những thân phận đồng sáng ngoài đời. Tôi có thể gọi đó là bút pháp, là cái nét riêng có của chị.

Những chiếc gai nhỏ bé chỉ mong một điều giản dị "bên vực nỗi buồn" như lời chị tự bạch. Nhưng ta nhận ra nhiều via quặng, địa tầng, hạt giống gieo vãi cho mùa sau rải rác đây đó. Tập thơ có khá nhiều bức tiểu họa - Bên Địa Trung Hải, Biển Chết, Little India ở Singapore, London, Hà Nội, Sinh nhật ở Manila, Sài Gòn tháng Tư, Medellin. Tôi cũng thích dạng thơ viết về những vùng đất, những địa danh mà phần lớn là lạ với ta này. Mô thức chung dễ gặp là những xúc cảm, những đoạn tả cảnh tả tình, những thống kê nơi chốn đặc thù kèm vài nét đặc tả. Nhưng ở Nguyễn Bảo Chân, lạ thay, hiếm thấy những nét tương đồng với mô

thức chung đó. Ở đây là những bức tiểu họa với những vệt sáng tối, những chấm phá, là những bức chân dung được diễn dịch bằng ngôn ngữ thơ như đạo đạt một cảm nhận - có trường hợp chỉ tức thời thoáng qua, nhiều ý tưởng vụt loé lên, nhưng trước hết ở đó vẫn thấm nổi niềm riêng mà những địa danh kia chỉ là đối tượng. Dấu có nghe "Tiếng chim lạc lõng khắc khoải/ Tựa vào sa mạc mệnh mông... / Mặt trời độc thoại chong chong/ Lòng như cháy cùng khô hạn... / Biển Chết bỗng bệnh ngực muối..." thì hình như điểm nhấn vẫn là "Quá khứ hằn từng nếp đá/ Dùng dằng cát níu dưới chân/ Hào phóng ngàn xưa để lại/ Nụ cười Do Thái chối chang" (Biển Chết). Bài thơ bốn khổ mười sáu câu, nhưng những điểm nhấn thật sự chỉ rơi vào dăm câu. Hay trong bài London, chỉ một lần nhắc đến sông Thames. Không có đến đài, cung điện, thành quách, ông hoàng bà chúa, sương mù, gió xoáy, hồn ma hay chàng trai phớt Anglê nào. Chỉ thấy "dấu môi ta bỏ quên... /

Soi mình/ Quá khứ/ Chớp mắt/ Hờn nay" . Có lẽ nhang nhác đầu đây, phảng phất nhưng chính xác là London nơi "kính thành lơ mơ/ say mưa/ muôn chiếc ô bóng bệ".

Đối thoại là một đối khúc tài hoa, như tự khúc, như cách ngôn của các nhà hiền triết. Lúc này tác giả sắm một vai khác. Tự ngẫu và tỉnh táo. Ví dụ: "Ngôn ngữ của đá là gì? / Những dấu chân rêu để lại" "Điều gì ở giữa sự lặng im? - Chính sự yên lặng".

Đến Người đàn bà trong bảo tàng Jaffa thì lý trí đã bị nện, ép, vắt, nới cò đơn không còn là tiếng nói tự thức, đã bốc cháy, bùng thức, xáo động, không thể kìm nén, phải kêu lên (như Charlotte Bronte vẫn hay kêu lên "Bạn đọc

đi..."). Ví người đàn bà ấy "Sáu ngàn năm ngưng khóc/ Sáu ngàn năm cúi mặt/ mặc thiên hạ chiêm ngưỡng... / giống cách họ vẫn chiêm ngưỡng những chiếc bình/ những đồng tiền và những cây đèn cổ" Và "những mảnh kính che pháo đài nàng ở/ vẫn khê run lên/ vì những hơi thở tò mò" Nhưng nàng cũng "Sáu ngàn năm tha thứ/ cho sự lãng quên/ thói bạc bẽo...".

Có lẽ, trước một tập thơ, như của Nguyễn Bảo Chân, vài lời phê bình của tôi cũng chỉ nhạt nhẽo, vô vị, hơn nữa, rất dang dở. Dấu sao, ý tưởng "bên vực nỗi buồn" vẫn khiến tôi ngờ ngàng, khơi dậy tâm cảm của tôi. Mà biết đâu, sự dang dở của tôi lại là nỗi khát khao, sự bất ngờ ở bạn.■



KÝ ỨC MÃI CHÓI SÁNG

(Đọc Cây đa ngàn tuổi và ba đứa trẻ, tập truyện, Tủ sách Thăng Long - Hà Nội, Nxb Kim Đồng, 2010)

HÀN HOA

VẪN chương xưa nay vẫn là một người - giữ - gìn - kỷ - ức hàng đầu, đôi khi thậm chí là duy nhất, với khả năng đặc thù là sử dụng những vật liệu tối thiểu mà ghi lại cả thời gian và không gian lớn lao, lại luôn luôn tái sinh khi trở về nơi xuất phát - tâm trí con người.

Với những tên tuổi đã đi vào trí nhớ một thời Tô Hoài, Xuân Quỳnh, Nguyễn Minh Châu v.v...: tập sách này làm nên một bảo tàng viện giản dị và có vẻ quá quen thuộc trong hình ảnh một cây đa cổ thụ với biển hiệu Máng Non Kim Đồng. Nhưng sức sống của một Hà Nội lịch sử lưu tồn dày dặn và tươi mới trong những trang này chắc chắn hứa hẹn những bất ngờ.

Hai mươi năm có lẽ đất thủ đô trải qua những biến đổi sâu xa và đầy sức ép của các giai đoạn tăng trưởng kinh tế - mở cửa hội nhập của thời đổi mới; dường như ai nấy đã quen hoàn toàn với một thứ nhịp điệu mới mẻ của các luồng thông tin tràn ngập và lấp



lánh thiên la địa võng các phương tiện nghe nhìn... Liệu mấy ai còn nhớ còn hình dung nền văn minh thông thả trầm tĩnh của đất Hà thành chỉ với vài ba thập niên trước? Và đó là cái nhịp điệu của những áng văn chương trong sáng, tinh tế hay hồn hậu được đưa vào cuốn sách này.

Và tất nhiên, ở đó là những con người Hà Nội, cũng những con người của nhiều vùng miền đất nước quy tụ về đất kinh sư ngàn đời, những tâm hồn Việt Nam mà một thời ca ngợi.

Truyện cho thiếu nhi ư? Cũng phải. Nhưng những người Hà Nội để hình bóng trong các truyện này đều đã đem tâm hồn thiếu niên ngày ấy đi góp vào cái lịch sử chung của xứ sở; những người lớn của các câu chuyện này thì dù còn hay mất vẫn đã dùng đời sống của họ để đắp con đường chúng ta đi ngày nay; và tâm hồn họ, qua những gì văn chương lưu dấu ở đây, là cái di sản giá trị độc đáo nhất mà họ để lại.

Sau một khoảng lùi lịch sử chưa thật gọi là dài, những biến chuyển đời sống đã đem đi rất nhiều chứng tích lịch sử. Tinh thần trong một đời sống biến chuyển cũng phải biến chuyển. Và chịu những mất mát. Vậy nên luôn cần có điều gì để lưu giữ cái khó lưu giữ hơn cả - những khoảnh khắc của lịch sử, dù có lớn lao hay dung dị đời thường. Như nhà văn Bùi Ngọc Tấn viết về ngày tiếp quản Thủ đô Hà Nội tháng Mười 1954:

"Tôi có thể quên cả những kỷ niệm vui sướng lẫn khổ đau, nhưng những ngày chúng tôi đi tiếp quản Thủ đô mãi mãi là những ngày chói sáng trong kỷ ức..."■

THƠ VỀ NHỮNG KHÁT VỌNG KHÔNG CÙNG

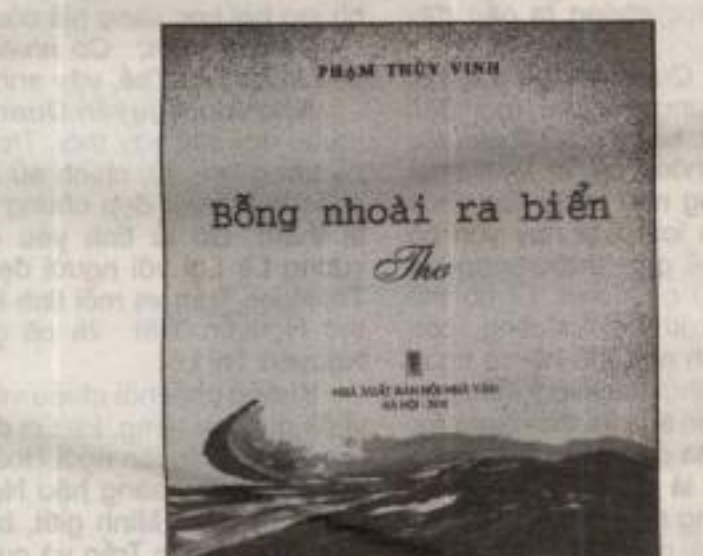
(Đọc Bồng ngoài ra biển, tập thơ của Phạm Thuý Vinh. Nxb. Hội Nhà văn, 2010)

BÙI VIỆT MỸ

BẮNG đi một thời gian, nay tôi được đọc một tập thơ mới - mới theo đúng nghĩa của ngôn từ. Tập thơ vừa phải với cảm giác của một thiếu - phụ - trẻ - đẹp. Bởi vậy, như người khát nước, đọc mỗi bài, uống một ngụm, đọc xong rồi vẫn còn khát. Thật thế, thơ Phạm Thuý Vinh rất tự nhiên, chỉ cứ thể hiện tâm trạng của mình mà không cần biết nó đã đầy đặn chưa. Chỉ biết, cái chén có thể, rót đến miệng thì dừng lại, thoả khát sang chén khác.

Hầu như toàn bộ thơ trong tập, Phạm Thuý Vinh thể hiện nỗi khát khao bản năng của một thiếu nữ mà tác giả là đại diện cho cả thế hệ ấy. Chị muốn vươn tới nhu cầu trọn vẹn của ước vọng nhưng không bao giờ đạt tới được. Đây là quy luật cuộc sống và quan trọng hơn - dấu là nhỏ hơn - là quy luật của thơ: sự thiếu hụt câu từ so với ý muốn của người viết. Hình như thời gian không chiếu theo chị và chị không tranh thủ được nó ở từng thời điểm nên số bài trong tập hình thành hai chiều cơ bản: một là sự khát vọng nuôi tiếc từ kỷ ức và hai là khát vọng vươn tới cái đẹp, cái thiện - mỹ.

Chính từ sự thiếu hụt mà Phạm Thuý Vinh nung nấu đã làm giàu thêm khát vọng, đôi khi là một khát vọng què quặt, vụn vặt. Tôi cũng nghiệm thấy rằng, cuộc sống đích thực là



nó tập hợp được những sự việc, những nghĩ suy vụn vặt và quần quanh đó. Nói rộng ra, sự hoàn mỹ được hình thành từ chính sự vươn tới của cái mới chưa hoàn chỉnh. Cái chưa hoàn chỉnh đó có nội dung và diện mạo riêng. Có lẽ đây là lý do để chị đặt thành "tuyên ngôn" riêng cho thơ mình.

Anh ơi, có kỳ quặc không khi em nói mình cần sự điên rồ Em không thể yêu nổi một người lúc nào cũng đúng...

Thơ Phạm Thuý Vinh không cần khuôn thước hay gò ép vần điệu. Chị là người làm báo nên lối thể hiện thơ cũng có ảnh hưởng khá nhiều. "Tôi đo nhờ bằng cách cộng lại những vệt nắng vàng loang thành tên anh sau bức tường rêu thẫm" - những câu như thế không ít, song cũng khó làm khác đi được bởi những ý nghĩ bề bộn và chặt chẽ cần được giải thoát. Song, dấu thế nào thì ở từng bài, từng câu trong thơ Phạm Thuý Vinh cũng tự nó tạo thành vần điệu, đủ sức hàm chứa và toả sáng hình ảnh, âm thanh: "Phố cũ lắm rồi anh nhỉ? / Chiều lặn qua vũng mặt trời/ Thu rụng trên vòm sấu ủa/ Anh cười xưa một vành môi...". Tôi trích đoạn này còn là để nói thêm rằng, đây là đoạn thơ tròn trĩnh hiếm thấy trong tập bởi hầu như thơ chị ưa bút lên, không có đoạn kết giống như ước muốn cứ mãi chỉ là khát vọng, dấu là ở hiện tại hay trong tương lai. Tất cả đều có góc cạnh đủ tạo ra một diện mạo riêng mình.

Theo cách này, tôi tin rằng chị sẽ còn thành công hơn ở những sáng tạo mới.■

PHẠM ĐƯƠNG

Esperanza^(*)

(Nhân cuộc giải cứu 33 thợ mỏ Chile)

T
hấp lên trong ba chút đốm sáng nhọc nhằn
Sáu mươi chín ngày sống trong địa ngục
Những tia hy vọng xuyên qua đường hầm
Dài hơn tất cả những chờ mong cộng lại

Không chỉ có Ariel Ticona (**)
Không chỉ có 33 số phận
Cả đất nước Chile cùng mang tên con
Tên của mọi niềm hy vọng
Esperanza

Nhưng con có biết không
Ba ngàn thợ mỏ đã từng bị mắc kẹt trong đường hầm
Pinoche (***)
Vinh viễn không được giải cứu để trở về
Máu của họ đã thành những vĩa than
Chảy đen mặt đất
Esperanza lúc ấy ở nơi nào
Pablo Neruda
Người có biết?

Khi Tổ quốc bị nhuộm đen màu quân phiệt
Các mỏ than đều bị kín đường hầm
Mỗi người thợ tự đào cho mình lối thoát
Esperanza từ bóng tối lại vang ngân...

(*) Esperanza có nghĩa là "Hy vọng".

(**) Ariel Ticona: Một trong 33 thợ mỏ có đứa con sinh trong
lúc anh bị mắc kẹt trong lòng đất. Vợ anh đặt tên cho đứa
con gái là Esperanza.

(***) Pinoche: Nhà độc tài Chile đã từng thủ tiêu 3.000 người
đội dân chủ của nước này.

Hạt thóc và bom

N
hững hạt thóc bị giam suốt ba ngàn năm
giờ vẫn nảy mầm
không một nhà tù nào có thể nuốt được khát vọng

những trái bom mai phục trong đất
ba mươi lăm năm sau
sự thanh bình vẫn bị xói tung lên
không một xích xiềng nào có thể giam được cái ác

con người đang sống với những hạt thóc
sau ba ngàn năm
con người đang khóc với những trái bom
sau ba mươi lăm năm

chúng ta cười vui chúng ta mếu mào
chỗ này tung hô chỗ kia lếu lếu
chúng ta đang đi trên những chiếc dấy
trong rạp xiếc
tìm sự thăng bằng giữa hạt thóc và bom.

Cái bóng

L
ão đeo theo anh suốt ngày
Cái bóng thủy chung

Anh vui anh buồn anh cười anh mếu
Cái bóng một màu im lặng

Khi anh thành cái bóng của người khác
Sự thủy chung
Màu im lặng
Biến mất

Nhè nhẹ

X
in nhè nhẹ tay tí em
cánh cửa không có lỗi
đừng tưởng tượng anh là cánh cửa

xin nhè nhẹ em bước chân
sàn nhà ta nào có lỗi gì
đừng tưởng tượng anh là viên gạch

bao năm qua
anh luôn để ngỏ tất cả các lối vào
không dựng trạm thu phí
bởi anh tin vào sự lương thiện

khi kẻ trộm đã vào nhà
bằng những bước chân không hề lên
ấy là lúc
những chiếc khóa tâm hồn trở nên vô nghĩa

xin em nhè nhẹ
những cánh cửa đã từng giữ nhà ta
lúc trở trời trái gió
lúc chúng ta còn là những ngọn đèn hạt đỗ
bão thổi tứ bề

xin em nhè nhẹ
những viên gạch nhà ta
từng in dấu chân con trẻ
ngày mai dù chúng trầm miến
đọc dài rừng bể
trong anh
những viên gạch ấy vẫn còn nguyên

xin em nhè nhẹ

KÝ ỨC NHƯ LÀ...

(Tiếp theo trang 3)

ơn tổ tiên. Đó là cái duyên kỳ ngộ của một
đứa cháu ngoại xa xôi. Sau này đã là nhà
văn, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, với kho tàng
sử cũ, sử liệu còn lại đến ngày nay như *phê
đồ Lam Kinh*, *bìa Vĩnh Lăng*, *Lam Sơn thực
lục*, *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại
cáo* và gần như toàn bộ *Quốc âm thi tập* của
Nguyễn Trãi... tất cả đã là nguồn cảm hứng
thời thúc tôi phải viết một cái gì đó về Lam
Sơn. Theo tôi, đây là một cuộc khởi nghĩa
giải phóng mẫu mực với chiến lược chiến
thuật tài tình và đặc biệt cách thức kết thúc
chiến tranh mà "cổ kim chưa từng có" (Lê
Quý Đôn). Bài học sáng giá ấy của cha ông
vẫn còn giá trị cho đến ngày nay. Tiểu thuyết
Hội Thề không chỉ đóng khung trong phạm
vi bảy ngày của cuộc chiến tranh giải phóng.
Trong bảy ngày đó, tư tưởng nhân văn kiệt
xuất của Lê Lợi, Nguyễn Trãi được xuất thần
bằng *Hội Thề*, "mở đường hiếu sinh" cho
mười vạn quân xâm lược phương Bắc đang
chịu trôi và nhen tính hòa hiếu giữa nhân dân
hai nước cứu địch, đặt móng cho nền độc lập
và giấc mộng thái bình kéo dài 365 năm cho
Đại Việt. Cũng trong bảy ngày ấy những con
người là nhân vật trong tiểu thuyết đã bộc lộ
được bản chất của mình, trong đó nổi bật
mối liên hệ phức tạp nhưng cũng rất người
giữa vị lãnh tụ được lịch sử chọn "vì vương"
Lê Lợi với nhà thơ, nhà tư tưởng "vì thần"
Nguyễn Trãi. Mối quan hệ này cũng là mối
quan hệ muốn thuở giữa quyền lực và trí thức
trong chiến tranh cũng như trong hòa bình,
từ Lũng Nhai đến Lê Chi Viên. Âm vang của
nó vẫn đang chi phối rất nhiều cuộc sống
chúng ta, nhất là trong thời đại kinh tế tri thức
được đưa lên ngôi hôm nay. Và tôi muốn
những trang tiểu thuyết của mình thấp lên
ngọn đèn để làm sáng rõ bài học quý báu,
cổ hào quang và nước mắt, có thương yêu
lẫn hận thù của cha ông để lại. Tôi nghĩ
không nhà văn nào viết tiểu thuyết lịch sử chỉ
là để kể chuyện lịch sử không thôi.

Phóng viên: Anh hình dung ra các nhân
vật Lê Lợi và Nguyễn Trãi như thế nào? Có
sự giúp đỡ đáng kể nào từ các nguồn lịch sử
và khảo cổ hiện đại hay không?

Nhà văn Nguyễn Quang Thân: Với tôi,
những anh hùng Lam Sơn áo vải đã thực sự
"sống" trong tôi từ thời thơ ấu. Các hình

tượng nổi bật như "vua ta" (lời mẹ tôi
thường nói về Lê Thái Tổ), Nguyễn Trãi (đã
lấy của tôi nhiều nước mắt với kỳ án Lê Chi
Viên vì với suy nghĩ của một đứa trẻ, tôi
không thể nào hiểu nổi vì sao lại có "rắn
bảo oán" và cảnh đầu rơi máu chảy tang
thương ấy), những anh hùng tướng lĩnh
khác như Lê Sát, Đinh Lễ, Trần Nguyên
Hãn... và cái chết bi thảm sau này của họ
bởi chính tay Lê Thái Tổ hay Thái Tông và
triều thần tàn triều cũng đã dặt nên trong
tưởng tượng non nớt của tôi những giấc mơ
hải hùng, khó hiểu. Tôi muốn viết để giải
mã những cơn ác mộng đầu đời. Sử liệu
khảo cổ chủ yếu nuôi dưỡng cảm hứng và
kiến thức lịch sử của tôi chứ không phải là
yếu tố có thể can thiệp vào trí tưởng tượng
của người viết tiểu thuyết. Tôi mô tả các
nhân vật, y phục, lời ăn tiếng nói, cử chỉ của
họ như họ đã "sống" trong tôi từ ngày thơ ấu
đến hôm nay. Tôi muốn họ là sản phẩm của
chính sự tưởng tượng của mình.

Phóng viên: Anh có nghĩ việc giải A
duy nhất của cuộc thi này thuộc về *Hội Thề*
là một dấu hiệu về sự quan tâm, ưa thích,
xu hướng hướng đến tiểu thuyết lịch sử
trong đời sống văn học chúng ta gần đây
hay không?

Nhà văn Nguyễn Quang Thân: Là dấu
hiệu đáng mừng nhưng còn xa mới đến
ngày mơ ước. Lịch sử, kể cả lịch sử dân tộc
đang bị xa rời nếu không nói là lạnh nhạt
trong nhà trường cũng như trong tâm thức
người hiện đại. Nhân loại xưa nay vốn có
thói quen đi thụt lùi về phía trước trong khi
quay mặt lại quá khứ phía sau. Đi có thể
chậm nhưng có quá khứ soi đường, con
người đỡ lảm lặc. Hình như thế hệ trẻ ngày
nay với dự đồng lõa ý thức hay vô ý thức của
nhà trường, đang muốn sửa lại thói quen ấy.
Nhưng tôi nghĩ người ta đã nhầm. Tưởng bỏ
lại cái ba lô quá khứ là có thể bắt phá, đi
nhanh hơn, tăng trưởng nhanh hơn, giàu có
nhanh hơn. Không phải như vậy. Không biết
sử nước nhà mà "khi cần mới hỏi Google" thì
con em dân tộc ấy vẫn sẽ mãi mãi là trẻ
con. Tương lai dân tộc ấy sẽ như thế nào?
Đó không chỉ là sự bội bạc mà còn là một
nhầm lẫn to lớn. Dòng tiểu thuyết lịch sử
giúp tìm lại cảm hứng đang có xu hướng



Các tác giả nhận Giải C

Ảnh: HỮU ĐỒ

ngươi tắt với quá khứ. Điều quan trọng là
tiểu thuyết lịch sử phải kéo những gì chìm
lấp dưới bụi thời gian thành ánh sáng trong
cuộc sống hiện đại chứ không phải giúp độc
giả nhăm nhĩ quá khứ như gặm nhấm một
lạc thú của chính mình. Mong sao chúng ta
sẽ có những nhà văn không biết để người
lạnh tình yêu, những kỷ niệm vui buồn và
những bài học sáng giá của cha ông.

Phóng viên: Có nhiều ý kiến về tình
yêu trong *Hội Thề*, vậy anh nghĩ thế nào?

Nhà văn Nguyễn Quang Thân: Yêu thì
muôn đời đều vậy thôi. Trong *Hội Thề* (và
cả trong lịch sử, chính sử hàn hoi) có hai
cuộc tình tuyệt đẹp nhưng đều có kết thúc
bi thảm. Đó là tình yêu của đáng quân
vương Lê Lợi với người đẹp tài sắc Phạm
Thị Ngọc Trần và mối tình Hồ Tây giữa nhà
thơ Nguyễn Trãi và cô gái Thăng Long
Nguyễn Thị Lộ.

Không phải nói nhiều về mối tình thứ hai
vì đã quá nổi tiếng. Lê Lợi đã yêu, đã lấy và
tôn Ngọc Trần lên ngôi Hoàng Hậu sau khi
mẹ Tư Tế là hoàng hậu Nguyễn Thị Ngọc
Lữ đã bị quân Minh giết, bà là một liệt nữ
Lam Sơn. Ngọc Trần và cuộc tình với Bình
Định Vương bị dòng họ Phạm vai vế ở Lam
Sơn đặt trong cuộc sắp xếp đày ăm mưu,
muốn dùng tình yêu của nàng làm vật hiến
tế cho ngôi báu của đứa cháu ngoại họ
Phạm là công tử Nguyễn Long tức Lê Thái
Tông sau này. Gọi là âm mưu vì tuy mục

đích "đi đêm" của họ Phạm với nhau thì như
vậy, nhưng bên ngoài được công bố như là
một sự hy sinh thân thành để khích lệ quân
sĩ trước chiến dịch cuối cùng, theo tập tục
ra quân thời đó, vùng đất đó. Lê Lợi, người
anh hùng đa tình (hình như anh hùng, nhân
vật tiểu thuyết cũng như lịch sử, thường đa
tình như Hạng Vũ, Từ Hải, Trần Hưng Đạo,
Quang Trung v.v.) đã phải gạt nước mắt
giữa trận đồ bát quái của âm mưu chính trị.
Nhà vua đã chấp nhận hy sinh, đã âm thầm
khóc kể cả trước ba quân, ngay giờ lâm tử
của người yêu – hoàng hậu. Mối tình tuyệt
đẹp và bi thảm ấy đã được đặt lên bàn thờ
để góp phần vào chiến thắng cuối cùng,
cũng đã phục vụ cho mục đích thiên cận và
có thể gọi là độc ác của họ Phạm. Nhà vua
có thể biết tất cả những chuyện đó nhưng
Người đã quyết định hy sinh trong đau đớn
tột cùng. Hy sinh một cuộc tình cho chiến
thắng của quân khởi nghĩa, cho nền độc lập
của đất nước có ý nghĩa nhân văn cao cả,
không mấy anh hùng trong lịch sử bị rơi vào
hoàn cảnh éo le ấy và cũng không mấy
người hy sinh được như thế.

Còn Vương Thông và cô gái Thăng
Long cướp được trong chiến trận hay hang
tướng Thái Phúc và một ca kỹ bỏ lạc trên
nguồn sông Hồng, sao có thể gọi là "những
cuộc tình" để so sánh?

NGUYỄN CHÍ HOAN thực hiện



TẮM LÒNG NGƯỜI NGHỆ SĨ...

THỤY PHƯƠNG

Nhiều năm là Trưởng phòng Nghệ thuật Vụ Nghệ thuật Sân khấu, rồi Cục Nghệ thuật biểu diễn - Bộ Văn hoá, Thể thao & Du lịch; nhà viết kịch Văn Sử đã gắn bó với nghiệp sân khấu suốt trong 30 năm qua. Sáng tác cho nhiều thể loại: Kịch nói, Chèo, Tuồng... nhiều đề tài từ hiện đại, lịch sử, dân gian đến dã sử... với hàng chục tác phẩm có giá trị, với nhiều Giải thưởng, Huy chương Vàng, Bạc... Văn Sử đã khẳng định một vị trí của mình trong đội ngũ các tác giả sân khấu đương đại Việt Nam...



Tác giả Văn Sử

SINH ra, lớn lên tại thôn Ngọc Bộ xã Long Hưng, huyện Văn Giang, Hưng Yên, một trong những trung tâm của nhiều loại hình nghệ thuật đồng bằng Bắc bộ. Cùng với Kịch nói, Cải lương của kinh thành Thăng Long; Chèo Thái Bình; Tuồng, dân ca Quan họ Bắc Ninh; thì Hưng Yên, Hải Dương đã làm nên tiếng Chèo xứ Đông nổi tiếng. Vì thế, Văn Sử - chàng thanh niên làng say mê văn nghệ như điên đảo - bắt đầu đi vào con đường văn hoá, văn nghệ quần chúng cũng là lẽ đương nhiên. Ngoài ra, Văn Giang còn là quê hương nhà văn lừng danh Nguyễn Công Hoan - với những truyện ngắn, tiểu thuyết nổi tiếng - đã tạo nên những ấn tượng đẹp đẽ trong tâm hồn chàng trai trẻ. Năm 1964, tròn 20 tuổi; sau thời gian tập tành sáng tác cho văn nghệ làng, Văn Sử đã trở thành cộng tác viên của Ban Văn nghệ Đài Tiếng nói Việt Nam, với những khúc dân ca, những trích đoạn Chèo ngắn như *Tiến anh lên đường*; *Tiếng hát trên cánh đồng*... Những tác phẩm văn nghệ nôm na đầu tay đó, được nghe qua ga len, thu bằng chiếc đài nhỏ từ những sợi dây thép bắc qua ngọn cây cao, luôn luôn được dân làng, nhất là lớp trẻ yêu thích. Được phát trên đài, rồi được in trên báo là một hành trình tất yếu của Văn Sử khi được bà con cổ vũ, động viên. Bài thơ được đăng đầu tiên của anh trên báo Quân đội Nhân dân có nhan đề *Lá thư hậu phương* rất đặc trưng cho văn nghệ quần chúng giai đoạn đó; sau lại được Đài TNVN

thu thanh qua chính giọng ngâm của tác giả, đã khiến Văn Sử tiến thêm một bậc trong sự nghiệp sáng tác, khi anh lần la sang lĩnh vực viết kịch bản ngắn cho hội diễn, với hàng loạt tiết mục ra đời như *Cây sung sừng*; *Làm theo lời Bác...* Rồi kịch bản *Diễn tích Chèo xưa* được văn công tỉnh dân dựng, đã đưa Văn Sử men men bước vào con đường sáng tác chuyên nghiệp, và trở thành cây bút của Hưng Yên trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước... Sau ba năm làm tờ nguyệt san Văn nghệ của huyện, Văn Sử được Trường ty Văn hoá tỉnh giới thiệu đi học đại học; và năm 1974, anh được xuất ngoại sang học biên kịch, biên tập kịch bản tại Khoa sân khấu, Trường Đại học Tổng hợp Hum Bon - Béc Lin (CHDC Đức cũ). Tại đây, anh tình cờ được gặp ông Trần Độ - một trong những nhà lãnh đạo văn hoá hồi đó - khi ông sang dự công tác. Vì thế, sau khi tốt nghiệp với tấm bằng đỏ trở về nước năm 1981, Văn Sử được ông giới thiệu về Vụ Nghệ thuật Sân khấu, thuộc Bộ Văn

hóa. Cuộc đời hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp của Văn Sử bắt đầu từ đó...

Và rồi, đúng là mỗi con người đều có duyên, có phận trước những bước ngoặt của cuộc đời - khi Văn Sử về Vụ Nghệ thuật Sân khấu - phải nói là khá gặp thời, gặp thế. Vừa chân ướt chân ráo đến nhiệm sở, Văn sử đã gặp ngay tác giả sân khấu danh tiếng Hoàng Yến đang đảm nhận công việc sự vụ ở đây. Ông nói khẽ: "Vụ Sân khấu, tiếng là cơ quan nghệ thuật, nhưng công việc lại rất công chức. Muốn làm gì, chủ cũng cố giữ lấy tư chất nghệ sĩ thì đời mới thú vị được". Bài học ngắn gọn đầu tiên của bậc nghệ sĩ tiền bối, đã in dấu khá đậm trong cách sống sau này của Văn Sử. Cuối những năm 80 của thế kỉ XX, là thời kì đất nước ta bắt đầu đi vào con đường đổi mới. Báo Văn nghệ - Hội Nhà văn, đã in các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, ký của Phùng Giá Lộc... Bên sân khấu đã nổi lên Xuân Trinh, Hồng Phi, Tào Mạt, Lưu Quang Vũ... làm dậy lên trong lòng Văn Sử những niềm đam mê sáng tạo mới mẻ. Được học tập một cách bài bản về lý luận kịch và triết học tại quê hương của Mác, Ăng-ghen, Gớt và Sin-lơ... nên Văn Sử biết cái gì cần bảo vệ, cũng như cái gì cần gạt bỏ. Với vị trí quản lý của mình, cùng với sự tôn trọng tài năng, không tự hiềm ghen ghét các đồng nghiệp; trong vai trò thẩm định kịch bản, anh luôn đưa ra những luận điểm chính xác để bảo vệ, giải thích với cấp trên về kịch bản hay. Làm công tác quản lý bận rộn với đủ thứ sự vụ của người gác đền thiêng sân khấu, nhưng niềm say mê sáng tạo vẫn luôn thường trực trong Văn Sử. Và rồi, kịch bản *Tuồng Không còn đường nào khác*, ra đời năm 1986 (chuyển thể từ tác phẩm văn học cùng tên, viết về nữ Tư lệnh Anh hùng Nguyễn Thị Định của Trần Văn Phách); do đạo diễn Đoàn Anh Thắng dàn dựng cho Nhà hát Tuồng Việt Nam, đã ra mắt công chúng Thủ đô; đã để lại nhiều sự kiện nhớ đời cho Văn Sử... Đêm công diễn, bà Nguyễn Thị Định lên ôm chầm lấy NSND Mẫn Thu trong vai bà Ba Định. Bà Định thật và bà Định diễn viên đều khóc.

Rồi bà Nguyễn Thị Định nói trong nước mắt: "Nhờ vở diễn này, tôi thấy lại ba, má, những người thân và quê hương Bến Tre đồng khởi của tôi". Đêm công diễn, tác giả Văn Sử đứng sau cánh gà theo dõi. Anh thực sự lo lắng khi NSND Tiến Thọ trong vai diễn Bác Hồ bước ra sân khấu, bởi đây là lần đầu tiên, hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh được thử nghiệm với nghệ thuật Tuồng... Tất nhiên, vở diễn đã thành công ngoài mong đợi. Bộ trưởng Bộ Văn hóa lúc đó là Trần Văn Phách (cũng chính là tác giả văn học), đã chúc mừng Văn Sử - vì việc đưa đề tài hiện đại, người thật việc thật là một thách thức lớn với thể loại Tuồng...

Một kỷ niệm khó quên nữa là khi sáng tác kịch bản *Kính chiếu yếu*, cho Nhà hát Chèo tham dự Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc năm 1999-2000. Theo kế hoạch cũ, Nhà hát mang vở *Trẻ cóc* của tác giả Trần Đình Ngồn đi dự. Bất ngờ, vở này có trục trặc. Nhà hát cuống lên, đành cậy cục nhờ ông Trưởng phòng Nghệ thuật Văn Sử. Cục chẳng đã, vì cũng phải ngẫm ngời, suy tính cho kín nhẽ với đồng nghiệp của mình, Văn Sử đành lao vào chữa cháy. Không ngờ, kịch bản mượn đề tài xưa để phê phán thói tham nhũng hôm nay của anh lại được tặng Huy chương Vàng vì sự xuất sắc của tích trò, cùng những mảng miếng dàn dựng tạo sức hút đối với khán giả... Nhớ lại từ trước, năm 1990, vở diễn *Cánh ngọ giữa đời*, ngoài Nhà hát Kịch Việt Nam; thì năm đoàn khác dân dựng, cũng đoạt giải A Hội diễn toàn quốc năm đó. Rồi *Vàng đen* (2008), viết về chống tiêu cực, tẻ nạn tham nhũng (Đoàn kịch Nam Định) tạo nên một dư luận tốt với cách thể hiện những đề tài nóng, đương đại mà cả xã hội đang quan tâm... Mặc dù trông bề ngoài hiền lành, khiêm tốn, rụt rụt, nhưng Văn Sử không né tránh những vấn đề gai góc, những dân vật, đấu tranh giành xé giữa những con người với nhau; những mâu thuẫn xã hội không thể tránh khỏi trong công cuộc đổi mới, hội nhập của đất nước... Nhưng, đúng như lời tâm sự của anh: "Trách nhiệm lớn nhất của người nghệ sĩ, của một tác giả sân khấu chân chính; là phải đấu tranh cho lẽ công bằng của xã hội; nói lên tâm tư, ước vọng, tình cảm của nhân dân mình, đất nước mình... Đó cũng chính là tấm lòng và mơ ước của tôi!"...

NGHĨ VỀ HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH!

MẠNH CƯỜNG

Đã trên nửa thế kỷ trôi qua trong suốt chiều dài lịch sử, kể từ sau Chiến thắng Điện Biên Phủ 7-5-1954 và Đại thắng mùa xuân 30-4-1975 với chiến dịch Hồ Chí Minh - Giải phóng miền Nam, thống nhất hoàn toàn đất nước. Cùng với cả dân tộc, hình ảnh người chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam đã trở thành một biểu tượng tiêu biểu cho ý chí "Trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng". Và hình tượng người lính đã trở thành một đề tài gần gũi, thân thuộc, phong phú và đa dạng, không thể thiếu được trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật trong đó có sân khấu...

Thời gian vẫn cứ thế trôi qua, tự nhiên và bình thản, nhưng thời gian vẫn còn làm động mãi trong ta những tác phẩm về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng. Bởi qua mỗi tác phẩm đó, càng ngày chúng ta càng hiểu hơn về người lính, hiểu hơn về các thế hệ cha anh từ thời chống Pháp, chống Mỹ, và nhất là những người lính trẻ hôm nay. Hiểu hơn về cái sống và cái chết, cái anh hùng, cao thượng và thấp hèn, cả những ước mơ thầm kín, bé nhỏ, giản dị và cuộc đời thường nhật của họ, trong một đời sống "hiện đại" ấm ã, xô bồ, náo nhiệt của thời buổi kinh tế thị trường, hội nhập. Càng ngày, ta càng cảm nhận rõ ràng hơn về phẩm chất người lính qua những vở diễn của các đoàn nghệ thuật quân đội trong suốt 35 năm qua (từ sau Giải phóng miền Nam đến nay). Từ Nhà hát Kịch Quân đội với *Cuộc đời và năm tháng*, *Hẹn đến ngày mai*, *Người đàn bà mộng du*, *Khát vọng*, *Cái chết chẳng dễ dàng gì*, *Những dấu chân thời gian*, *Lời thề thứ 9*, *Bản hùng ca lính thiêng*, *Những linh hồn thức...* Từ những kịch mùa, thơ mùa của các Đoàn Ca mùa Quân đội, Quân Khu I, Quân Khu II, Quân Khu V... đến hình ảnh những chiến sĩ không quân, hải quân và bộ đội biên phòng của Đoàn Ca mùa Không quân, Hải quân và Đoàn Nghệ thuật Bộ đội Biên phòng. Tất cả những hình tượng về người lính đầy ắp cảm xúc, là những bài học cho ta hiểu hơn những gì là mất mát của dân tộc Việt Nam,

cả những người sống và những người đã hy sinh trong hai cuộc kháng chiến thần thánh. Ở vở diễn *Cuộc đời và năm tháng* (tác giả, đạo diễn NSUT Tạ Xuyên), đã ghi sâu và cảm nhận về người lính - đứng cầm trong chiến tranh, binh dị, cao thượng trong tình cảm và đời sống thường nhật. Sau giải phóng miền Nam, cũng chính những người lính bình thường ấy lại lặng lẽ góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc tái thiết đất nước. Họ gạt qua tất cả - nước mắt, máu, mồ hôi, đắng cay, gian khổ - một cách bình thản đến kỳ lạ, bởi họ hiểu rằng, cuộc sống nhất định sẽ tiến lên phía trước. Nếu trong *Hẹn đến ngày mai* (tác giả, đạo diễn NSUT Vũ Minh), hình ảnh các chiến sĩ - những người lính trẻ hôm nay - như em mình, như con cháu mình; họ yêu đương và hôn giết thật hồn nhiên, tươi trẻ, nhưng khi giáp mặt kẻ thù, họ lại đứng cầm hơn bao giờ hết; thì trong *Cái chết chẳng dễ dàng gì* (tác giả Xuân Đức, đạo diễn NSND Dương Ngọc Đức), người lính và những cánh rừng Trường Sơn lại hiện lên thật rõ ràng, đậm nét, với hình ảnh Bác Hồ như đang cùng hành quân qua mọi nẻo đường đánh Mỹ và thắng Mỹ của cả dân tộc! Trong khi đó, vở *Lời thề thứ 9* (tác giả Lưu Quang Vũ, đạo diễn NSND Xuân Huyền) lại được khán giả hết sức yêu mến, bởi các tác giả đã dựng nên hình ảnh những người lính rất trẻ hôm nay - vui nhộn, nghịch ngợm, có khi còn cả tự do, vô kỷ luật - nhưng cuối cùng, chính sự thông minh, lòng dũng cảm và truyền thống cao quý đã giúp họ vượt qua tất cả. Tình yêu lại đến với họ. Cuộc sống mỉm cười với họ, bằng những gì là độ lượng và tốt đẹp, thủy chung và cao cả nhất...

Cũng trong ba mươi lăm năm qua ấy, tại các Hội diễn Sân khấu, Ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc của cả trong và ngoài quân đội, đã xuất hiện khá nhiều vở diễn về người lính, với những thành công và có cả thất bại. Rõ ràng, sân khấu với mảng đề tài thân thuộc, hấp dẫn, cuốn hút này, đã và đang đòi hỏi không ít sự đầu tư công sức. Cái cần có nhất là phải tâm huyết, phải yêu người lính và cuộc sống của họ; thì mới phản ánh được những gì là chân thực

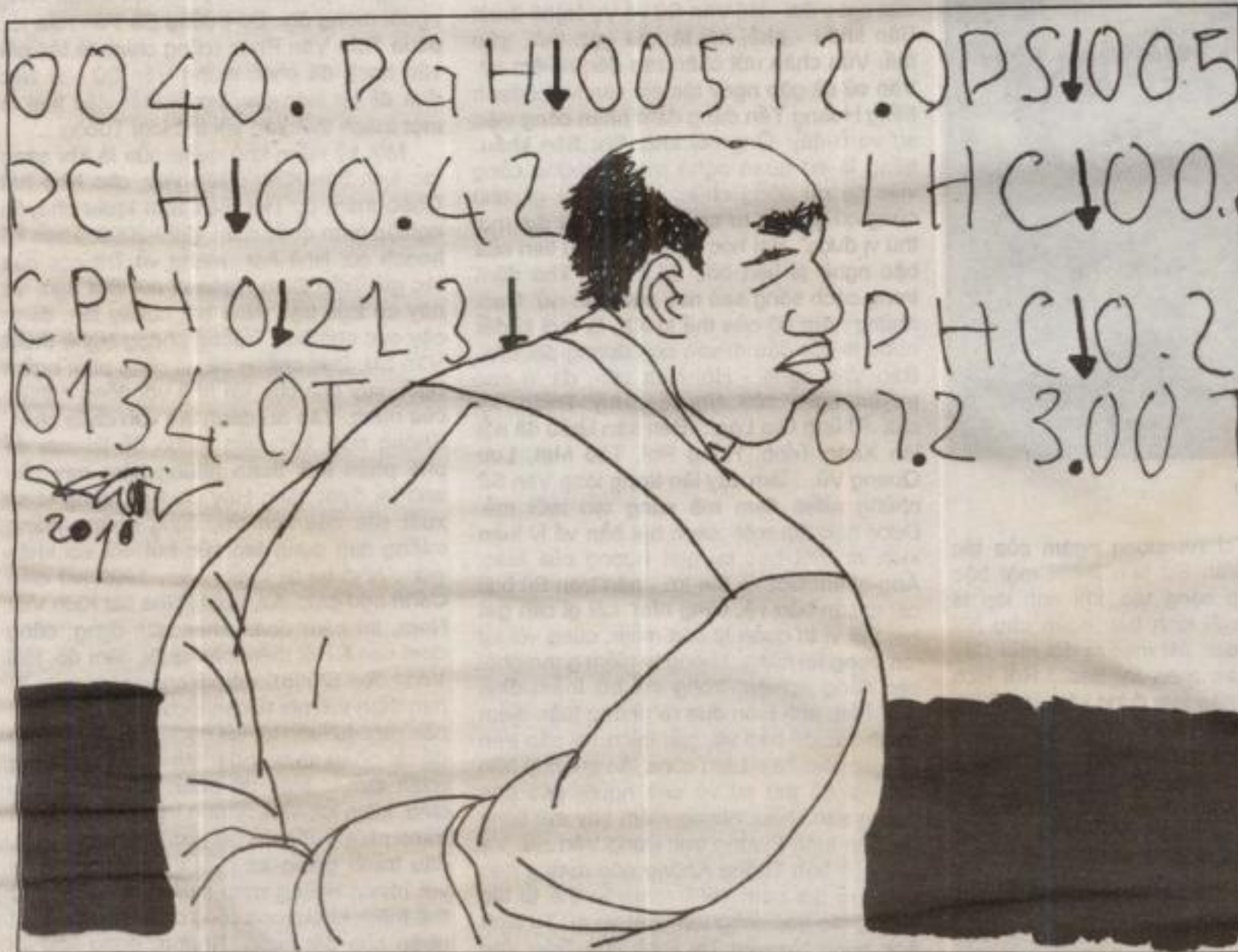


Vở *Khúc tráng ca* ngày ấy của Đoàn Kịch nói Quân đội
Ảnh: HỮU ĐỒ

về người lính. Lâu nay, chúng ta thấy xuất hiện không ít những vở diễn, mà trong đó, các tác giả chỉ tỏ vẻ một cách sơ lược, khô khan, nhạt nhẽo hình tượng người lính - chỉ có chiến đấu, chiến thắng, và hy sinh. Hình như, chúng ta quên mất rằng, người lính cũng chỉ là một con người bình thường - và rõ ràng, họ càng bình thường bao nhiêu, thì khi trở thành anh hùng, họ càng được kính trọng bấy nhiêu. Và tất nhiên, chẳng lẽ người lính nào cũng phải trở thành anh hùng, chẳng lẽ, họ không thể là một người bình thường mãi được hay sao? Cũng chính vì quá tuyệt đối hoá người lính, mà hình tượng về họ trên sân khấu không hấp dẫn khán giả - ngay cả khán giả là lính, huống gì là khán giả ngoài quân đội - cho dù, trong trái tim mọi người, hình ảnh người lính bao giờ cũng hiện lên thật đẹp đẽ, thân thiết, đáng yêu. Bởi, nghĩ cho cùng, đề tài vẫn chỉ là duyên cớ. Muốn thu, nghệ thuật vẫn phải nói về con người, cho con người và vì con người; trong đó có người lính - Anh Bộ đội Cụ Hồ - yêu quý của chúng ta!

SẾP TRIỆU ĐỒ

Truyện ngắn của VĂN ANH



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

BƯỚC vào tuổi 30 trán gã hơi mênh mông đến đỉnh đầu, trông giống hệt như nhiều chính khách hàng đầu trên thế giới. Có người bảo gã nửa mặt lâu hơn gọi đầu. Lúc béo tốt mặt hồng hào phương phi trông gã ra vẻ mang thương hiệu sếp. Hằng ngày gã đi đi lại lại qua các phòng các tổ điều hành công việc. Gã đứng chân chỗ nào đám tiểu yêu vâng dạ rồi rít về như muốn sếp sai khiến một việc gì để thể hiện ta đây cũng thuộc "cạ" của sếp. Nhưng phòng hành chính chỉ là một mớ hỗn độn đông đúc chật hẹp, người chơi nhiều hơn làm lấy đầu ra việc mà làm. Gã chỉ lướt lờ cho có vẻ sâu sát rồi tốt về phòng ngồi co ro một chỗ chờ hết thời gian. Gã hiểu làm sếp không phải lúc nào cũng oai oách với người lao động được. Bởi gã còn muốn giấu cái bộ mặt thất thần vì lo mất tiền mất của kia.

Công ty cổ phần Hoa Điện tổ chức bán cổ phần lần hai thì phong trào mua cổ phiếu trong giới đầu tư rộ lên sôi động lan tỏa ra khắp cả một vùng huyện thị. Ngồi đâu chỗ nào, người ta cũng sôi nổi bàn tán về giá trị cổ phiếu, về cơ hội làm giàu. Người ngoài công ty thấy bờ ả cũng tìm mọi cách liên hệ với người bên trong để mua được cổ phiếu. Ngân hàng cũng chớp thời cơ vào công ty vay mà không hề gây khó dễ cho ai. Tục vay vốn để kiếm chác đồng tiền từ những nhà đầu tư còn ngu ngơ về cổ phiếu. Có hai loại hình vay vốn; người thấp cổ bé họng được vay đối ứng năm mươi năm mươi. Nghĩa là nhà đầu tư nào thò túi ra trăm triệu thì ngân hàng cho vay thêm một trăm triệu đồng nữa. Còn những người có mề cán bộ từ trường phó đơn vị trở lên được ngân hàng tạo điều kiện cho vay đối ứng bảy mươi. Nhưng trên thực tế họ được vay ít nhất gấp hai lần của bảy mươi. Thủ tục vay vốn đối ứng chỉ là thuật làm ăn của ngân hàng. Bởi họ đã nhìn ra món lợi nhuận khổng lồ từ cổ phiếu nên sẵn sàng tạo điều kiện cho nhà đầu tư vay mà không hề gây khó dễ cho ai. Đến ngày bán cổ phần, công ty muốn thu hút tuyệt đối nhà đầu tư nên sẵn sàng mời chuyên gia hàng đầu của sân giao dịch chứng khoán Hà Nội về thuyết trình giải đáp ngọn ngành cổ phiếu là gì, tạo cơ hội làm giàu cho những ai dám đầu tư.

Hội trường tầng bốn nhộn nhịp người vào ra với bao gương mặt tươi rói hy vọng. Ai cũng nghĩ rằng đây là cơ hội cuối cùng họ mua cổ phiếu với hy vọng đổi đời, sánh vai cùng thiên hạ. Những chiếc xe con đen bóng hời hợt nối đuôi nhau một cách trật tự dưới sự hướng dẫn của lực lượng bảo vệ công ty. Họ vội vã bước lên hội trường nghe những tập hợp từ thật lạ tai nhưng rất oách: Nhà đầu tư. Những kẻ non gan ngu dốt chột bán lúa non, bây giờ cũng lướt như con thoi giữa tầng hai với tầng

bốn, giữa phân xưởng với công ty mong vớt vát những gì đã mất của lần trước.

Lần vào đông đám công nhân lao động, gã bước tự tin như tạo cho mình phong cách một cán bộ lãnh đạo có chỉ khí hơn người, có tầm nhìn khôn ngoan để chưa đầy một năm sau gã kiếm hơn chục tỷ đồng từ cổ phiếu. Chỉ tính non non số cổ phiếu mua được lần trước đem quy đổi ra USD gã thu về trên triệu đô. Gã là một trong số người may mắn có tài sản kếch sù được giới kinh doanh chứng khoán Hà Nội gán cho cái mác: Tỷ phú triệu đô. Mọi người nhìn gã trân trọng, kính nể. Khó kè nhìn gã ngưỡng mộ: Chào sếp triệu đô! Gã chẳng biết giải thích thế nào cho năng tầm oai oách của mình, chỉ khẳng định chắc như đinh đóng cột: Lần này các ông không chơi cổ phiếu thì đứt. Câu nói cộc lốc nhưng chắc chắn, đến nỗi ai cũng tưởng gã nắm bắt được nhiều thông tin, hiểu biết mọi góc ngách làm giàu từ cổ phiếu nên càng háo hức muốn ngân hàng cho vay thật nhiều để mua cổ phiếu. Có ai đó hỏi gã: Thưa sếp, lần này nghe nói giá cổ phiếu cao lắm phải không? Giọng gã cắt lún: Không dưới một trăm nghìn đồng một "cổ". Để khẳng định lời nói của mình là chính xác, gã bảo: Các ông cứ gom tiền đi chắc gì đã mua được. Để nhận định của mình thuộc tầm cao thủ, gã bảo: Các ông biết đấy rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài cũng quan tâm đến thị trường ngành Điện. Có khả năng họ sẽ ôm hết hơn bốn mươi hai triệu cổ phiếu công ty cổ phần Hoa Điện cũng nên. Đám đông thấy gã bảo thế thì cảm giác thất vọng không gặp may, tưởng như cơ hội làm giàu sẽ vượt khỏi tay. Ai đó nói như trách gã: Công ty phải đứng ra bảo lãnh mua cổ phiếu cho anh em chứ? Gã bảo: Chẳng có công ty nào đứng ra bảo lãnh mua cổ phiếu cho các ông cả. Đợt này công ty bán cổ phần thì ngân hàng sẽ cho các ông vay vốn đối ứng. Nghĩa là họ đứng ra mua cổ phiếu theo ủy thác. Mọi người ở ra vỡ lẽ như kẻ chết đuối vớ được cọc. Họ lại nhao nhao tranh nhau nói nói cười cười, vui vẻ: Nếu ngân hàng đứng ra mua ủy thác thì kiểu gì anh em mình chẳng trúng. Mọi người chụm đầu vào bàn tán tranh luận về giá trị cổ phiếu, làm như đồng tiền từ cổ phiếu sẽ trôi ngay vào túi mình. Trong họ có niềm tin, mặt ai người nấy phần chần lẹ lúng, bụng bảo dạ nếu mua được thật nhiều cổ phiếu thì cơ hội làm giàu trở thành tỷ phú vẫn nằm trong tầm tay. Gã nhìn theo đám đông mỗi người mỗi ngã, cười thầm: Bọn cơ bắp ít học. Người ta ăn ỉa ra rồi mới nhao nhao hò nhau đi mua cổ phiếu. Không tính kỹ thì đứt.

Sân giao dịch chứng khoán hai thành phố lớn Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai địa điểm tổ chức bán một phần tài sản nhà máy của công ty cổ phần Hoa Điện. Trước đó các phương tiện thông tin đại chúng đã

quảng bá chào bán cổ phần trên mạng, trên Đài Truyền hình trung ương, Đài Truyền hình Hải Dương. Công ty cũng truyền tin áp phích chính xác ngày giờ tổ chức bán cổ phần. Hai công ra vào công ty được trang trí nhiều cờ hoa đủ sắc màu rực rỡ. Ngoài lan can tầng bốn treo chiếc băng rôn đỏ rực với hàng tit lớn mời chào: "Nhiệt liệt chào mừng các cổ đông tham gia đầu tư vào công ty cổ phần Hoa Điện".

Ngày giờ bán cổ phần đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước niêm yết ấn định. Ban lãnh đạo công ty chỉ đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước ưu tiên cho thành lập sân giao dịch ngay tại hội trường công ty để người lao động có điều kiện thuận lợi mua cổ phần mà không phải lên Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh xa xôi làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất. Trước giờ khai mạc hội trường chật ních nhà đầu tư. Mặt ai cũng ngời ngời niềm tin rằng chỉ sau một hai tiếng đồng hồ nữa họ trở thành nhà đầu tư với rủng rỉnh những túi cổ phiếu kếch sù. Người nọ nhìn người kia ngón tay chỏ lên trời biểu thị cổ phiếu chỉ có lên chứ không bao giờ hạ. Như vậy điểm bán cổ phần ngay tại công ty cũng sốt đến chóng mặt. Cảm giác nơi đây như có một đại gia nào đó làm xiếc cho nên từng túi cổ phiếu của các nhà đầu tư nóng lên như cơn sốt địa ốc. Trong thâm tâm các anh lãnh đạo công ty ai cũng vui mừng vì đây là cơ hội cuối cùng cho người lao động bỏ vốn làm giàu để gắn bó với công ty. Bởi vì nhà nước đang tiến hành xóa bỏ dần bao cấp, chuẩn bị bước vào thị trường cạnh tranh khốc liệt trong đó có ngành Điện.

Cũng giống như lần đầu, công ty tổ chức bán cổ phần lần hai thành công tốt đẹp. Chưa đến mười giờ ba mươi phút cùng ngày, số cổ phiếu bán ra được các nhà đầu tư mua hết véo. Chỉ một vài người trả thấp nên không khớp lệnh. Từ nhà đầu tư đại gia cho đến những người buồn thúng bán mệt ngoài chợ đen đều dốc máng nên ai cũng mua được cổ phiếu. Nhà đầu tư nội mật mây tươi rói rạng ngời cho rằng mình là chủ nhân của công ty thì đương nhiên mua được nhiều cổ phiếu. Dù đất hay rẽ thì đây là cơ hội cuối cùng họ đổi đời trở nên giàu có. Các bác tài xế trừ người đi công tác vắng, còn lại đều tá túc tại hội trường quyết phục thù không bỏ lỡ cơ hội làm giàu. Gã xăng xai lướt lờ trong hội trường ra về ta đây đích thực là nhà đầu tư tầm cỡ trong tương lai. Mấy ông tài bu lại nắm chặt tay gã lắc mạnh, làm ra vẻ ta đây không bao giờ chậm chể. Lần này chúng tôi chơi cổ phiếu để làm "con" xe sếp ạ. Gã gật đầu: Các ông mong một thì tôi mong mười. Còn gã mong cho gã hay mong cho mọi người thì chỉ có ông trời mới biết được.

Kết thúc phiên giao dịch có trên bốn mươi triệu cổ phiếu bán ra được các nhà đầu tư mua hết. Giá khớp lệnh được công bố là sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng một cổ phiếu. Ông giám đốc ở đầu sân giao dịch chứng khoán Hà Nội trên kênh truyền hình trực tiếp trình trọng công bố phiên giao dịch bán một phần vốn tài sản nhà máy của công ty cổ phần Hoa Điện thành công tốt đẹp. Ông cảm ơn tất cả những nhà đầu tư trong và ngoài nước đã bỏ vốn tham gia đầu tư vào công ty. Ông cam kết sẽ đưa công ty đi vào sản xuất kinh doanh ổn định, có lãi và phục vụ đắc lực cho nền kinh tế phát triển của đất nước. Đồng thời đảm bảo trả lợi ích cổ tức cho các đồng cổ đông đúng kỳ hạn theo điều lệ của công ty cổ phần. Ông giám đốc dứt lời, nhà đầu tư ở hai sân chứng khoán Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh cũng như ở hội trường công ty cổ phần Hoa Điện vỗ tay giân giạt để cảm ơn lời phát biểu bền vững của ông. Điều quan trọng mọi nhà đầu tư đều hiểu rõ có cổ phiếu là có tiền. Những khoản lợi nhuận khổng lồ để ra từ cổ phiếu sẽ giúp họ nhanh chóng đổi đời, thậm chí có một cuộc sống vương giả...

Chẳng biết ngân hàng có móc ngoặc với sân giao dịch chứng khoán "làm giá" hay không mà giá mua ủy thác lên đến những bảy mốt nghìn năm trăm đồng một cổ phiếu. Cao hơn nhiều lần so với phiên giao dịch vừa được công bố là sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng. Nhà đầu tư ngoại vốn thận trọng nên họ biết khai thác tối đa thông tin nên chỉ bỏ giá sát nút vừa được khớp lệnh, không cao vồng lên tám tư, tám nhăm nghìn đồng một cổ phiếu như các đại gia nội đặt mua. Chẳng cần đợi đến ngày nộp tiền nhiều nhà đầu tư nội đã vội vã tuyên bố bỏ tiền đặt cọc chạy làng, báo hiệu đây không phải là sân chơi cho các bác vác cây đi làm kinh tế. Những trường hợp bỏ của chạy lấy người lại rơi vào đúng một số sếp lớn có máu mặt của công ty.

Công ty bán cổ phần lần hai nên gã bộc lộ tham vọng rất lớn. Gã tính toán và quyết đem số tiền thắng cổ phiếu lần trước tương đương với nửa triệu đô ra thế chấp vay ngân hàng. Gã gom góp tất cả những đồng tiền biểu xén quả cáp tích lũy được bấy lâu nay đem quẳng hết vào cổ phiếu. Gã thừa hiểu ngân hàng muốn kinh doanh nên tạo điều kiện tối đa cho nhà đầu tư vay đối ứng. Hai cá thể ngân hàng và gã cũng giống nhau ở một điểm là tham lam nên đồng thuận ngay cho gã rút ra hơn hai mươi hai tỷ đồng ra mua hơn ba trăm nghìn cổ phiếu. Tổng cộng cả hai đợt gã có trong tay trên năm trăm nghìn cổ phiếu, cũng đáng mặt một đại gia giàu có của công ty nói riêng và sân giao dịch chứng khoán Hà Nội nói chung. Gã hoan hỷ tự hào: Con đường làm

KÝ ỨC NHƯ LÀ MỘT PHẦN CỦA LỊCH SỬ

(Phỏng vấn một số nhà văn được giải)

Nhà văn NGUYỄN QUANG THÂN (GIẢI A)

Phỏng vấn: Ngoài các mối liên hệ về dòng dõi, anh có những cảm hứng đặc biệt nào đối với chủ đề và câu chuyện anh đã chọn cho tiểu thuyết *Hội Thề* của anh không?

Nhà văn Nguyễn Quang Thân: Tôi chỉ là cháu ngoại của họ Lê, nếu tính từ ông nội của Lê Thái Tổ là cụ Lê Hối (Lam Sơn động chủ) thì mẹ tôi, cụ Lê Thị Phương đời 23 thuộc dòng Lê Trữ, anh trai của Lê Lợi, dòng này đến đời 25 hiện nay phiêu dạt vào Hà Tĩnh, họ Lê ngũ chi ở Hương Sơn có tới hàng ngàn con cháu nội ngoại trong đó có GS Hoàng Xuân Hãn, nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện). Là cháu ngoại nhưng tôi đã được sống trong dòng tình cảm không đứt đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, thường được mẹ tôi kể lại cho chúng tôi nghe như là để nuôi dưỡng tình yêu nước và lòng biết

(Xem tiếp trang 18)

Nhà văn NGUYỄN QUANG HÀ (GIẢI B)

Phỏng vấn: Thưa nhà văn Nguyễn Quang Hà, được biết ông là nhà văn có sức viết rất đáng nể, xin ông cho biết tác phẩm *"Vùng lờm"* được giải thưởng lần này là cuốn tiểu thuyết thứ mấy của ông?

Nhà văn Nguyễn Quang Hà: Đây là cuốn tiểu thuyết thứ 25 của tôi.

Phỏng vấn: Và ông cũng đã giành được không ít giải thưởng.

Nhà văn Nguyễn Quang Hà: (cười) Cũng nhiều, riêng về giải thưởng của Hội Nhà văn thì đây là lần thứ hai.

Phỏng vấn: Có vẻ như để tài về chiến tranh có một sức hút đặc biệt đối với ông?

Nhà văn Nguyễn Quang Hà: Đúng vậy, đây là cuốn tiểu thuyết thứ 15 tôi viết về đề tài chiến tranh. Bản thân tôi vốn là người lính, khi chinh chiến ngoài mặt trận, lúc sống cùng nhân dân địa phương, được nhân dân bao bọc... Tôi luôn cảm thấy mình còn mắc nợ nhiều với đồng đội, với nhân dân, nên tôi phải viết. Đối với tôi, mảng đề tài về chiến tranh là vô cùng, chưa thể hết được. Hiện trong đầu tôi còn 5 cuốn tiểu thuyết nữa về đề tài này.

Phỏng vấn: Khi khai thác nhiều về một mảng đề tài, ông không sợ các tác phẩm của mình sẽ bị giống nhau sao?

Nhà văn Nguyễn Quang Hà: Mỗi tác phẩm của tôi là một câu chuyện, có một sức sống, một lực hút riêng mỗi khi tôi cầm bút, cộng với những vốn sống, ít ỏi mà mình đã trải qua trong chiến tranh không phải là ít, đã tạo nên hình hài những tác phẩm riêng biệt.

Phỏng vấn: Thưa ông, khi cuộc chiến tranh đã lùi xa, chúng ta có thể coi mảng đề tài viết về chiến tranh cách mạng là đề tài lịch sử không?

Nhà văn Nguyễn Quang Hà: Đúng

vậy, và đó là mảng đề tài lịch sử có sức hấp dẫn đối với hầu hết các nhà văn đã từng đi qua cuộc chiến. Khi ta tập hợp tất cả các tác phẩm viết về chiến tranh cách mạng của các nhà văn, chắc chắn chúng ta sẽ dựng được mảng lịch sử đồ sộ và hào hùng của dân tộc.

Nhà văn HỮU PHƯƠNG (GIẢI B)

Phỏng vấn: Thưa nhà văn Hữu Phương, đề tài mà ông đề cập đến trong tác phẩm *"Chân trời mùa hạ"* là gì?

Nhà văn Hữu Phương: Tác phẩm của tôi viết về nông thôn miền bắc trong và sau chiến tranh, đó là khoảng thời gian từ 1970 đến 1975. Qua câu chuyện này, tôi muốn đề cập đến số phận của nhân dân lao động trong bối cảnh tan rã của Hợp tác xã tại thời kỳ đó.

Phỏng vấn: Đề cập đến sự tan rã của Hợp tác xã trong giai đoạn 1970 đến 1975 vào lúc này có sớm quá không?

Nhà văn Hữu Phương: Khi cuộc chiến tranh đang diễn ra, nhân dân ta phải gồng mình lên để làm Hợp tác xã, bởi tất cả cùng chung một mục đích là hướng về tiền tuyến, giải phóng đất nước, chứ thực ra nó đã có những sự bất ổn rồi. Khi chiến tranh kết thúc, những bất ổn đó bộc lộ rõ nét và tan rã.

Phỏng vấn: Ông có thể nói về cảm hứng đã thôi thúc ông cầm bút viết tác phẩm này.

Nhà văn Hữu Phương: Bối cảnh của cuốn tiểu thuyết diễn ra ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, quê tôi. Tuổi thơ tôi ở đây, tuổi trẻ của tôi ở đây. Tôi từng làm kế toán cho một đơn vị pháo binh đóng trên quê hương mình. Vừa được sống và chiến đấu cùng những người lính, vừa được sống và lao động cùng những người dân chân lấm tay bùn quê tôi, chính vì vậy mà đời sống đó, không gian đó đã thấm đẫm trong tôi, và áp ủ để hình thành một cuốn tiểu thuyết đã từ lâu, đến khi cầm bút là tôi viết liền một mạch.

Phỏng vấn: Cái tên *"Chân trời mùa hạ"* nghe có vẻ nhẹ nhàng, yên bình, nhưng cốt truyện thì không yên bình chút nào. Ông có thể giải thích đôi chút về tên tác phẩm của mình?

Nhà văn Hữu Phương: Những người nông dân quê tôi thường ngóng trời để dự đoán thời tiết, phục vụ cho công việc của nhà nông. Chân trời cũng là nơi mà những người dân ở hậu phương thường trông ngóng mỗi khi nhớ về người thân của mình nơi tiền tuyến và ngược lại, người ở tiền tuyến mong ngóng về hậu phương.... Tôi đặt tên cho cuốn tiểu thuyết của mình là *"Chân trời mùa hạ"*, là vì thế...■

Nhà văn

NGUYỄN VĂN THỌ (GIẢI B)

Phỏng vấn: Quyền là nhân vật chính trong tiểu thuyết *"Quyền"* của ông, vậy ông có thể cho độc giả biết quá trình xây dựng nhân vật này? Nó nhằm tạo điều gì, một hình tượng?

Nhà văn Nguyễn Văn Thọ: Tiểu thuyết *"Quyền"* là câu chuyện kể về một cô gái 9 năm lưu lạc ở Đức, trải qua nhiều hạnh ngộ.

Có người ví, Quyền như Kiều hiện đại. Phải sống xa quê hơn 20 năm, cuộc mưu sinh đầy bất trắc, đã từ lâu, tôi ấp ủ viết một cái gì, phản ánh một góc sống của đồng bào Việt. Truyện ngắn thì khó, vì sự rộng, cái phức tạp ở mối quan hệ của một cộng đồng lưu lạc. Về bản chất, Quyền là vẻ đẹp thuần Việt, cả nội dung, hình thức. Vẻ đẹp thuần Việt này, khi đặt nó ở cuộc di dân, trong sự va đập nội tại chủng tộc, y như con thuyền nhỏ chống chọi trong bão tố. Vấn đề là Con người Việt phải rời bỏ cội gốc đi ra thế giới lại và vào các nền văn hóa ngoại lai đã tạo ra Quyền. Vậy, trước hết "Quyền" về một thân phận cụ thể, song cũng có thể nói, "Quyền" là sự chủ quan của tác giả nhằm cụ thể hóa mặt bi kịch của người Việt khi di dân...

Phỏng vấn: Về thi pháp, theo ông, *"Quyền"* có vai trò thế nào và đóng góp gì?

Nhà Văn Nguyễn Văn Thọ: Về cơ bản, "Quyền" kế thừa các kinh nghiệm dạng tiểu thuyết kinh điển. Cái khác biệt ở chỗ tốc độ luôn thay đổi và đặc biệt chú ý tới kết hợp với thể mạnh của ngôn ngữ điện ảnh khi có tình huống cần ấn tượng cho sự khác biệt tính cách nhân vật (viết như là máy hay đặc tả, linh hoạt ống kính tê-lê và gần-tàng ngay trong một inh huống) Thứ nữa, nếu ở truyện ngắn Nguyễn Văn Thọ, ngôn ngữ gai góc và bạo liệt, thì ở "Quyền", đặc tính này tùy theo cảnh huống, chủ tâm tạo ra những trường đoạn nhẹ nhàng, tự mềm hóa "khung mặt tôi. Bên cạnh đó, để đẩy cái cuốn cuộn của đời sống, văn chương thể hiện hiện đại, cần không ngừng khai thác những trường đoạn như tùy bút, thậm chí kí sự tính báo chí, ở sự kết dính chương hồi. Tôi cũng sử dụng cả biện pháp này cùng với tổ chức từng chương như một truyện ngắn. Người ta có thể đọc nó ngắt quãng trên tàu hỏa trong sự cô đặc trong từng chương... Nếu nói đóng góp gì cho nền văn học nước nhà, quả thực không dám, song rõ ràng qua "Quyền" tôi đã thâm nhập vào thế giới của những nhà văn viết tiểu thuyết, góp vào mảng văn học di dân một tác phẩm có bạn đọc.

Phỏng vấn: Ông có phát biểu gì, nhân dịp tiểu thuyết *"Quyền"* nhận giải B trong cuộc thi tiểu thuyết 2006-2009 của Hội nhà văn VN lần này?

Nhà văn Nguyễn Văn Thọ: Theo tôi, giải thưởng văn chương có thể là một cú hích để con người bình thường như tôi lao động sáng tạo hơn nữa. Tôi vui vì Quyền đã được đón nhận. Khi nghe tin này, tôi rất vui và cảm động. Tôi nhớ tới giải đầu tiên, (2001) Tạp chí VNQĐ đã trao cho "Một người lính cũ phải lưu lạc". Nhân dịp này, tôi bày tỏ lòng biết ơn tới Tạp chí, các nhà văn quân đội đi trước, đã tạo ra cú hích đầu tiên, để tôi có thêm sức mạnh với viết "Quyền". Tôi cảm ơn tất cả các nhà báo trong và ngoài nước, ai từng quan tâm cổ vũ, đặc biệt là Tuần báo Văn Nghệ, đã giới thiệu "Quyền" ngay từ khi nó xuất hiện những chương đầu tiên.■



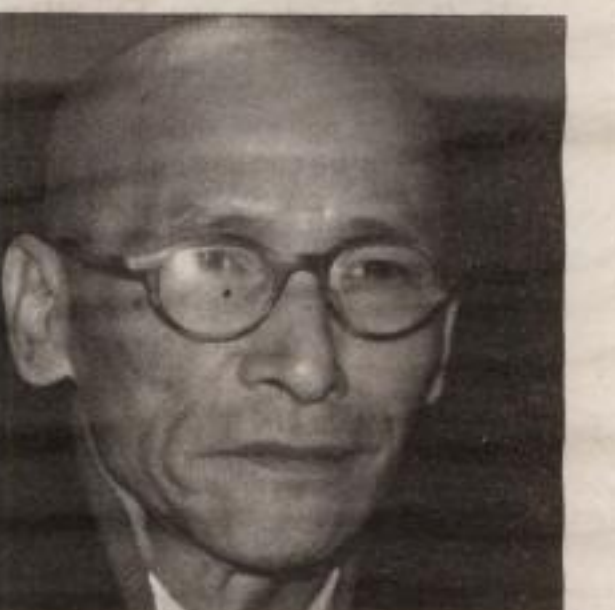
Nhà văn Nguyễn Quang Thân



Nhà văn Nguyễn Quang Hà



Nhà văn Hữu Phương



Nhà văn Nguyễn Văn Thọ

cống hiến một tác phẩm xuất sắc về tâm vóc của chiến tranh nhân dân. Trầm Hương trở lại cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân với *Đêm Sài Gòn không ngủ*, một tiểu thuyết sử thi dày dặn, với những cứ liệu chắc chắn, còn ít điều biết đến. Nhà văn phục hiện lại cuộc chiến đấu vô cùng quả cảm của đội ngũ biệt động thành trong thế bất lợi về so sánh lực lượng, về thời cơ, và về cả những sai lầm chiến thuật. Người ta có thể chối bỏ tình yêu, nhưng không thể quay lưng với sự thật, Trầm Hương nhắc chúng ta như vậy. Với mức độ thành công khác nhau, các tác phẩm viết về chiến tranh kể trên đã thể hiện một tầm nhìn cao hơn chiến tranh để khắc họa cho được phẩm giá dân tộc và phẩm giá của từng con người.

Mảng văn học tham gia trực tiếp vào tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập có những đại diện xuất sắc như Nguyễn Bắc Sơn, Đỗ Thị Hiền Hoà, Đỗ Minh Tuấn. Với *Thần thánh và bướm*, Đỗ Minh Tuấn phê phán quyết liệt cuộc săn đuổi đồng tiền bằng mọi giá. Với bút pháp giả tưởng và hoạt kê, tác giả đã đã đóng góp vào cuộc thi một giọng tiểu thuyết lạ, bảo động về sự biến dạng các giá trị truyền thống. Với *Gió chuyển mùa*, Đỗ Thị Hiền Hoà lại đóng lên một hồi chuông báo động khác về môi trường đạo đức của họ đương. Quy mô chưa phải lớn nhưng tính chất là nghiêm trọng vì nó diễn ra tại nơi được coi là thánh đường của sự

ngiệp đào tạo con người. Nếu Đỗ Minh Tuấn, Đỗ Thị Hiền Hoà trực diện phê phán những mặt trái của cơ chế thị trường thì Nguyễn Bắc Sơn lại nghiêng về biểu dương những con người dũng cảm khai phá mở đường. Vấn đề mà tác giả nêu ra là cần phải có một cơ chế quản lý thích hợp tương ứng với đời sống đã có những thay đổi về chất. Cơ chế đó phải trở thành động lực của sự phát triển. Để làm được điều đó, cần phải có những con người tiên phong dũng cảm và sáng tạo; biết chờ đợi và dám chấp nhận mọi rủi ro. Nguyễn Bắc Sơn chỉ ra rằng tiến trình hoàn thiện của một cơ chế mới là sự kết hợp cả phê phán những cái cũ kỹ, lỗi thời với việc ủng hộ những nhân tố mới. Đây là tiểu thuyết về văn hoá quản lý, một vấn đề mới mẻ và cấp bách đối với chúng ta hiện nay.

Nếu *Lửa đắng* của Nguyễn Bắc Sơn lấy bối cảnh trực tiếp về cuộc sống của Thủ đô trong đổi mới thì Nguyễn Quang Thân, Ngô Văn Phú, Hà Văn Thuý, Lưu Văn Khuê lại xây dựng tác phẩm từ những chất liệu lịch sử lùi xa hơn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Kết quả, chúng ta đã có thêm nhiều tập tiểu thuyết mới ra đời đúng vào dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội. Tiêu biểu cho cuộc thi này là tiểu thuyết *Hội thề* của Nguyễn Quang Thân. Bối cảnh tiểu thuyết là cuộc kháng chiến chống quân Minh với thủ lĩnh là Lê Lợi và lãnh tụ tinh thần là Nguyễn Trãi. Câu chuyện đã được nhiều người biết đến trong chính sử, nhưng

thông điệp mà nhà văn gửi tới bạn đọc thì đang còn và sẽ còn có ý nghĩa sâu sắc lâu dài. Đó là tư tưởng lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, theo đuổi hoà hiếu để cứu vãn những sinh linh trong cuộc chiến, ý nghĩa nhân văn của *Hội thề* là ở đó. Một vấn đề khác, cũng rất quan trọng, đó là vai trò của trí thức, thái độ đối với trí thức, một vấn đề thời sự đối với xã hội phương Đông. Như vậy là, dưới ngòi bút của Nguyễn Quang Thân, lịch sử đã được làm mới lại để trở thành lịch sử của ngày hôm nay, vấn đề của ngày hôm nay.

Cần nhắc các giá trị là một công việc rất khó khăn. Một tập thể các nhà văn và các nhà lý luận phê bình đã nghiêm túc làm việc trong tinh thần công tâm và liên tài. Kết quả, từ 51 tác phẩm vào vòng Chung khảo, Hội đồng Chung khảo đã chọn được 14 tác phẩm để trao giải thưởng. Dù đã rất cố gắng, chúng tôi không dám coi mọi thẩm định của mình là hoàn toàn chính xác. Rồi đây, thời gian và công chúng sẽ minh định lại các giá trị. Đó là lẽ phải xưa nay của sáng tác và cảm nhận văn chương. Nhìn mạnh thành công cơ bản của cuộc thi này, chúng tôi cũng không quên nói rằng, hạn chế lớn nhất của cuộc thi là còn thiếu sự đột phá trong đổi mới hình thức thể loại và trong tư duy tiểu thuyết nói chung. Đây sẽ là vấn đề cần được bàn sâu thêm trong một dịp khác.■

* Tiêu đề do Tòa soạn đặt

NĂM cách Cửa Đại - Hội An 18km, Cù Lao Chàm là quần đảo gồm 8 đảo nhỏ nổi sát nhau: Hòn Lao, hòn Khô Mẹ, hòn Khô Con, hòn Tai, hòn Dài, hòn Mỏ, hòn Lá, hòn Ông. Trước đây, Cù Lao Chàm có đến 7 ngàn cư dân, họ dựa vào biển, dựa vào đảo sinh sống để tránh bom rơi đạn lạc, tìm cuộc sống tạm bình an qua ngày. Hòa bình, bà con trở về quê cũ, còn lại trên dưới 3000 dân.

Năm 1997, Bí thư Nguyễn Hưng chủ trì giao cho Chủ tịch Ủy ban thị xã Nguyễn Sự tổ chức một lễ hội nghề cá tại Cù Lao Chàm nhằm giới thiệu quảng bá tiềm năng quý hiếm của Cù Lao Chàm-một xã đảo còn hoang sơ, dân sống "tự cung tự cấp", đồ sông-biển cách trở, phụ thuộc rất nhiều vào đất liền, cách 3 đến 4 tiếng đồng hồ đi thuyền. Gió chướng lên, dân xã đảo phấp phồng chờ cấp cứu gạo và nhu yếu phẩm.

Từ khi giới thiệu tiềm năng thì bộc lộ một vấn đề tồn tại lâu nay về cuộc mưu sinh:

- Sống bằng lên núi đốn củi, đốt than phá rừng.
- Sống bằng xuống biển đánh bắt cá đánh bắt vô tội vạ.
- Sinh hoạt như người nguyên thủy. Giờ làm vệ sinh buổi sáng, đàn ông kéo nhau xuống biển..., đàn bà rủ nhau lên núi-một thói quen lạc hậu thành tập tục. Cả xã Tân Hiệp có 14 cái điện thoại, 4 cái cầu tiêu. Không có con đường nhựa... thì làm sao có cuộc sống văn hóa, làm sao mời gọi du khách!

TỪ BỐ TRÍ LẠI KHU DÂN CƯ...

Một bản qui hoạch tổng thể Cù Lao Chàm được phác thảo nhanh và thông qua cũng nhanh tại hiện trường. Trong đó có nhiệm vụ di dời 100 hộ dân vào vị trí theo qui hoạch. Chủ tịch Nguyễn Sự ký bản qui hoạch hôm nay thì hôm sau đưa một đoàn cán bộ gồm các ban ngành chức năng có liên quan, dẫn theo Đoàn văn nghệ quần chúng của Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao thị xã. Sau khi rà soát trên giấy và kiểm tra qua thực địa, đoàn công tác ở lại một tuần. Ban ngày lật bản đồ qui hoạch ra trình bày giải thích cho dân hiểu trước khi thực hiện theo qui hoạch. Tối, cơm nước xong mời tất cả bà con xem văn nghệ tới khuya.

Lâu ngày bà con thường thức một đêm văn nghệ thả cửa vỗ tay như bập rang. Sáng hôm sau mời bà con họp nghe công bố:

- Ai có trên 80m² đất thì ở lại tại chỗ.
- Ai có diện tích dưới 80m² thì đi đến chỗ ở mới.
- Chỗ mới là chỗ mô?
- Sẽ san ủi một ngọn đồi ở Hòn Ông thành Khu kinh tế mới, có hệ thống ống ngầm đưa nước ngọt từ suối nguồn về tận nhà, có đường giao thông tráng nhựa. Hỗ trợ mỗi hộ 1,2 triệu đồng làm cầu tiêu, đưa trước 600 ngàn, kiểm tra ai làm xong cầu tiêu trả nốt 600 ngàn nữa. Ai đi trước được thưởng. Ai đi sau, thưởng ít hơn người đi trước. Ai đi sau cùng không thưởng đồng xu nào.

Sau nửa tháng ban hành thông báo chính sách di dời, dân giữ hết 112 căn nhà, đội mua, đội giới thiệu Khu dân cư - kinh tế mới. Một cuộc di dời dân đi theo qui hoạch nhanh nhất, có khiếu nhưng không có kiện, lòng ai cũng vui tươi, phấn chấn.

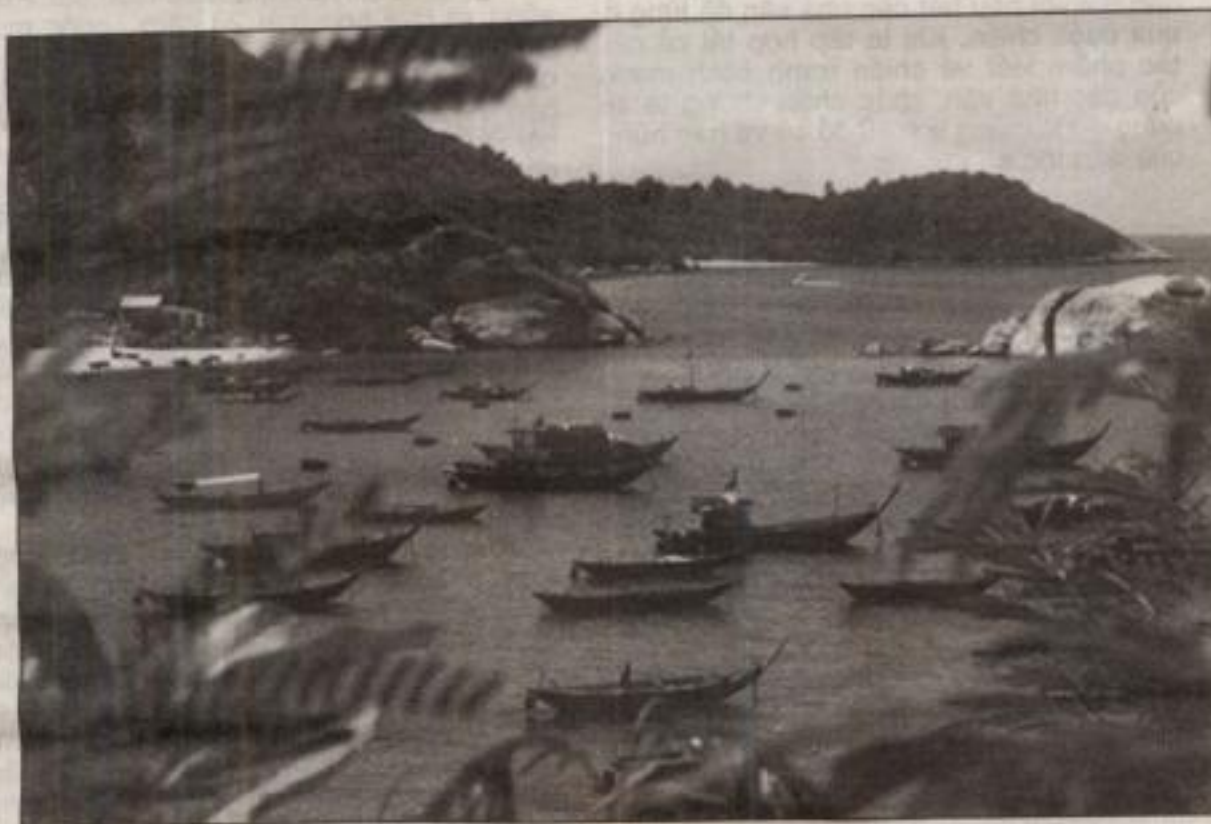
Dân đến ở mấy ngày, Nguyễn Sự theo thuyền cao tốc ra đảo thăm và kiểm tra bà con ăn ở ra sao, ghé vào nhà một chị sốn sốn, loại u bốn mươi, thấy cầu tiêu làm mới khá đẹp nhưng chất đầy củi. Nguyễn Sự hỏi:

- Cầu tiêu hư sao?
- Dạ, tôi không quen đi trong cầu.
- Không quen thì tập. Mai bà phải đi trong cầu tiêu. Tôi cho bà biết, mai tôi sẽ đến kiểm tra.

Nguyễn Sự ở lại Cù Lao Chàm 5 ngày liền, sáng nào cũng kiểm tra xem còn ông mô lợi xuống biển, còn bà mô mò lên núi...

THÔNGIỆP CÙ LAO CHÀM

Bút ký của HỒ DUY LỆ



Cù Lao Chàm - Hội An - Quảng Nam

Ảnh: T.L

Cù Lao Chàm có những làng chài, bãi tắm thơ mộng. Dưới biển có nhiều ghềnh đá, nhiều dãy san hô với hàng trăm nghìn loài cá, loài hải sản miền nhiệt đới. Trên các đảo là một hệ thống thực vật khá phong phú, đặc biệt có loài chim Yến quý hiếm cư ngụ cùng nhiều loài động vật hoang dã. Là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Lãnh đạo Hội An đã làm cho người dân trên đảo hiểu sâu sắc rằng, muốn tồn tại và phát triển thì quán triệt một phương châm: Lưng tựa vào núi, mặt hướng ra biển.

Nếu nạn trầm kha đốn củi để đun nấu, đốn củi để bán lấy tiền kéo dài thì rừng sẽ cạn kiệt, nguồn nước ngọt cho trên ba ngàn dân trên đảo cũng cạn kiệt. Tự mình làm mất chỗ tựa lưng vững như núi ngàn.

Để chấm dứt nạn phá rừng, chính quyền Đảo cấm người dân không được đốn cây nhưng cho phép được khai thác củi khô, khai thác nhánh cây để làm củi nấu. Khai thác nhánh, cây lên nhanh. Ai khá thì nấu bếp ga. Vận động và hỗ trợ nấu bếp tổ ong. Bắt đầu thực hiện làm gương từ bếp ăn của bộ đội tiểu đoàn 70 và Đồn biên phòng 217. Sau đó là gia đình cán bộ đảng viên. Dân bắt chước làm theo. Kèm theo đó là Biên phòng kiểm tra gặt gao triệt đường ra, không để lọt một bó củi vào đất liền.

Hướng ra biển phát triển nghề đánh bắt cá: Đầu tư nâng cấp cảng cá Tân Hiệp. Dân nghề cá sáng đi, tối về không giàu được. Đầu tư nâng công suất tàu ra khơi đánh bắt cá, câu mực dài ngày.

Phát triển thêm ngành du lịch biển: Giao cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao - Du lịch làm một khu du lịch, quảng bá đưa du khách đến Hội An ra tham quan biển đảo. Dân mở cửa hàng bán cá khô, mực khô, vù nang... Không được dùng đến san hô sống. Người dân Cù Lao Chàm có nhiệm vụ gìn giữ san hô sống, gìn giữ khu dự trữ sinh quyển thế giới, cũng chính là gìn giữ và phát huy môi trường du lịch sinh thái biển.

... ĐẾN CUỘC CÁCH MẠNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Có hai bãi - bãi sông xuống thuyền ra Cù Lao Chàm và bến bãi từ Cù Lao Chàm lên thuyền về Hội An. Mỗi lần đi qua, ai ai cũng rất phiền lòng phải nhìn những bao nylon bần ừa vàng kết thành bè bập

bểnh trôi. Bao năm rồi từ khi được đưa vào cuộc sống, bao nylon làm thuận tiện mọi người trong vận chuyển nhưng lại làm phiền lòng môi trường sống. Cù Lao Chàm là tài nguyên của nhân loại. Bảo vệ giữ gìn tài sản vô giá này trước hết là của người Cù Lao Chàm, của người Hội An.

Tháng 5 năm 2009, ngày 17, chuẩn bị sáng hôm sau ra đảo mở cuộc phát động nhân dân đảo không dùng túi nylon, làm sạch môi trường xã đảo, Nguyễn Sự lúc này đã là Bí thư Thành ủy thành phố Hội An cầm điện thoại a-lô cho mấy nhà báo thích ngồi uống cà phê tán tào lao. Anh em nghe Nguyễn Sự hú là đi liền, không cần giấy mời. Đang bập bềnh trên sóng lấp lánh ánh bạc, dưới nắng mai chói mắt, một nhà báo hỏi: - Kế hoạch rằng anh?

- Chẳng có kế hoạch. Nói vậy, song Nguyễn Sự suy nghĩ sẽ nói những gì để thuyết phục được bà con.

Lên đảo, sau khi hội ý chớp nhoáng với Bí thư và Chủ tịch xã Tân Hiệp, dân kéo tới đông. Bắt đầu cuộc họp, Nguyễn Sự nêu lên những việc đã làm trong thời gian qua. Ông hỏi hơn năm trăm người dân Tân Hiệp dự họp: - Chuyện động trời đất là dời núi bà con làm được, không phá rừng và đặc biệt không ỉa bậy, bà con ta làm được. Vậy, không dùng bao nylon có làm được không?

- Làm được, nhưng lấy gì thay thế bao nylon? Một người hỏi.

- Hồi trước, mẹ tôi đi chợ, trên tay bưng cái rổ mà đựng nào mắm cá, cá chuối, muối, cá bánh đúc... tất cả được đựng, gói, ngăn lại bằng những miếng lá chuối. Nay, thay cái rổ bằng cái giỏ, có thể gói bằng lá chuối, bằng giấy, báo cũ, mua mắm, mua cá phê thì dùng cái bát, cái chén, cái ly, mua nhiều có cái cà mềng. Không nên dùng túi nylon vừa độc, vừa làm ô nhiễm môi trường!

Biết những thứ thay thế cái bao, cái túi nylon rất tiện lợi không dễ với bà con ở xã đảo, Nguyễn Sự đã tính thay thế bằng những cái giỏ nhựa và những cái cà mềng nhôm, cà mềng nhựa. Tất cả thứ này nhờ các doanh nghiệp tài trợ, sẽ cấp không cho tất cả các hộ dân - cấp hiện vật hoặc cấp tiền. Sau một tiếng đồng hồ phát động và giải quyết những thắc mắc, Nguyễn Sự hỏi bà con:

- Có làm được không?
- Được!

- Tôi hỏi lại một lần nữa, làm được không?

Hơn năm trăm cánh tay giơ lên, kèm theo tiếng được thật to.

Nguyễn Sự tuyên bố: - Bắt đầu ngày mai đi chợ phải xách theo cái giỏ, ai mua mắm thì xách theo cái cà mềng. Nói dứt lời, tức thì những chiếc giỏ nhựa và cà mềng được tổ công tác đưa đến phát ngay cho bà con. Ai nhận tiền thì cấp tiền đủ mua hai thứ trên.

Bà con hứa làm được, bà con nhận giỏ, nhận cà mềng, Nguyễn Sự thấy vui nhưng chưa thật yên tâm. Ngủ lại thêm một đêm trên đảo hít thở gió nồm lồng lộng mát lạnh, nhìn trăng sao, sáng hôm sau đúng ngày ra quân toàn xã đảo, Nguyễn Sự thức dậy sớm, ra đầu chợ bên cầu tàu uống cà phê xem bà con đi chợ sáng, thấy ai đi chợ không xách cái giỏ thì xin mời về nhà lấy giỏ. Đi một vòng, phát hiện mấy chị bán nước mía đựng túi nylon, Nguyễn Sự lệnh không cho bán nước mía nếu còn dùng túi nylon. Nguyễn Sự ngồi hai ngày ở đầu chợ thấy có chuyển biến. Tuy nhiên, vẫn thấy số ít người còn lén lút dùng túi nylon. Không thể ngồi mãi bỏ nhiệm vụ Bí thư, Nguyễn Sự trao đổi với Ủy ban xã Tân Hiệp lập một tổ thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, ai không dùng túi nylon, ai vi phạm thì phạt, ai chống lại thì báo cho Nguyễn Sự, hoặc báo họ vào gặp Nguyễn Sự. Trong quá trình thực hiện lời hứa, xuất hiện một số vấn đề, Nguyễn Sự tổ chức họp nghe dân thắc mắc, nghe yêu cầu và giải quyết ngay. Ví dụ, cho phép những thứ như mực khô, cá khô số lượng lớn, các hàng quán có thể dùng bao nylon gói gắm đưa vào đất liền. Tuyệt nhiên, không được gói bằng bao nylon từ trong bờ gửi ra Cù Lao Chàm, việc này các doanh nghiệp là lực lượng làm gương mẫu. Bà con thiếu vật liệu gói, họp Đoàn Thanh niên vận động đất liền xin sách, báo cũ, giấy, gửi ra cho bà con xã đảo Tân Hiệp.

Song song với việc vận động không dùng túi nylon, xã tổ chức một tổ công tác thu gom bao nylon trôi bồng bềnh khắp quanh bến cảng Tân Hiệp. Việc làm này có tác động tích cực, bà con hiểu lẽ nào cứ xài túi nylon vô tội vạ để chính con em mình nai lưng vớt! Đồng thời dùng phen tre ngăn không cho bao nylon tấp vào bờ. "Công trình" do một doanh nghiệp tài trợ.

Sau cuộc ra quân, tuần nào không đi công tác xa, Nguyễn Sự cũng theo thuyền ra đảo kiểm tra. Nhân ngày mồng năm tháng năm - tết Đoan Ngọ - 2009, biết thông lệ một cái tết bà con ta cúng nhiều, nhiều bánh ú tro, nhiều trái cây và xả rác cũng nhiều, nhất là dọc theo bờ biển, Nguyễn Sự dẫn một đoàn ra Cù Lao Chàm kiểm tra, chấn chỉnh, thăm, cổ vũ động viên những bà con thực hiện tốt...

Hơn một năm, sau cuộc vận động và ra quân, không còn thấy một cái túi nylon trôi trên cảng Tân Hiệp, ai cũng vui. Mỗi lần ra thăm đảo, Nguyễn Sự đều vào thăm chợ. Thấy Nguyễn Sự đi qua, hết chị này đến bà kia, người đưa giấy báo gói lên, người đưa lá chuối, người đưa lá mơn, người đưa cái giỏ nhựa, người đưa cái cà mềng lên khoe như là có dịp báo công với Chủ tịch Hội An. Mấy cô, mấy chị trong chợ thấy ai, kể cả cán bộ xài túi nylon thì phê liến:

- Nè, tại rằng bữa nay mà chú còn xách túi nylon!

Mỗi người dân xã đảo có cách chào khác nhau. Thấy Nguyễn Sự, một cô gái gọi:

- Bác Sự ơi! Nay bác thấy biển sạch trơn có sướng không!

Một người khác thì chào, mắt nhìn ra biển:

- Thấy đã không bác Sự!

Nguyễn Sự nheo mắt cười đáp lại tình cảm tin yêu của bà con. Anh thấy lòng rộn vui vì qua cuộc vận động, một yếu tố quan trọng dẫn đến thành công là đã nâng ý thức người dân xã đảo lên một vị trí cao ngoài mong đợi. ■

giàu không hẳn chẳng gai như người ta tưởng. Có thể nói số gã vẫn may mắn chẳng? Rất có thể cổ phần hóa sẽ phân hóa giàu nghèo ra làm hai loại người rõ rệt. Lần này nếu thắng cổ phiếu gã ung dung bước vào giới thượng lưu bằng túi cổ phiếu khổng lồ với giá trị vài trăm tỷ đồng. Gã rung đùi tự mãn ở mãi tư thế đó rất lâu.

Như thường lệ gã lướt qua các phòng ban thuộc phạm vi mình quản lý. Theo thói quen gã xô cửa bước vào phòng dịch vụ đời sống mà không cần báo trước. Mục trưởng phòng cũng vào loại thỉnh mũi. Cánh cửa chưa bật mở, mục đã gửi thấy mùi đàn ông nên đơn đã mời chào: Ôi sếp lớn, em rót nước mời sếp đây. Vừa nói mặt thị tình tứ rồi đặt cốc nước trước mặt gã. Cũng chẳng cần cảm ơn gã nốc một hơi cạn đáy rồi đứng dậy đi ra cửa. Thị nói với theo: Anh ơi, em pha cho anh cốc chanh leo. Gã trả lời cộc lốc: Khi khác. Tôi vội đi giao ban. Thị nịnh: Sếp dốc mánh, chớp thời cơ kìa. Tình cả hai đột ông anh có trong tay năm trăm nghìn cổ phiếu. Sau này cổ phiếu lên ông anh hẳn nhiên có vài trăm tỷ đồng. Được cấp dưới khen gã nở mày nở mặt nhưng chỉ mỉm cười: Phải chớp thời cơ em ạ. Mà không chớp được thì đứt. Mục cũng hoan hỷ: Vâng em cũng chớp nhưng chỉ được năm chục nghìn cổ phiếu, chỉ bằng một phần mười của sếp. Anh biết không, em phải huy động vốn cả anh chị em họ hàng mới mua được ngần ấy số cổ phiếu đây. Em không có điểm phúc vợ được ông chồng "máu me" như sếp đâu. Gã cười: Số mà em.

Đầu giờ buổi sáng phòng giao dịch chứng khoán chỉ nhỏ chưa đầy ba mươi mét vuông nhưng đã đông đúc chật chội nhà đầu tư. Dư âm của những ngày đầu mua được cổ phiếu nó như men say làm ngây ngất lòng người. Mặt ai người nấy rạng ngời như vừa trúng số độc đắc. Từ tầng một lên tầng bốn cho đến mọi ngõ ngách xó xỉnh của đời thường người ta đều mừng rỡ nói chuyện về cổ phiếu, bàn về cách làm giàu dễ dàng như trở bàn tay. Tất cả họ đều có một tâm trạng giống nhau xem cổ phiếu của mình đẻ ra bao nhiêu tiền? Những con mắt dán vào màn hình dõi theo từng mã cổ phiếu để rồi dừng lại ở PHC(*) xem xanh hay đỏ? Cổ phiếu PHC như có duyên với người mua, chỉ sau ngày bán nó đã được khớp lệnh liên tục càng làm cho người có cổ phiếu thêm phần chảnh. Khi mã PHC nhích qua giá bảy mươi một nghìn năm trăm đồng thì họ gần như đồng thanh reo lên: Xanh rồi! Cổ phiếu lên rồi! Mọi người ới thảng rồ. Những bộ mặt rạng ngời như đồng thời reo lên vui mừng. Ai đó vỗ đùi đen đét: Có thể chứ. Ông bỏ ra cả mấy tỷ đồng mua tuốt mà cổ phiếu đi xuống để

giết nhau à? Người ngồi cạnh vội khoe: Con em vợ nó cho em mượn mấy trăm triệu để mua đất. Nghe nói chơi cổ phiếu được ăn em cũng quảng tất vào cổ phiếu làm một phát xem có đổi đời như người ta đồn đại không? Các bác bảo cổ phiếu PHC xanh thì em yên tâm. Người ngồi hàng sau bật cười: Tay này định chơi kiểu được ăn cả ngã về không, cứ như trên sỏi bạc. Một chị trông rõ lạ, giống cổ đồng có mặt lẩn đâu: Tôi thì không có tiền mặt. Chỉ tích lũy được cây vàng nên cũng chơi nghìn cổ phiếu cho thiên hạ biết mặt, kéo họ cứ khinh đần bà bốc xỏ mớ niếu. Gã đàn ông đứng cạnh nhìn về đoàn trang của chị: Bà chị cũng có máu đại gia đây. Thời buổi này tích góp vàng làm cái con chó gì. Thắng cổ phiếu khác gì bà chị xúc được vàng. Chị cười hải lòng nhưng lời lẽ khiêm nhường: Còn cái số mình nó có được ăn hay không nữa chứ ạ. Gã trẻ hơn: Bà chị còn có vàng mua cổ phiếu. Thắng em đây chẳng có xu mẹ nào. Tất cả đi vay đi mượn. Em liều mua mười nghìn cổ phiếu mà cũng mất đứt hơn bảy trăm triệu đồng. Nếu thắng thì không sao, còn chết chắc vợ chồng em chỉ còn nước bỏ vào Nam trốn nợ. Ông bạn nấn vai an ủi: Chết làm sao được. Chú cũng khôn đáng chứ có dại gì đâu. Ai đó lại reo làm đứt mạch cuộc đối thoại không chủ ngữ: Mã PHC lên kịch trần rồi. Bảy mươi sáu nghìn hai trăm đồng một cổ phiếu rồi. Một người vỗ tay nên cả làng cả nước vỗ tay theo. Phòng giao dịch chứng khoán dường như là nơi hội tụ và hun đúc chí khí làm giàu của mọi nhà đầu tư. Một chị chuyên ghi sổ để phát lộ: Chơi hàng hóa cổ phiếu thế mà lại hay. Biết thế chị làm mẹ nó trăm nghìn cổ phiếu để thành tỷ phú một thế.

Qua đi sáu tháng mã cổ phiếu PHC đã chấp chớn như ma trời. Lúc xanh lúc đỏ và có dấu hiệu đi xuống. Rồi chỉ đỏ với tím, tím đến chóng mặt. Và cái gì đến ắt phải đến. Cổ phiếu của công ty cổ phần Hoa Điện sau "đỉnh" đã tụt xuống vực sâu. Đầu tiên mã PHC từ bảy mươi một nghìn năm trăm đồng lên được vài tháng để củng cố niềm tin nhà đầu tư rồi tự nó giảm xuống và chốt ngả sáu mươi nghìn đồng trong một thời gian dài. Mọi người kháo nhau hôm nay cổ phiếu về đầu sáu. Mới dừng lại ở đầu sáu mà mỗi "cổ" đã lỗ hơn mười nghìn đồng. Người có mười nghìn "cổ" coi như mất trắng cả trăm triệu đồng. "Tỉ phú triệu đô" sở hữu hơn ba trăm nghìn "cổ" mấp mé thua gần ba tỷ rưỡi, nếu cộng thêm lãi suất sáu tháng là đi tong gần năm tỷ. Nhưng cái lạc quan của con người cũng kỳ lạ. Ai ai cũng coi cổ phiếu "tụt" chỉ là tạm thời, tới "đầu năm" rồi mà vẫn... vô tư. Bảng điện tử báo từng mã cổ phiếu cứ đỏ lôm nhưng quyết không nao núng, vẫn một niềm tin tưởng: Có quy

luật rồi, cuối năm cổ phiếu sẽ lại thịnh; ai trường vốn, có óc lớn gan to, sẽ gặt hái. Đây không những là thời cơ mà còn là thử thách khốc liệt trên thương trường cho những ai có chí làm giàu. Đương nhiên gã không nằm ngoài số anh tài máu lạnh này. "Cổ phiếu PHC sẽ được chào bán ở sân giao dịch chứng khoán Singapor, xuống là xuống thế nào?" Gã oang oang nói ở mọi nơi mọi chỗ. "Không những thế việc sản xuất kinh doanh điện trừ sau thuế mỗi năm lợi nhuận công ty thu về xấp xỉ nghìn tỷ đồng. Đây là cơ sở để cổ phiếu của công ty cổ phần Hoa Điện sẽ hấp dẫn nhà đầu tư..." Lời gã là tín hiệu tốt lành kích thích và làm yên lòng những con bạc mê muội cổ phiếu. Dân chúng thường tin theo chức vụ, càng lãnh đạo to thì lời nói ra càng có nhiều trọng lượng. Hiếm nổi chứng khoán thật nhiều... thử thách! Khi cổ phiếu lướt xuống "đầu bốn" rồi giảm mạnh về "đầu ba" thì chẳng còn ai tin ai nữa, lo vỡ nợ mạnh ai nấy chạy thì nhau bán thốc bán tháo hồng gờ lại chút vốn.

Năm nay gió mùa đông bắc tràn về kéo theo cái rét cắt da cắt thịt. Gã bước vào phòng giao dịch chứng khoán rồi quay đít trở ra. Nơi ấy cũng đều hươu vẳng ngất như chùa Bà Đanh. Cái lạnh thấu xương của cơn gió mùa càng làm cho phòng giao dịch thêm lạnh lẽo chết yếu. Đã vậy cơn tụt dốc của thị trường chứng khoán thế giới chưa có dấu hiệu dừng, lặn như bi về vực sâu. Hành trình giá cổ phiếu tiếp tục đi qua "đầu ba" để đwon(**) về "đầu hai". Ngân hàng bắt đầu làm thủ tục siết nợ các nhà đầu tư không có khả năng thanh toán. Kỳ Hại thật là năm đen tối! Từ một đại gia có nhiều cổ phiếu nhất nhì công ty, gã trở thành con nợ kèch sù trong làng chứng khoán Việt Nam. Chỉ riêng trả lãi suất gã mất tới hơn bảy tỷ. Cổ phiếu về "đầu một" thì trắng tay.

Lững thững đi dọc hành lang không biết nơi nào là tương lai, nơi nào có ngôn ngữ sống động của cổ phiếu, sột soạt của đồng tiền. Có ai đó chửi đồng: Mẹ cha thằng Mỹ khủng hoảng! Gã nhếch mép cười vì câu chửi bằng quơ. Thở dài bảo mọi người: Chơi cổ phiếu chóng chết lắm. Nếu ai không đủ bản lĩnh chỉ còn nước nhảy lầu. Rồi quay đít bước tiếp. Bóng gã liêu xiêu đổ dài trên bậc cầu thang theo vệt nắng, dưới chân cầu là những người công nhân đang chờ đến giờ nhận ca, họ thờ dài: Khổ thân sếp, cổ phiếu với chả cổ phần, ai bảo "mức" sâu quá...■

Hà Nội, tháng 5 năm 2009.

(*) - Là mã cổ phiếu của công ty cổ phần Hoa Điện.
(**) - Chỉ cổ phiếu đi xuống.



XI MĂNG BỈM SƠN DIỆN MẠO MỚI - SỨC MẠNH MỚI

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn tự hào là đơn vị thành viên của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - VICEM.
Với vị thế và diện mạo mới, Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn và các thành viên cam kết kế vai cùng thách thức thời gian,
đưa đất nước lên những tầm cao mới

TRỤ SỞ CHÍNH: Phường Ba Đình - Thị xã Bỉm Sơn - Thanh Hóa
Điện thoại: 0373 824 242 - Fax: 0373 824 046
Website: www.ximangbimson.com.vn
Email: bccjsc.bcc@gmail.com

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM





20 NĂM PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS Ở VIỆT NAM

Tra qua hơn 20 năm đấu tranh phòng, chống HIV/AIDS, các Quốc gia trên thế giới đã và đang phải đương đầu với một đại dịch có tính chất hết sức nguy hiểm. HIV/AIDS không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe con người mà còn ảnh hưởng tới an ninh, sự phát triển và nôi giống của loài người. Hơn 20 năm đấu tranh với đại dịch, tuy đã có những thành công nhất định nhưng ở bình diện chung và cấp độ toàn cầu có thể thấy nhân loại chưa có khả năng ngăn chặn được tốc độ lây nhiễm HIV/AIDS. Tốc độ của dịch HIV/AIDS vẫn tiếp tục gia tăng và tàn phá nặng nề các khu vực như Châu Phi và tiếp theo là châu Á. Một số nước Châu Phi, vùng cận Sahara có tới hơn 50% bệnh nhân nhập viện là do HIV/AIDS, tuổi thọ bình quân đầu người chỉ còn 40 tuổi. Nhiều nước, sự phát triển kinh tế, văn hoá bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Báo cáo của UNAIDS trong năm 2002 cho thấy các nước châu Phi đã có hàng triệu học sinh không được cấp sách tới trường do HIV/AIDS, số đi học năm 2001 thấp hơn 20% so với năm 1998. Nước láng giềng của Việt Nam là Campuchia cũng cho có hơn 12% bệnh nhân nằm viện là do HIV/AIDS.

Kể từ trường hợp nhiễm HIV đầu tiên được phát hiện vào năm 1990, Việt Nam đã xây dựng và thực hiện các kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS trung hạn 1993-1996; 1996-2000, kế hoạch phòng, chống AIDS năm 2001-2005 và tiếp đó là Chiến lược Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn 2020.

Chiến lược Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam đến 2010 và tầm nhìn 2020 được xây dựng trên cơ sở phối hợp liên ngành với sự trợ giúp tích cực của các tổ chức Liên hợp quốc, các tổ chức Quốc tế, các cá nhân đang hỗ trợ cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS tại Việt Nam. Nội dung Chiến lược được phát triển dựa trên các tuyên bố chung của Liên hợp quốc, tuyên bố thượng đỉnh của khóa họp đặc biệt của Liên hợp quốc về HIV/AIDS năm 2001 (UNGASS), các cam kết của Chính phủ Việt Nam và đường lối của Nhà nước Việt Nam trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội; dựa ra các định hướng các ưu tiên và giải pháp phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2004-2010 và tầm nhìn 2020.

Vào thập niên 90 của thế kỷ trước, HIV/AIDS đang còn là một thách thức rất lớn đối với Việt Nam. Công cuộc phòng, chống HIV/AIDS của Việt Nam chỉ thực sự mới bắt đầu sau khi ca nhiễm đầu tiên được khẳng định vào năm 1990, trong những ngày nền kinh tế của đất nước đang thay đổi một cách nhanh chóng, và hệ thống y tế thì vật lộn để thích ứng với những thay đổi này. Ngày ấy hỗ trợ nước ngoài dành cho các dự án nhằm giảm thiểu tác hại của HIV ở Việt Nam còn rất ít, chỉ mới có một vài chương trình can thiệp và cung cấp dịch vụ; chương trình điều trị kháng vi-rút còn chưa bắt đầu. Mỗi năm chỉ có vài trăm người được xét nghiệm HIV và Việt Nam còn chưa thiết lập được hệ thống giám sát trọng điểm. Dù vậy ai cũng đều biết rằng HIV đang âm thầm lây lan... Thế nhưng cho đến hôm nay, sau 20 năm với những nỗ lực to lớn của Chính phủ, của cộng đồng và sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức nước ngoài, Việt Nam có thể tự hào về một ứng phó quốc gia với HIV đa ngành, ngày càng được mở rộng và hiệu quả.

Những thay đổi đã diễn ra từ đó đến nay thật phi thường. Bên cạnh những dấu ấn của sự phát triển nhanh chóng về kinh tế của Việt Nam, với cao ốc hiện đại trong lòng một thủ đô vừa bước qua ngưỡng cửa ngàn năm tuổi, những con đường cao tốc nhiều làn xe chạy cùng với những thay đổi vượt bậc của các thành phố trên khắp các vùng miền của đất nước, chúng ta cũng có thể nhận ra một dấu ấn khác về sự chuyển mình của Việt Nam trong các mục tiêu phục vụ dân sinh, trong đó không thể không nói đến các chương trình, các hoạt động hướng đến mục tiêu ngăn chặn đại dịch HIV/AIDS. Ở rất nhiều nơi đã xuất hiện các Trung tâm y tế, các Cơ sở y tế mới này là một điểm cung cấp dịch vụ toàn diện về HIV, gồm xét nghiệm, điều trị kháng vi-rút, phát bơm kim tiêm và bao cao su, và điều trị thay thế các chất gây nghiện đang thuốc phiện bằng methadone để giúp những người tiêm chích ma túy cai nghiện, không bị lây nhiễm HIV và trở thành một thành viên có ích hơn cho xã hội. Chúng ta đều biết khi cộng đồng ủng hộ và trực tiếp thực hiện các chương trình can thiệp thì các chương trình này sẽ có hiệu quả nhiều nhất - và điều đó đang từng ngày từng giờ diễn ra ở Việt Nam.

Hiện nay đang có nhiều đối tác hỗ trợ công cuộc phòng, chống HIV/AIDS của Việt Nam - đó là Quỹ cứu trợ khẩn cấp của Tổng thống Hoa Kỳ về AIDS, Quỹ toàn cầu phòng, chống AIDS, Lao và Sốt rét, Ngân hàng thế giới, Cơ quan phát triển quốc tế của Anh và nhiều tổ chức khác. Các tổ chức Liên hợp quốc đương nhiên cũng sẽ tiếp tục toàn tâm toàn ý sát cánh và hỗ trợ Việt Nam. Tất cả các đối tác đều có ấn tượng tốt đẹp về những hành động, sự cống hiến và thành tựu mà họ được chứng kiến trong công cuộc phòng, chống HIV/AIDS của Việt Nam.

Và trong sự nghiệp chung đó không thể không kể đến sự hiện diện và tham gia mạnh mẽ của các tổ chức xã hội dân sự. Điều này lại nhắc nhở chúng ta một lần nữa rằng chúng ta đã tiến được một bước rất dài, rằng HIV bằng nhiều cách đã trở thành một nhân tố thúc đẩy và mang lại sự thay đổi.

Nhờ lại những ngày đầu tiên bước vào sự nghiệp phòng, chống AIDS và những thách thức to lớn Việt Nam đã phải đối mặt, không thể không thực sự cảm phục khi chứng kiến sự phát triển vượt bậc của ứng phó quốc gia mà chúng ta đã dành cho vấn đề này. Sự lãnh đạo mạnh mẽ và liên tục đã là cơ sở thiết yếu để tạo ra thay

đổi. Những ví dụ cụ thể gồm thay đổi trong chính sách và việc mở rộng các chương trình can thiệp hiệu quả nhất như methadone, và việc kêu gọi rà soát các cách tiếp cận và các chương trình can thiệp để đảm bảo Việt Nam chỉ tiếp tục thực hiện những chương trình hiệu quả nhất trong thời gian tới. Không chỉ có Bộ Y tế, mà Bộ Công an, Bộ Lao động - thương binh, xã hội, Bộ Giáo dục Đào tạo và các bộ ngành khác đều đang thực hiện các chương trình phòng, chống AIDS hiệu quả trong lĩnh vực riêng của mình.

Bản báo cáo AIDS toàn cầu năm 2010 mà UNAIDS mới công bố gần đây đã nhấn mạnh rằng chúng ta đã chặn được đường tiến của đại dịch HIV/AIDS chính là nhờ những nỗ lực lớn, chắc và hài hòa mà chúng ta đang thấy ở Việt Nam. Tuy nhiên còn lâu nữa chúng ta mới có thể thở phào và nói rằng chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ. Tầm nhìn và mục tiêu của chúng ta là: Không có ca nhiễm HIV mới. Không có phân biệt đối xử. Không có AIDS. Để đạt được mục tiêu này, trước mắt vẫn còn nhiều thách thức mà chúng ta phải vượt qua. Ở Việt Nam vẫn còn gần một nửa số người sống với HIV cần điều trị nhưng chưa được dùng thuốc kháng vi-rút. Cứ bốn phụ nữ mang thai thì mới có một người được xét nghiệm HIV, và cứ ba phụ nữ mang thai nhiễm HIV thì mới có một người được điều trị để giảm nguy cơ truyền vi-rút sang con mình. HIV vẫn đang tiếp tục lây lan trong những đối tượng có nguy cơ cao, trong khi việc tiếp cận đến các dịch vụ dự phòng và điều trị cho những nhóm này, cũng như ngân sách dành cho các chương trình can thiệp cho những nhóm này thường còn chưa hợp lý.

Nhìn ra cả khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chúng ta vẫn thấy còn những bộ luật, chính sách và thực hành mang tính trừng phạt, ví dụ như vấn đề tội phạm hóa tình dục đồng giới, mại dâm, cai nghiện và phục hồi cưỡng bức... và thậm chí cả án tử hình dành cho những người nghiện ma túy... Tất cả những điều đó vô hình dung đang phần nào cản trở các nỗ lực phòng, chống AIDS. Nhiều quốc gia vẫn còn có những bộ luật ngăn cản việc thực thi quyền của những người sống với HIV. Điều này đang tạo nên những thách thức cho công cuộc phòng, chống AIDS phát huy hết sức mạnh của mình. Việt Nam đang đi trước nhiều quốc gia trong khu vực ở hầu hết các lĩnh vực nêu trên, nhưng cũng còn một số lĩnh vực mà chúng ta cần dựa vào các nguyên tắc về quyền con người và tham khảo các kinh nghiệm thành công để thay đổi chính sách sao cho hài hòa, thống nhất được cách tiếp cận khác nhau của các bộ ngành.

Trong thời điểm khó khăn về kinh tế này, nguồn tài chính eo hẹp cũng là một thực tế mà tất cả các quốc gia trong khu vực phải đối mặt. Tốc độ phát triển kinh tế ấn tượng của Việt Nam cũng đồng nghĩa với việc các nhà tài trợ rút dần hỗ trợ với mong muốn Việt Nam sẽ tự huy động được đủ nguồn lực để cung cấp cho ứng phó quốc gia với HIV/AIDS.

Nói ngắn gọn, thách thức của Việt Nam sẽ là phải tiếp tục mở rộng dịch vụ và cải thiện việc tiếp cận tới các dịch vụ về HIV, đặc biệt là cho những nhóm có nguy cơ cao, trong khi các nhà tài trợ rút dần viện trợ phát triển.

Câu hỏi đặt ra là: Làm thế nào để thực hiện được điều đó? Có thể tìm thấy câu trả lời phần nào trong câu chuyện của người phụ nữ được khẳng định là người nhiễm HIV đầu tiên ở Việt Nam. Thật phi thường là người phụ nữ ấy vẫn còn sống, mặc dù gặp khó khăn để được điều trị trong nhiều năm. Sức sống và sức mạnh của chị ấy tượng trưng cho sức mạnh của con người Việt Nam.

Thoát ra khỏi bóng tối của kỳ thị và phân biệt đối xử để tiến vào một kỷ nguyên phòng chống AIDS mới ngày càng rạng rỡ ánh sáng hơn. Đây chính là là điều thiết yếu để có thể thực hiện tiếp các nỗ lực tiếp cận các dịch vụ toàn diện về HIV và đạt được Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ là chặn đứng và đẩy lùi dịch HIV vào năm 2015.

Nguồn: Cục phòng chống HIV/AIDS - Bộ Y Tế
135/3 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (844) 7367128, Fax: (844) 8465732
E-mail: aidsmoh@vaac.gov.vn

CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010

I. Mục tiêu chung:

Không chế tỷ lệ hiện nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư dưới 0,3% vào năm 2010 và không tăng sau 2010, giảm tác hại của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

II. Mục tiêu cụ thể:

- 100% các đơn vị, địa phương trên cả nước, đưa hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trở thành một trong những mục tiêu ưu tiên của chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại các đơn vị và địa phương.
- Nâng cao hiểu biết của người dân về dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS; 100% nhân dân khu vực thành thị và 80% ở khu vực nông thôn, miền núi hiểu đúng và biết cách dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS;
- Không chế lây nhiễm HIV từ nhóm nguy cơ cao ra cộng đồng thông qua việc triển khai đồng bộ các biện pháp can thiệp, giảm thiểu tác hại với chỉ tiêu các biện pháp can thiệp bao phủ cho 100% các đối tượng có hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS.
- Đảm bảo người nhiễm HIV/AIDS được chăm sóc và điều trị thích hợp với chỉ tiêu 90% người lớn nhiễm HIV/AIDS, 100%



Ảnh minh họa các hoạt động tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS.

các bà mẹ mang thai nhiễm HIV, 100% trẻ em nhiễm HIV được quản lý, điều trị, chăm sóc và tư vấn thích hợp, 70% bệnh nhân AIDS được điều trị bằng các thuốc điều trị đặc hiệu.

e. Hoàn thiện hệ thống quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình phòng, chống HIV/AIDS với chỉ tiêu 100% tỉnh, thành phố có khả năng tự đánh giá và tự dự báo về diễn biến của nhiễm HIV/AIDS ở địa phương, 100% xét nghiệm HIV tuân thủ quy định tư vấn xét nghiệm tự nguyện.

f. Ngăn chặn lây nhiễm HIV qua các dịch vụ y tế với chỉ tiêu đảm bảo 100% các túi máu được sàng lọc HIV trước khi truyền ở tất cả các tuyến, 100% cơ sở y tế thực hiện đúng quy định về vô khuẩn, sát khuẩn phòng lây nhiễm HIV/AIDS.

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY XSKT THỦ ĐÔ

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ CHÍNH XÁC NHẤT

KẾT NỐI TRỰC TIẾP VỚI BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT QUAY SỐ

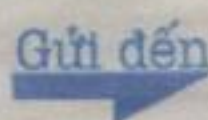


Để lấy kết quả xổ số truyền thống mới nhất

Soạn tin: **XSTD**  **8197**

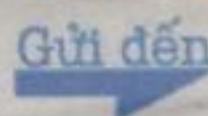


Để lấy 3 kết quả: xổ số truyền thống
- xổ số điện toán và lô tô cặp số

Soạn tin: **XSTD**  **8297**

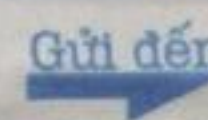


Để nhận kết quả xổ số trực tiếp từ trường quay

Soạn tin: **XSTD**  **8597**



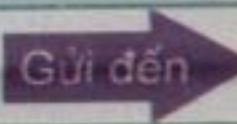
Để lấy kết quả xổ số truyền thống - xổ số
điện toán và lô tô cặp số 20 ngày liên tục.

Soạn tin: **XSTD**  **8797**

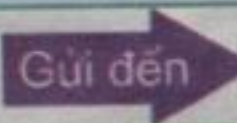
3 6 9 12 14 16

1 5 7 10 12 15

Để nhận kết quả xổ số 3 tỉnh Miền Nam

Soạn tin **XSMN**  **8297**

Để nhận kết quả xổ số Miền Trung

Soạn tin **XSMT**  **8297**

Được đảm bảo bằng thương hiệu xổ số kiến thiết Thủ Đức

MẠNG RIÊNG ẢO QUỐC TẾ

"Mạng của chính Khách hàng"

Cuộc sống đích thực

VNPT



S-VPN

Gọi 18001001
Để biết thêm chi tiết



Công ty Viễn thông Quốc tế

www.vti.com.vn

Sản phẩm của VNPT



VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT • Tổng biên tập : NGUYỄN TRÍ HUÂN

• Phó tổng biên tập : THÀNH ĐỨC TRINH BẢO • Thư ký tòa soạn: NGUYỄN ĐĂNG BẦY • Tòa soạn, Trại sự : 17 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

• Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702640

• Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghethuatvn@gmail.com.

• Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa

- Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang- Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. • In tại Công ty In Báo Nhân dân Hà Nội

• ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội

• Trình bày: PHẠM MINH HẢI • Giá: 5.900 đồng.